

Số 185

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Tản mạn
bên Tháp

Tr. 7

Tết
Trung thu

Tr. 9

Sống với
thực tại

Tr. 16



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
VINH DỰ ĐÓN NHẬN

HUÂN CHƯƠNG
LAO ĐỘNG HẠNG III
&



ĐẠT **TOP 10**
GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2013

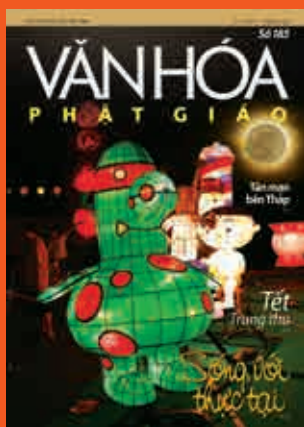


 TÔN HOA SEN

 ÔNG KEM HOA SEN

 ÔNG NHƯA HOA SEN

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiaovnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sao trên bầu trời đêm (Lê Hải Đăng)	3
Sương mai	6
Tản mạn bên Tháp (Trần Tuấn Mã)	7
Tết Trung thu - khởi nguyên và biểu tượng văn hóa (Thủy Linh Lung)	9
Thử nghiệm ca Huế thính phòng (Văn Toàn)	12
Albert Camus - Phiền não tức thị Bồ-đề (Phan Cát Tường)	14
Sống với thực tại (Liên Thu)	16
Sự sùng tín trong kinh Hoa Nghiêm (Nguyễn Thế Đăng)	20
Giao du với kẻ ác (Tấn Nghĩa)	23
Diệu Âm (Đỗ Hồng Ngọc)	26
Đóa quỳnh trong đêm (Thích Nữ Viên Tích)	28
Ngày xấu (Hương Đức)	30
Văn hóa hạ tầng (Hoàng Tá Thích)	34
Những hành động cần được loại trừ (Triệu Mỹ Ngọc)	37
Đồng thanh tương ứng (Phạm Lăng Yên)	38
Ngân nga tiếng chuông Thiên Mục (Nguyễn Trọng Nghĩa)	40
Vết thương rừng (Trịnh Chu)	42
Đình làng Văn Xá, dấu vết của di tích lịch sử (Xuân Trường)	44
Cô hồn trong tín ngưỡng dân gian đồng bằng sông Cửu Long (Trần Minh Thương)	46
Ngộ ra trong sát-na (Nguyễn Mạnh Hùng)	49
Hàng hoa sinh viên (Lê Thị Chân Tú)	50
Thơ (Trường Khánh, Mặc Phương Tử, Nhụy Nguyên, Nguyễn Cẩn, Vũ Thế Ngọc, Phan Thành Minh, Tâm Trung)	52
Bất trăm mã (Lê Quang Kết)	54
Cảm giác thu sang (Nguyễn Thánh Ngã)	56
Xuyến chi (Phong Lan)	57
Trung thu của tuổi thơ tôi (Phạm Tuấn Vũ)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	60

Bìa 1: Đêm Trung thu. Nguồn: shutterstock.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trong thư tòa soạn số 181 ra ngày 15-7-2013, chúng tôi đã lên tiếng về trang điện tử vanhoaphatgiao.org do ông Phạm Đình Phong, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Titan thực hiện; xác định đó chỉ là một trang mạng mượn danh nghĩa của tạp chí Văn Hóa Phật Giáo nhằm thực hiện những mưu đồ cá nhân. Chúng tôi chỉ muốn qua thư đó, ông Phạm Đình Phong nhanh chóng tự ý chấm dứt việc mượn danh nghĩa của VHPG. Rất tiếc, gần hai tháng đã trôi qua mà ông Phong vẫn chưa tự điều chỉnh hành vi mượn danh của mình. Để rộng đường dư luận, chúng tôi xin nói rõ như sau:

Từ một khách hàng đăng quảng cáo, khoảng giữa năm 2012, ông Phong tự động lập một trang mạng để tải lên một số bài viết đã đăng trên VHPG; sau đó, ông tiếp xúc với tòa soạn. Ngày 13-8-2012, ông Phong gửi đến VHPG một thư mời hợp tác thực hiện trang tin điện tử, trong đó ông đề nghị hoặc tài trợ toàn bộ website và server cũng như bàn giao quyền quản trị trang mạng đó cho tòa soạn, hoặc VHPG hợp tác với ông về nội dung. Trong thư, ông Phong nói đến tinh thần làm việc hết trách nhiệm và sự cẩn trọng bằng hạnh nguyện muốn chia sẻ với cộng đồng về các bài viết hay.

Đáp lại, chúng tôi có gửi đến ông Phong một lá thư mang số 271/VHPG để ngày 17-8-1012. Thư trả lời của chúng tôi nêu rõ VHPG không tiếp nhận việc quản trị trang điện tử và yêu cầu hoặc giữ nguyên hình thức cũ của trang mạng nhưng mỗi khi trích đăng bài nào của VHPG thì vui lòng ghi rõ xuất xứ, hoặc có thể lấy tiêu đề của trang mạng là tạp chí Văn Hóa Phật Giáo do công ty Titan thực hiện với điều kiện chỉ đưa lên mạng những nội dung đã được báo in của VHPG đăng tải. Ông Phong đã lập lờ lấy thư trả lời của chúng tôi làm sự thỏa thuận bằng văn bản trong khi thư của chúng tôi chỉ xác định sẵn sàng ủng hộ nếu ông làm đúng những điều kiện trong thư, chứ thực ra chưa có một thỏa thuận nào đã được lập ra giữa ông Phong với chúng tôi. Phát hiện ông Phong có đưa những bài viết không thuộc nội dung đã đăng trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, chúng tôi đã trực tiếp gọi điện thoại yêu cầu ông ngưng việc làm sai trái ấy nhưng vẫn không được đương sự đáp ứng.

Qua thư này, chúng tôi khẳng định với quý độc giả một lần nữa là chúng tôi chưa hề có một thỏa thuận nào với nhóm người thực hiện trang điện tử vanhoaphatgiao.org và đề nghị quý độc giả, quý vị cộng tác viên, ân nhân và thân hữu của VHPG nhận ra những hành vi sai trái của họ. Chúng tôi vẫn mong rằng thông tin trên đây đủ sức cảnh giác ông Phạm Đình Phong và những người hợp tác với ông nhận ra những sai lầm của mình mà chấm dứt việc mượn danh nghĩa của tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, thay vì chúng tôi phải nhờ pháp luật can thiệp để bảo vệ danh nghĩa của tạp chí.

Xin quý độc giả, quý vị cộng tác viên, ân nhân và thân hữu thông cảm.
Xin nguyện cầu Tam bảo gia hộ mọi người được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Sao

trên bầu trời đêm

LÊ HẢI ĐĂNG

Mấy tuần qua, độc giả cả nước phản ứng xôn xao trước nhận xét của nhạc sĩ Nguyễn Ánh 9 về một số ngôi sao nhạc Pop đang lấp lánh trên bầu trời âm nhạc nước nhà được đưa ra trong một cuộc phỏng vấn trên VTC News. Âm nhạc vốn là “vùng trời bình yên” nay trái gió trở trời, chuyển mây giăng mưa gây bão giông trên dư luận... Nhiều người vốn kiệm lời bỗng phải thốt lên những điều nuốt không trôi, khạc không ra tích tụ từ nhiều năm qua. Sự xuất hiện của bài phỏng vấn trên giống như một em bé ném viên cuội xuống mặt hồ phẳng lặng, khiến cho gợn sóng lẫn tần. Và sóng nổi sóng bởi cộng đồng mạng khiến cho cuộc tranh luận càng trở nên sôi nổi, lạc từ địa hạt âm nhạc sang văn hóa, xã hội.

1 Quá trình tích tụ của bóng đêm

Theo quy luật, nền âm nhạc của một quốc gia chuyển biến từ tình trạng cách ly sang xu hướng lựa chọn, sau đó hướng tới tính chất tổng hợp, cộng tồn, đan xen giữa yếu tố ngoại lai và duy trì, phát triển những đặc điểm truyền thống. Bước vào nền kinh tế thị trường với đặc điểm nhiều rủi ro, đời sống văn hóa, xã hội đất nước không tránh khỏi tổn thất về mặt tinh thần. Nhu

cầu hưởng thụ văn hóa đã thoát khỏi tình trạng bình quân chủ nghĩa, kéo theo tính chất phân tầng ngày một rõ rệt. Đồng tiền nhanh chóng ngự trị, đóng một tiếng nói nhất định trong nhiều hoạt động văn hóa.

Khi đời sống kinh tế chuyển biến mạnh mẽ kéo theo một bộ phận diễn viên, ca sĩ hoạt động theo quy luật cung cầu của thị trường thì các đoàn nghệ thuật không còn là nơi duy nhất cung ứng sản phẩm. Thay vào đó, nhiều ca sĩ tự khẳng định vị trí hay đẳng cấp của mình qua các danh hiệu giống như “thương hiệu” trong hoạt động thương mại, như ca sĩ triển vọng, tài năng trẻ, ngôi sao, Nữ hoàng nhạc pop, siêu sao, diva, idol... Những từ ngữ này trôi nổi ngoài thị trường, len lỏi vào thói quen hưởng thụ nghệ thuật của tầng lớp đại chúng. Họ ngày càng quan tâm nhiều tới những chương trình có sự xuất hiện của các ca sĩ mà bản thân họ ngưỡng mộ, tôn sùng thành sao.

Hoạt động quảng cáo đóng vai trò đặc lực trong việc tạo nên vẻ hào nhoáng, sang trọng bề ngoài của sản phẩm. Văn hóa “bao bì” tô điểm, gia tăng thêm sức hấp dẫn cho buổi trình diễn nhằm lôi kéo nhiều người đến với nghệ thuật. Xuất phát từ đặc thù của thứ hàng hóa vô hình, “khách hàng” chưa nắm bắt được sản phẩm trước khi mua, nên quảng cáo trở thành chiếc cầu nối

gắn kết giữa hai đầu hư vô của khoảng cách thời gian – trước và sau khi thưởng thức. Đứng trước nhu cầu thực dụng, quảng cáo tự vận mình để chuyển từ phương thức đơn giản, như tờ rơi, loa phóng thanh, pa-nô, băng-rôn, đăng tin trên báo chí... cho tới phát thanh, truyền hình, internet, tin nhắn, Facebook... Không gian càng rộng mở càng cần có sự tham gia của hoạt động quảng cáo, tiếp thị, trợ tiêu, khuynh hướng tiếp cận đối tượng thông qua nhiều kênh thông tin chuyển tải nhanh chóng, hiệu quả, đến được với số đông. Nhiều ca sĩ được tung lên thành sao, siêu sao, nữ hoàng, thần tượng... đều không nằm ngoài mục đích tăng thêm sức hấp dẫn cho sản phẩm. Biện pháp tiếp thị, giá trị thương hiệu trở thành công cụ hướng tới mục tiêu lợi nhuận của nhà cung ứng. Khách hàng được tôn lên thành “thượng đế”, rồi từ chỗ giác ngộ quyền lợi đi đến vượt quá giới hạn, thậm chí trở thành người cầm cân nảy mực định đoạt số phận và cả giá trị của tác phẩm!

2 Con dao hai lưỡi của công nghệ
Thế kỷ XX, loài người chứng kiến nhiều chuyển biến về mặt văn hóa mà một trong những sự kiện quan trọng ảnh hưởng tới đời sống là những thành quả ứng dụng của việc phát minh ra điện. Điện được áp dụng rộng rãi ở tất cả các ngành, trong đó có ngành âm nhạc, như sự xuất hiện của nhạc cụ điện tử, nhạc điện tử, kỹ thuật thu thanh, phát thanh, truyền hình... Những phương tiện hỗ trợ trung gian, như âm thanh, ánh sáng, laser... có khả năng tạo hiệu ứng không gian ba chiều kết hợp với đạo cụ, nhả mù, giăng mây vẽ lên bầu không gian huyền ảo, lung linh sắc màu làm nền cho sự xuất hiện của nhân vật trung tâm để khiến người quan sát liên tưởng tới Thiên giới có tinh cầu lấp lánh.

Nhìn lại lịch sử phát triển của ngành âm nhạc, thay đổi của công nghệ luôn tác động hai chiều lên sự thay đổi của bản thân nghệ thuật và cách thức thưởng thức. Sự ra đời của nhạc cụ điện tử kéo theo trào lưu âm nhạc điện tử. Sự ra đời của chiếc máy tính kéo theo sự thay đổi về kỹ thuật thu âm, phối khí, cùng nhiều thủ pháp biến ảo, đa năng đem đến hiệu quả âm thanh kỳ diệu. Hiện tượng hát nhép chỉ phổ biến vào giai đoạn có sự gia nhập của công nghệ thu âm tiên tiến. Hát nhép bị coi là hành vi lừa dối khán thính giả, vì không phản ánh trung thực năng lực của ca sĩ và biến họ thành “kịch sĩ”.

Nói chung, quá trình “công nghệ hóa” đã có nhiều đóng góp tích cực cho nghệ thuật âm nhạc. Điều cần phê phán là mặt trái của việc lạm dụng kỹ thuật. Vì nó đẩy người làm nghệ thuật đến chỗ biến hoạt động sáng tạo thành công việc thuần túy kỹ thuật, dẫn đến tình trạng “sinh sản vô tính”, thậm chí “vô tội vạ” tác phẩm âm nhạc. Xuất phát từ chỗ lạm dụng công nghệ, trong hoạt động thực tiễn, nhiều người rơi vào xu hướng lựa chọn giải pháp kỹ thuật thay cho sáng tạo. Kỹ thuật giống như

con dao hai lưỡi, một lưỡi đem lại khả năng chuyển tải, biểu đạt phong phú, một lưỡi tạo ra khuynh hướng bị lệ thuộc. Ưu điểm của công nghệ có thể vượt xa giới hạn thông thường của tự nhiên, người giỏi biết tận dụng, khai thác mặt tích cực, người bình thường coi nó như chỗ dựa; còn người dờ dấy đó làm chiếc mặt nạ nhằm che đậy những cái không phải là nghệ thuật.

3 Ảo giác vô biên

Theo quan niệm truyền thống, âm nhạc chú trọng kênh nghe, người tiếp xúc có thể nhắm nghiền mắt khi thưởng thức để lạc vào thế giới tưởng tượng. Trên thực tế, do tác động của truyền hình, Internet... kênh nhìn đã làm thay đổi thói quen đó. Truyền hình có khả năng tác động tới khối lượng lớn khán thính giả. Sự thống trị của truyền hình làm thay đổi cả một “đồng sự” rất gần là báo chí. Báo chí từng bị ảnh hưởng truyền hình bởi cách phản ánh hiện thực giống như chiếc ống kính máy quay, quan tâm tới những hiện tượng diễn ra phía trước. Trong quá khứ người nghe nhạc tiếp xúc với tác phẩm trực tiếp trên sân khấu hoặc thông qua đài phát thanh, máy cassette, băng từ; đến khi băng hình, đĩa hình, truyền hình, internet... xuất hiện, chúng dần thay thế địa vị độc tôn của băng tiếng, đĩa tiếng; yếu tố trình diễn bắt đầu được quan tâm nhiều hơn, rồi phát triển đến chỗ lấn át những giá trị mang tính khởi phát, cốt lõi mang khía cạnh bản chất của nghệ thuật âm nhạc.

Không phải ngẫu nhiên mà quá trình “phù phép” đẩy một ca sĩ thường thường bậc trung lên thành ngôi sao trong công nghệ lăng-xê cần tới sự trợ giúp của truyền hình. “Sao” muốn lên trời tỏa sáng trước tiên phải lên hình (tivi) để công chúng biết mặt. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường tất yếu dẫn đến sự thăng thế của số đông và truyền hình có được thế mạnh nhờ khả năng tác động đến số lượng công chúng đông đảo. Công nghệ lăng-xê sử dụng truyền hình như một phương tiện chủ đạo nhằm tác động vào đám đông gây ảnh hưởng đến xu hướng lựa chọn, từ đó tạo ra thị hiếu. Đến ngay cả tổ chức khủng bố cũng không từ chối tác động của truyền hình bằng cách tạo ra hiện trường đổ nát, rồi thông qua phương tiện truyền thông chuyển đi những hình ảnh man rợ nhằm thực hiện ý đồ khủng bố tâm lý đối với công dân trên khắp hành tinh. Không hiếm ca sĩ ngôi sao cũng khủng bố thính giác của nhiều người bằng cách đó. Khán thính giả ngày nay khó thể tìm đâu ra những ngôi sao “giấu mặt”, một mình tỏa sáng âm thầm như thời hoàng kim của nghệ thuật Baroque, Cổ điển, Lăng mạn, Ấn tượng... trên thế giới. Gangnam style nổi đình nổi đám khắp địa cầu năm 2012 cũng nhờ kênh chuyển tải bằng hình ảnh để lây lan nhanh chóng như tế bào ung thư di căn trên mạng.

Bên cạnh truyền hình, một công cụ đa năng có ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống văn hóa đó chính là mạng internet. Mạng internet có thể coi như một môi trường văn

hóa rộng lớn, tập hợp bao la vạn tượng mọi dạng thức văn hóa từ thượng đẳng cho đến hạ cấp. Cái gì người ta cũng có thể tung lên mạng. Vì đóng vai trò đa năng nên mạng internet kiêm luôn chức năng giáo dục. Tất nhiên, chất lượng của mọi loại hình giáo dục trên mạng ra sao thật khó thể kiểm soát, chỉ có thể dựa vào năng lực phán đoán cùng kỹ năng lựa chọn của người tiếp xúc. Và điều này, cả nền văn hóa và giáo dục nước nhà vẫn chưa trang bị được cho người sử dụng. Trên thực tại ảo của băng thông rộng hiện lên một môi trường âm nhạc đa tạp, tác động vào tầng lớp đại chúng gây ra hiện tượng cộng hưởng trên diện rộng dẫn tới tình trạng ô hợp như hiện nay.

Như đã nói, môi trường văn hóa và lĩnh vực giáo dục nước ta đều chưa làm được nhiệm vụ thiết lập hệ thống phòng thủ tâm lý bên trong mỗi cá nhân nhằm ngăn chặn những dạng thức văn hóa cấp thấp trong xu hướng lựa chọn. Thực trạng giáo dục nặng về lượng, nhẹ về chất góp phần tạo ra những khiếm khuyết trong quá trình trưởng thành của công chúng. Mục tiêu đào tạo toàn diện càng nhấn mạnh bao nhiêu, sự khiếm khuyết, bất túc càng lộ rõ bấy nhiêu mà một trong những thiếu sót lớn là chưa trang bị hệ thống giá trị: Chân – Thiện – Mỹ. Trong ba cột trụ của tòa thành trì văn hóa gần như bị hủy hoại đến điêu tàn này, hệ chuẩn mực thẩm mỹ xếp ở vị trí cuối cùng, khởi đầu từ giáo dục mầm non cho đến bậc đại học. Hậu quả của nó đã để lại trên chính năng lực phán đoán thẩm mỹ của đại chúng.

4 Bóng tối vô tri

Âm nhạc vốn là hoạt động sáng tạo, không thể tách rời khỏi bối cảnh văn hóa. Trong xu hướng hội nhập, âm nhạc bị xoáy theo cơn lốc của thời đại công nghệ, cộng hưởng với một nền kinh tế thị trường nửa vời có xu hướng biến mọi sản phẩm thành hàng hóa tạp nham nhuộm màu chợ trời. Xét ở khía cạnh nào đó, âm nhạc cũng giống như tôn giáo, trong điều kiện “vô thường” tất yếu nảy sinh vô vàn biến thái, mà ở đó, mỗi sở thích đi kèm với một vị Thượng đế. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự thúc đẩy quá trình chuyển hóa bối cảnh, kéo theo quy luật “phủ định” lẫn nhau giữa các trào lưu âm nhạc và thị hiếu. Đám đông vây quanh thần tượng để khóa lấp nỗi niềm cô đơn của nhân vật trung tâm trong xã hội hiện đại là những cá nhân vô danh. Từ sự vô tri của đám đông làm nền cho những cá nhân hữu danh tỏa sáng một cách hư ảo trên nền trời tối của âm nhạc, tương phản giữa danh và thực, giữa ánh sáng giả tưởng và giá trị hiện hữu. Vô tri và ảo giác là hai thành quả góp phần tôn vinh nhiều ca sĩ tên tuổi thời gian qua. Các giá trị ảo khởi phát từ tổ chức quan phương xuống tới thị trường bẽ bộn, từ cơ sở đào tạo ra ngoài chốn dân gian sôi động, nhiều nghệ sĩ được phong danh hiệu quyền uy khi trình độ nghề nghiệp đã sa sút, lấy quan nghiệp thay cho sự nghiệp, lượng hóa thành tích; ca sĩ thể hiện đẳng cấp bằng số lượng CD phát hành, thường xuyên xuất hiện trong chương trình hoành tráng, có thời lượng phát sóng

vào giờ vàng, có lực lượng fans đồng đảo... Tư duy kỷ lục làm cho nhiều người hoa mắt, kể cả những người làm văn hóa. Tất cả sản phẩm đều bị quy chiếu bởi tiêu chí “số lượng”. Hơn mười năm trước, tác giả Nguyễn Bình Quân có viết một bài với nhan đề “Nếu nghệ thuật là điện” đăng trên tạp chí *Tia Sáng*, sau in trong tập sách “*Một góc nhìn của trí thức*” tập ba, Tạp chí *Tia Sáng* và Nhà Xuất bản Trẻ phát hành. Giả sử lĩnh vực nào cũng là điện thì tai nạn “nghề nghiệp” chắc chắn sẽ không kém gì tai nạn giao thông xảy ra trên đường phố. Bóng tối vô tri chính là một trong những nguyên nhân làm méo mó, biến dạng nhiều giá trị. Mặc dù đời sống đã có nhiều tiến bộ vượt bậc về công nghệ, nhưng vẫn không khóa lấp được khoảng trống hư vô của những giá trị nghệ thuật đích thực làm nền cho một đời sống âm nhạc trưởng thành, vươn tới đỉnh cao. Các khái niệm như *diva*, *idol*... chưa có khả năng dẫn dòng sông âm nhạc nước nhà hòa vào đại dương âm nhạc mệnh mông của thế giới. Tư duy “kỷ lục” khó thể giúp cho đời sống âm nhạc thoát khỏi khung cảnh âm đạm của buổi hoàng hôn, vì thiếu nhân tố nội dung, phẩm chất nghệ thuật. Nhiều người làm âm nhạc kết hợp với truyền hình tổ chức những chương trình pha trộn giữa sân khấu và sân chơi. Ranh giới mong manh giữa hai sân này xóa nhòa dễ tước mất vai trò kiểm soát của lý trí, mặc cho cảm tính bốc đồng. Trước sức ép của những tiếng reo hò, la hét, tung hô cổ động cộng hưởng bởi đám đông, đến ngay cả cơ quan thẩm định hay dở là thính giác của mỗi cá nhân cũng đi vắng, khiến cho sân khấu biến sắc, nhuộm màu sân vận động. Bản thân ca sĩ cũng bị choáng ngợp, phỉnh lừa bởi sức mạnh trong sự tăng tốc của đám đông. Nhiều người rơi vào vòng tròn ác tính của môi trường giả tưởng, tự giãn nở, trương phình theo chiều biến thiên của cái tôi đáng ghét. Việc tiếp thu, du nhập nhiều khái niệm mới, như Nữ hoàng, Thần tượng, Diva, Ngôi sao, Siêu sao... tô điểm cho đời sống âm nhạc thêm phong phú, nhưng nếu không khu biệt được giữa danh và thực, lạm dụng mỹ từ bóng bẩy dễ dẫn tới ngộ nhận, làm hỏng âm nhạc lẫn công chúng. Ngôi sao vốn là hồi quang phản chiếu xuất hiện trên nền tối của bóng đêm. Thần tượng là hóa thạch của những vị thần huyền thoại, còn Diva chỉ có trong cổ tích. Tất cả đều cùng chung một đặc điểm là không có khả năng ca hát, chỉ có ca sĩ mới biết hát. Ca sĩ có người hay kẻ dở, hạng giỏi hạng xoàng... phản ánh khía cạnh bản chất nghề nghiệp. Thói quen sử dụng “bao bì” núp bóng mỹ từ nhằm đóng gói cho sản phẩm kém chất lượng gây ô nhiễm bầu không khí âm nhạc. Khi mặt trời trí tuệ chiếu sáng bằng những giá trị đích thực sẽ xóa đi bóng đêm tăm tối và các vì sao cũng phải di trú, biến mất. Bởi:

“Có thì có tự mây may

Không thì cả thế gian này cũng không”^a. ■

Chú thích:

a. Hai câu đầu trong bài kệ “*Hữu không*” của Thiền sư Từ Đạo Hạnh.

**Sợ hãi không đến với người
trí, nguy hiểm không đến với
người trí, tai họa không đến
với người trí.**

***Kinh Tăng Chi Bộ,
Chương Ba pháp***

Ảnh: Ngô Văn Thông

**Tưởng niệm cố Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu
(12 năm viên tịch: 17/8 Tân Tỵ 2001 – 17/8 Quý Tỵ 2013)**

Tắm mạn bên Tháp

TRẦN TUẤN MẪN

Rằm tháng Giêng năm Nhâm Ngọ, tôi lên vùng núi Thiên Thai đến thôn Ngủ Tây, xã Thủy An, để lễ lạy tháp Ôn Từ Đàm. Trời Huế lạnh và nhiều sương, nắng chiều vươn nhẹ trên tầng cao của tháp. Tất cả đều im vắng, thanh thản nhẹ nhàng như đám lá rừng thông lắc lư đàng sau tháp.

Có tiếng chuông đổ về, có lễ từ chùa Thuyền Tôn, ngôi chùa cổ vừa được Ôn hoàn tất việc đại trùng tu năm ngoái. Một con chim nhỏ bay từ xa ghé lại phía bên tháp Tổ Liễu Quán kế cận tháp Ôn, cất tiếng hót ngắn, lẻ loi, cô quạnh. Tôi bỗng nhớ đến Ôn vô cùng.

Ôn nằm xuống đây gần ngót năm tháng. Buổi chiều Ôn về cõi tịnh, nắng Huế vàng hoe. Hôm đoàn xe đưa giác linh rời chùa Từ Đàm về đây, mưa Huế sùi sụt. Bỗng chốc tôi ngỡ mình đang mơ..., vô thường là thế này đây, giả đấy thật đấy là cái thực tại này; trộm nghĩ giá mà thấy được tất cả đều giả trong thế giới hiện tượng này thì an tâm biết mấy.

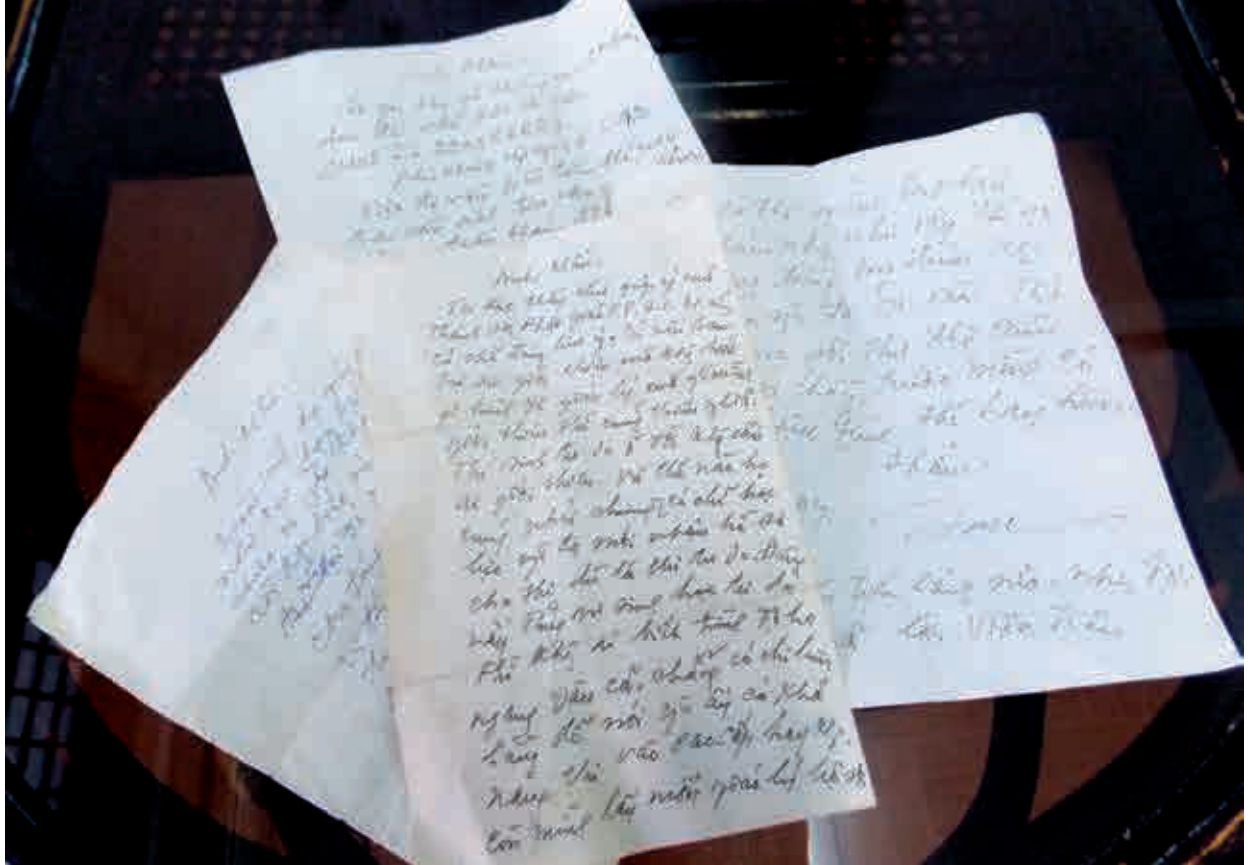
Bảy tháng trước đây, nhân hôm cuối chuẩn bị cho lễ tốt nghiệp và cấp phát văn bằng cử nhân Phật học cho Tăng Ni sinh khóa I của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, tôi hầu Ôn đi khắp Học viện. Ôn đang bệnh nhưng bước đi vẫn vững chặc, khuôn mặt rạng rỡ. Nhìn mấy bông hoa hồng vừa mới cắm vào bình, Ôn dạy: "Sao lại lựa hoa có màu nhạt quá rứa?!" Rồi khi xuống hết cầu thang, chỉ những hoa hồng đỏ thắm, do quý Sư cô đang cắm vào bình, Ôn dạy: "Ừ, ít ra thì cũng có hoa đỏ như ri nì!". Tôi buột miệng: "Bạch Ôn, hoa giả cả đó". Ôn cười nhẹ và nói: "Chớ có cái chi không giả, chỉ ra coi nào!". Ôn là thế, luôn luôn nhẹ nhàng đơn giản, tùy duyên mà dạy bảo. Một hôm Ôn gọi tôi đến bên cạnh và nói: "Anh đừng nghĩ rằng hút thuốc mới viết được văn hay. Cụ Nguyễn Du ngày xưa đâu cần đến thuốc lá?" – "Dạ con sẽ cố theo lời Ôn dạy mà bỏ thuốc lá..." – "Ừ, phải, anh phải bỏ hút, phải có sức khỏe để làm Phật sự..." – "Dạ bạch Ôn, con sẽ cố gắng... nhưng con nghĩ có lẽ xưa kia cụ Nguyễn Du có hút thuốc lào..." Ôn cười: "Nghe cũng đúng... nhưng xưa không ai nhắc nhở cụ Tiên Điền".

Tháp Ôn chỉ mới được hoàn tất phần cơ bản, bia đá chưa được dựng và tám cột trụ đá trước hai vòng tháp chưa khắc các câu đối, nghe đầu quý Thầy đang chọn câu, lựa chữ. Tôi còn nhớ ba năm trước đây, có lần Ôn



dẫn phái đoàn sang thăm hữu nghị Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, nhân khi được đề nghị viết vào sổ lưu niệm ở một Phật tự, Ôn đề nghị được viết bằng bút lông thay vì bút bi. Phía bạn ngạc nhiên và hoan hỷ đáp ứng, Ôn viết một mạch hai câu đối bằng chữ Hán riêng tặng bốn tự. Tôi từng được nhận thức tài năng văn học cũng như bút pháp Hán tự của Ôn nhưng quả thực chưa bao giờ thấy Ôn phóng bút linh hoạt đến như thế. Thế là những ngày tiếp theo, Ôn đến đâu, các vị ở đấy cũng chuẩn bị sẵn giấy bút để xin chữ Ôn. Thậm chí tại chùa Đại Từ Ân, nơi thờ ngài Huyền Trang, người ta bày sẵn cả một tờ giấy to hơn cái bàn viết và một cây bút lông lớn như cán chổi gác bên nghiêng mực vừa được mài quánh. Ôn bình thần ấn bút vào nghiêng, vung tay viết một mạch, nét chữ mạnh mẽ mà uyển chuyển, hùng tráng mà thanh bai... Xong phần lạc khoản, tiếng vỗ tay vang lên. Ôn cười nhẹ và cảm ơn mọi người. Phải chỉ những cột đá này được khảm khắc bằng những nét chữ của chính Ôn.

Tháp Ôn vẫn vắng lặng và chiều xuống dần. Từ độ Trung thu năm ngoái, lần này tôi về Huế, vắng bóng Ôn, không được hầu chuyện và nghe Ôn dạy bảo. Tôi vô cùng muốn được nghe lại tiếng nói Ôn, đầm ấm, thấm



sâu vào lòng. Một bận Ôn cùng Hòa thượng Minh Châu dẫn một phái đoàn Phật giáo Việt Nam sang chiêm bái các Phật tích tại Ấn Độ và tôi được tháp tùng. Đoàn ghé đến Kusinagar, vào chùa Đại Niết-bàn và sau thời kinh tán Phật, tiếng Ôn vang lên: “Kính lạy Đức Thế Tôn, đến nay chúng con mới có duyên may đến đất Phật lễ lạy Thế Tôn, nhưng Thế Tôn đã nhập diệt từ hơn 25 thế kỷ rồi...”. Mọi người nước mắt ràn rụa, một cảm giác khó tả, vừa buồn tiếc nuối, vừa hân hoan thanh tịnh...

Đạo thăm Ôn lần cuối, tôi từ thành phố Sài Gòn bay ra Huế, tưởng mình là người về trẻ nhất, té ra trên chuyến bay còn có nhiều Tăng Ni và Phật tử: Đại đức Đạt Đức, cư sĩ Lê Mộng Đào, chị Từ Uyển... Tôi quỳ bên giường Ôn, nhìn qua thấy chị Từ Uyển đang sụp lạy, nước mắt chảy dài. Chị Kim Lan – tội nghiệp, từ Đức về Huế cả tuần nay – đang nắm lấy tay Ôn thì thấm điều gì đó. Sau đó, dưới bóng cây bồ-đề trước sân chùa Từ Đàm, thấy hai chị mắt đỏ hoe, tôi nhắc nhở hai chị và cũng tự nhủ mình: “Ôn vẫn thanh thân và tự tại như thế... Khi Ôn tịch, chúng ta không nên khóc như thói thường...”. Thế mà ba ngày sau, khi Ôn xả nhục thân, giữa tiếng chuông trống bát-nhã và tiếng niệm Tiếp dẫn Đạo sư A-di-đà Phật của quý Thầy, quý Sư cô và chư Phật tử, tôi thấy hai chị nấc lên từng hồi. Tôi bỗng thấy như bị tức ngực, hình ảnh Ôn và mọi người mờ đi... E mình đã khóc? Thôi cũng chẳng sao, xưa ngài A-nan cũng vật vã khóc than khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tôi còn nhớ cách đây tám năm khi tôi đang hầu chuyện với Thượng tọa Chơn Thiện ở phòng tiếp tân của khách sạn Kanishka ở New Delhi, Ấn Độ, bỗng thấy Ôn và Hòa thượng Minh Châu đến gần. Chúng tôi đứng lên vái hai Ôn, Ôn ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống rồi khoan thai bảo tôi: “Anh M., chuyến ni trở về

hãy xuống tóc, tôi lo liệu cho... chứ anh cứ lông bông bên ngoài thì uống lắm”. Tôi xúc động đến nghẹn lời, chỉ biết chấp tay vái lạy hai Ôn. Thượng tọa Chơn Thiện đỡ lời: “Bạch Ôn, anh M. còn vướng bận nhiều chuyện, con sẽ xem chừng rồi sẽ trình Ôn...”. Lạy Ôn, đến nay tóc tôi vẫn còn để dài, còn dài hơn hồi đó và đã nhuộm bạc. Tôi vẫn vướng bận trần lao nhưng xin nguyện một dạ theo Phật, quy mạng về Ôn...

“Kính bạch Ôn, còn đâu nữa những lời chỉ dạy của Ôn, con muốn biết bao nhiêu được nghe lại âm thanh của Ôn khi được hầu Ôn và được nghe Ôn nhận định về tư tưởng của Rousseau, Montesquieu, đến Maria Montessori, Frénet, Rogers, Whitehead, Dewey..., đến nền giáo dục hiện đại. Con muốn biết bao nhiêu được nghe lời Ôn nhắc nhở, chỉ dạy cho con về việc nghiên cứu kinh sách và tu tập. Con nhớ biết bao nhiêu những lần được theo chư Tăng Ni, Phật tử đón và đưa Ôn vào những buổi sáng, buổi trưa, chiều và tối tại sân ga, sân bay trong những lần Ôn có Phật sự đến Sài Gòn. Con nhớ biết bao nhiêu...”

Bây giờ thì Ôn nằm yên trong tháp tịnh. Ngôi tháp bảy tầng cao vút lên. Trăng rằm tháng Giêng tròn vành vạnh. Cảnh vật trầm hẳn dưới ánh sáng lung linh của vài tia nắng cuối cùng và của ánh trăng vừa mới hiện. Trời se lạnh và sương xuống nhiều, xao xác vài tiếng chim kêu và tiếng vỗ cánh ở đối thông phía sau tháp. Thoang thoang mùi hoa đêm, tôi tưởng tượng chẳng?

Bỗng nhớ đến hai câu thơ của Ôn:

Đạo thụ hoa khai hương mãn kính

Tòng lâm nguyệt hiện diệu quy sào.

“Kính lạy Ôn, con phải ra về trước khi trời tối”. Tôi biết và sẽ có hàng bao nhiêu người đến lễ tháp Ôn, nhưng giờ này, giữa buổi chiều hôm hiu quạnh, chỉ có mình tôi đang thương nhớ Ôn vô cùng. ■



Tết Trung thu

Khởi nguyên và biểu tượng văn hóa

THỦY LINH LUNG

1 Trung thu tiết - Khởi nguyên

Tết Trung thu là một lễ hội dân gian truyền thống ở khu vực Đông Á được tổ chức vào ngày 15 tháng 8 âm lịch hàng năm. Tết Trung thu không chỉ là lễ hội cổ truyền của người Trung Hoa mà còn là một lễ tết truyền thống của các nước đồng văn như Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam và một số dân tộc khác. Mặc dù cũng có những quan điểm cho rằng truyền thống mừng ngày Trung thu xuất phát từ nền văn minh lúa nước của người Việt và những tộc người ở phía Nam Trung Quốc, nhưng khối lượng những truyền thuyết của người Trung Hoa liên quan đến sự khởi nguyên Tết Trung thu xem ra vẫn dồi dào hơn.

Nông lịch của người Trung Quốc chia một năm ra làm bốn mùa xuân hạ thu đông, mỗi mùa có ba tháng. Tháng Tám rơi vào tháng thứ hai của mùa thu (*Thu quý* 秋季) nên được gọi là *trọng thu* (仲秋) hoặc *trung thu* (中秋). Ngày rằm tháng Tám là ngày mà mặt trăng sáng rõ nhất trên bầu trời; do đó, từ thượng cổ, người Trung Quốc đã có tục cúng trăng vào ngày rằm tháng Tám.

Để giải thích tục cúng trăng, truyền thuyết Trung Hoa thời cổ có câu chuyện Hằng Nga bôn nguyệt (Hằng Nga chạy trốn lên mặt trăng). Đã là truyền thuyết thì có nhiều dị bản, nhưng phiên bản sau được chấp nhận và phù hợp với tâm thức dân gian hơn cả: Chàng Hậu Nghệ dùng cảm đã trèo lên đỉnh Côn Lôn bắn chín mặt



trời chỉ chừa lại một mặt trời để cứu dương gian và được Vương Mẫu nương nương ban cho thuốc trường sinh bất tử. Một lần, khi chàng rời nhà đi săn, Hằng Nga, vợ chàng, đã bị Bàng Mông, một kẻ tâm thuật bất chính, ép phải giao thuốc trường sinh. Vì không muốn viên thuốc rơi vào tay kẻ bất nhân, Hằng Nga đã uống viên thuốc và nàng trở thành một tiên tử trốn lên cung trăng. Hậu Nghệ trở về biết chuyện rất nhớ thương Hằng Nga. Nhìn lên mặt trăng thấy thấp thoáng có bóng giai nhân, chàng bèn cho người bày dưới bóng trăng những thức ăn mà Hằng Nga vẫn thích, rồi mời một số người thân đến uống rượu tâm tình. Về sau, mọi người theo đó bày hương án dưới ánh trăng, cầu xin Hằng Nga ban cho may mắn và bình an.

Các nhà nghiên cứu cho rằng xét về góc độ từ nguyên, hai chữ Trọng thu được tìm thấy sớm nhất trong thiên Nguyệt Lệnh của sách Lễ ký, một thiên sách nhằm phác lược chương trình hoạt động của bậc thiên tử thời xưa suốt 12 tháng trong một năm.

Sách ghi:

Trọng thu chi nguyệt... thị nguyệt dã, dưỡng suy lão, thụ kỷ tượng, hành mi chúc ẩm thực.

(仲秋之月... 是月也, 養衰老, 授几杖, 行饗粥飲食).

Nghĩa là:

Tháng giữa mùa thu... tháng này nuôi dưỡng người già yếu, cho ghế ngồi và gậy chống, cho cháo và thức ăn thức uống.

Như vậy, vào tháng Tám, bậc nhân chủ nên quan tâm tới những người cao tuổi; do đó, trong nhân gian, con cháu cũng trở về cố hương để cha mẹ vui lòng, hình thành ý nghĩa của sự đoàn viên.

Phải chờ đến đời nhà Đường, với truyền thuyết Đường Minh Hoàng (Đường Huyền Tông, 685-782) du nguyệt điện, cho rằng trong ngày rằm tháng trọng thu, nhà vua được lên đến cung Quảng Hàn rồi sau đó sáng tác nên điệu múa Nghê thường vũ¹, tục thường trăng

nhân ngày rằm tháng Tám âm lịch mới trở thành định lệ; cũng có thuyết cho rằng ngày rằm tháng Tám còn là sinh nhật của Đường Huyền Tông.

Dần dần, lễ hội Trung thu trở nên phổ biến vào cuối đời nhà Tống. Năm 1276, quân Mông Cổ chiếm Lâm An, kinh đô nhà Nam Tống. Niên hiệu Chí Nguyên thứ 16 (1279), Mông Cổ tiêu diệt toàn bộ tàn quân của Tống, chính thức đặt sự cai trị trên toàn lãnh thổ Trung Quốc với một chính sách cực kỳ tàn bạo và hà khắc. Trong cuộc khởi nghĩa chống Nguyên Mông, mưu sĩ Lưu Bá Ôn đã khôn khéo dùng bánh trung thu để truyền đi mật lệnh: Ngày 15 tháng 8 là ngày tiêu diệt Thát tử (xước danh người Hoa gọi người Mông Cổ). Năm 1368, cuộc khởi nghĩa chống Mông Cổ thành công, người lãnh đạo của khởi nghĩa là Chu Nguyên Chương lên làm vua mở ra nhà Minh, đặt niên hiệu là Hồng Vũ. Từ đó hàng năm, cứ đến dịp Trung thu, Minh Thái Tổ (tức Chu Nguyên Chương) lại ban bánh ngọt cho quần thần; việc làm này vừa có ý nghĩa chúc mừng ngày Tết, vừa để ôn lại những khó khăn thuở còn hàn vi của cuộc khởi nghĩa. Từ thời Minh Thanh trở đi, Tết Trung thu trở thành một ngày Tết truyền thống của Trung Quốc.

2 Lễ hội Trung thu và những biểu tượng văn hóa

2.1. Bóng trăng – Hình ảnh đoàn viên

Mặt trăng luôn là hình ảnh gần gũi và thân thuộc với mọi người. Trăng theo chân ngày mùa đi vào từng giấc mơ của người nông dân. Trăng in bóng trong những câu hát ngàn đời của dân tộc. Trăng bao tuổi ta nào biết, chỉ hiểu trăng là trăng, muôn đời vẫn thế, tròn đầy, hao khuyết rồi lại viên mãn. Trong kho tàng truyền thuyết của nhân loại có nhiều câu chuyện về mặt trăng và những nhân vật trên cung Quảng. Theo người xưa, vết đen trên mặt trăng là bóng của con thỏ ngọc đang giã thuốc cùng nàng Hằng Nga, có truyền thuyết cho rằng đó là cái bóng của chàng Ngô Cương vì muốn thành tiên mà ngày ngày ra sức đốn cây Đan

Quế. Đối với người dân Việt, tự ngàn đời nay, đó là hình ảnh của “*Chú Cuội ngồi gốc cây đa, để trâu ăn lúa gọi cha ời ời...*” vẫn hàng ngày nhìn ngắm dương gian trong tâm trạng đầy tiếc nuối.

Hình ảnh mặt trăng tròn đầy, viên mãn ấy không chỉ thể hiện ước vọng đoàn viên mà còn là ước nguyện về một sự ấm no, hài hòa, sung túc của con người. Thỏ ngọc giã thuốc tiên, cây Đan Quế thần kỳ và những nhân vật cụ thể như Hằng Nga, Ngõ Cương, hay chú Cuội, hay Thiềm Thừ xét đến cùng đó cũng chính là những nhân vật đã mang ước vọng siêu nhiên, chinh phục tự nhiên mà con người luôn mơ ước.

2.2. Ngắm trăng, cúng trăng – Một phong tục cao nhã

Trên thực tế, Trung thu có từ hơn 2.000 năm trước, một số dân tộc thiểu số của Trung Hoa đã có tục *mùa xuân tế nhật, mùa thu tế nguyệt*, nghĩa là vào mùa xuân tế cúng mặt trời còn vào mùa thu thì cúng mặt trăng. Vào mỗi đêm rằm tháng Tám, mọi người cùng nhau du ngoạn phố phường và đối ẩm dưới trăng gọi là thưởng nguyệt. Những mơ ước con trẻ với mâm cỗ, chiếc lồng đèn xanh đỏ hay chú lân sặc sỡ mang lại may mắn vào mỗi dịp Trung thu là một giá trị đẹp được gìn giữ ngàn đời nay. Trung thu còn được gọi là *khánh đoàn viên*. Trung thu như một lý do để mọi người dừng mọi công việc của mình trở về tìm cảm giác ấm cúng của gia đình. Mọi người cùng nhau ăn bánh trung thu, thưởng trà, và đi dạo trên những con phố tấp nập, rực rỡ đèn hoa. Một dị bản về câu chuyện *Hằng Nga bôn nguyệt* cho rằng Trung thu là ngày duy nhất trong năm chàng Hậu Nghệ được lên cung Quảng Hàn thăm vợ, tương tự như câu chuyện Ngưu Lang và Chức Nữ trong tháng 7 vậy. Có thể thấy Trung thu quả thực là một ngày *Khánh đoàn viên* của mọi gia đình Á châu.

Bên cạnh đó, mùa thu còn là mùa của những hứng cảm. Kẻ thi nhân thả bước lững thững phiêu du qua những miền miên viễn của kí ức nhân loại để tìm lại chính bản thể của mình. Thơ ca viết về phong tục này cũng nhiều, nổi bật nhất có thể kể đến là bài *Thuỷ điệu ca đầu* 水調歌頭 của Đông Pha cư sĩ Tô Thúc, danh sĩ thời Bắc Tống, hay bài *Mộc lan hoa mạn trung thu* 木蘭花慢中秋 của Tân Khí Tật, danh sĩ thời Nam Tống. Trong cuốn *Đông kinh mộng hoa lục* 東京夢華錄 có ghi như sau:

*Trung thu dạ, quý gia kết sức đài tạ,
Dân gian tranh chiếm tửu lầu ngoạn nguyệt.*
中秋夜貴家結飾台榭,
民間爭占酒樓玩月。

(Đêm Trung thu, nhà giàu thì treo đèn kết hoa trên đài cao, dân gian thì tranh nhau chiếm lấy chỗ ở tửu lầu mà ngắm trăng).

2.3. Bánh trung thu – Thức quà đầy ý nghĩa

Ngắm trăng và thưởng thức bánh trung thu đã là một trong các phong tục cần có trong Tết Trung thu của người Trung Quốc.

Người Trung Quốc có câu tục ngữ:

*Bát nguyệt thập ngũ nguyệt chính viên,
Trung thu nguyệt bính hương hựu điểm.*

八月十五月正圓,
中秋月餅香又甜。

(Ngày rằm tháng Tám trăng tròn viên mãn, bánh trung thu vừa thơm lại vừa ngọt). Hai chữ Nguyệt bính có lai nguyên từ trong cuốn *Mộng lương lục* của nhà thơ Ngô Tự Mục thời Nam Tống.

Trước kia, bánh trung thu (*Nguyệt bính*) chỉ là một thức điểm tâm khá phổ biến. Xuôi theo vùng đất ven sông Chiết, ngoại trừ loại bánh trung thu nhân trứng muối với đậu đã khá phổ biến, còn có bánh trung thu nhân thịt cá tươi. Bánh nhân cá tươi được phổ biến trong cả bốn mùa trong năm. Nó bắt nguồn từ vùng Giang Tô, Dương Châu, vị ngon nằm ở vị ngọt của bánh bằng cách đun nóng sau đó sấy khô các loại nguyên liệu. Bánh trung thu nhân cá tươi là một loại *Tô Thúc nguyệt bính*. Tô Thúc nguyệt bính tương tự như *Quảng Thúc nguyệt bính*, ăn nhiều không gây cảm giác là có dầu mỡ hay quá béo cũng không thấy quá ngọt. Đến thời Bắc Tống (960-1127), bánh này được gọi là *cung bính* (bánh của cung đình), chỉ dùng trong cung điện. Trong dân gian thường gọi là *Nguyệt đoàn* với ngụ ý đoàn tụ tốt đẹp. Từ đó về sau, bánh trung thu được phổ biến, và là món ăn, quà tặng và còn là lễ vật không thể thiếu trong lễ cúng trăng, thổ địa công vào mỗi dịp Tết Trung thu. Bánh tròn tượng trưng cho đất, trên mặt bánh là hình ảnh của một mặt trăng tròn trịa đủ đầy soi xuống cõi trần. Chiếc bánh đem lại không khí ấm cúng của sự đoàn tụ, đồng thời là sự ký thác bao nghĩ suy về cuộc đời. Ngày nay, bánh trung thu cũng chính là món quà tặng nhau trong ngày Tết đoàn viên của gia đình, món quà bày tỏ tình cảm quý mến của tình bằng hữu keo sơn gắn bó.

Nhìn từ góc độ văn hóa, lễ hội Trung thu được tổ chức ở mỗi nước cũng có những nét khu biệt nhưng niềm tin, ước vọng về sự viên mãn, đoàn viên và sung túc luôn là những ý niệm văn hóa thường trực trong tâm thức con người Á Đông. Ngày hội Trung thu mãi mãi là một mỹ tục mang những nét văn hóa độc đáo. Trung thu không chỉ là ngày hội của trẻ thơ mà nó là ngày hội của tất cả mọi người. Một mùa Trung thu nữa lại về, người người chuẩn bị đón một cái Tết đoàn viên ấm cúng, hạnh phúc đủ đầy. ■

Chú thích:

1. Nghê (霓) là cầu vồng. Thường (裳) là xiêm, để che phần hạ thân của người phụ nữ. Nghê thường: có nghĩa là xiêm cất bằng lụa năm màu. Vũ y (羽衣) là áo dệt bằng lông chim, hay có nghĩa là kiểu áo theo hình cánh chim hay còn gọi là cánh tiên. Nghê thường vũ y 霓裳羽衣: có thể hiểu theo nghĩa hẹp là những vũ nữ mặc áo theo hình cánh chim, còn quần thì bằng lụa ngũ sắc.

Thử nghiệm ca Huế thính phòng

VĂN TOÀN

Ca Huế là thể loại âm nhạc cổ truyền của xứ Huế, hình thành từ dòng ca nhạc dân gian và dòng ca nhạc cung đình, nhã nhạc trang trọng uy nghi nên có thần thái của ca nhạc thính phòng. Tuy nhiên, lâu nay ca Huế thường được biểu diễn trên sông Hương nhằm phục vụ khách du lịch là chính.

Ấn tượng từ đêm diễn thử nghiệm

Tối ngày 20/8 vừa qua tại Bảo tàng Văn hóa Huế (23-25 Lê Lợi, TP.Huế) đã diễn ra đêm diễn thử nghiệm chương trình ca Huế thính phòng. Trước đây, ca Huế chủ yếu chỉ phục vụ du khách trên sông Hương. Nhà thơ Võ Quê, nguyên Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thừa Thiên – Huế, Chủ nhiệm Câu lạc bộ Ca Huế - Phú Xuân, dẫn chương trình đêm diễn cho biết việc diễn ca Huế thính phòng trong một không gian phù hợp như thế này là ước mơ từ rất lâu của Câu lạc bộ Ca Huế - Phú Xuân và những ai thực sự yêu ca Huế. Tại đây, những bài bản lớn của ca Huế như Nam ai, Nam bình, Phú lục... sẽ được trình diễn một cách chuyên nghiệp và có chất lượng cao bởi các nghệ nhân đàn và những nghệ nhân ca Huế lớn tuổi không còn phục vụ du lịch nhưng vẫn thừa đủ khả năng ca những làn điệu ca Huế cổ và khó.

Mở đầu chương trình là hòa tấu "Long ngâm" do Nghệ sĩ Ưu tú Thái Hùng (đàn nguyệt), Lê Hoa (đàn tranh), Ngọc Hùng (đàn tỳ bà), Trần Huế (đàn nhị), Trần Diệp (đàn bầu) biểu diễn. Tiếp theo đó là các tiết mục như cổ bản "Huế đẹp và thơ mộng", Phú lục "Ngắm sông nước", Lý mười thương "Ngợi ca cô gái Huế", Tứ đại cảnh (lời xưa), Lý giao duyên "Phong vị Cố đô", Tương tư khúc "Quạnh quẽ màn loan", Chầu văn "Cảnh đẹp Cố đô", "Lý năm canh", "Cổ bản dựng" (lời cổ), Lý chiêu chiêu "Ngựa ô Huế", Hò mái nhì, Nam ai, Nam bình "Ngợi ca công chúa Huyền Trân" do các thành viên của Câu lạc bộ Ca Huế - Phú Xuân thuộc Trung tâm Văn hóa Huế trình bày. Được biết, họa sĩ Trần Thanh Bình, giảng viên Trường Đại học Nghệ thuật Huế, con trai của đạo diễn Văn Lang đã cất công thiết kế sân khấu biểu diễn ca Huế tại Bảo tàng Văn hóa Huế trong một thời gian khá dài, được giới chuyên môn đánh giá là khá bài bản và thể hiện đúng tinh thần của loại hình ca Huế thính phòng.

Bên cạnh biểu diễn ca Huế, Bảo tàng Văn hóa Huế còn trưng bày những bức ảnh về lịch sử của ca Huế như "Ban nhạc đồng ấu triều Nguyễn", "Ban nhạc Đại Nội triều Nguyễn", "Ban nhạc cổ truyền ca Huế tại Sài Gòn"; chân dung các nghệ nhân đã có những cống hiến lớn lao cho ca Huế như Trần Kích, Trần Hữu Ba, Minh Mẫn, Thanh Hương, Nguyễn Cẩn, Tôn Thất Toàn, cô Nhơn...; các nhạc cụ ca Huế từng được các nghệ nhân sử dụng biểu diễn (đàn nhị, đàn bầu...) và các sách vở tư liệu viết về ca Huế như "Ca Huế và ca kịch Huế" (Văn Lang), "Khúc tri âm", "Khúc ca xuân" (Võ Quê), "Tìm hiểu ca Huế và dân ca Bình Trị Thiên" (Văn Thanh), "Một hồi ức của một người cháu về một ông đội Nhã nhạc Nam triều" (Nguyễn Đắc Xuân), "Tiếng hát sông Hương" (Ứng Bình Thúc Giạ Thị), "Sáng tác lời ca Huế dân ca" (Minh Hải).

Mô hình bảo tồn ca Huế "kiểu mẫu"

Theo nhà thơ Võ Quê, sau 30 năm thành lập và phát triển, đến nay Câu lạc bộ Ca Huế - Phú Xuân đã có trên 60 thành viên là các nghệ sĩ nghệ nhân với tài năng điêu luyện. Các tên tuổi như các danh cầm Lê Văn Cẩn (đàn tỳ bà), Nguyễn Văn Tân (đàn nhị), NSUT Thái Hùng (đàn nguyệt), Châu Thới (đàn tranh) và các ca sĩ như Minh Tâm, Thanh Tâm, Kim Thành, Quỳnh Hoa, Minh Mẫn, Thanh Hương, Diệu Liên... đã đi vào ký ức nhiều thế hệ khán giả yêu ca Huế. Câu lạc bộ Ca Huế - Phú Xuân không những đã biểu diễn phục vụ công chúng tại địa phương mà còn lưu diễn khắp nước và cả ở nước ngoài: Mỹ (1995), Hongkong (1996), Đài Loan (1998), Hàn Quốc (2007), ở đâu cũng được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt. Việc đưa ca Huế xuống sông Hương biểu diễn cũng là ý tưởng của Câu lạc bộ Ca Huế - Phú Xuân vào giữa những năm 1980. Song đáng tiếc là hiện nay hiện trạng ca Huế trên sông Hương đã có những dấu hiệu bất thường như đã và đang bị "thương mại hóa" trong bối cảnh nền kinh tế thị trường.

Nhận xét về mô hình ca Huế tại Bảo tàng Văn hóa Huế so với mô hình ca Huế trên sông Hương, cho rằng việc biểu diễn ca Huế trên sông Hương khó có thể làm cho người nghe thấm nhập hồn ca Huế, nhưng với không gian và đối tượng mang tính thính phòng như thế này thì việc thưởng thức ca Huế là rất phù hợp; sự tồn tại



của ca Huế sẽ phụ thuộc nhiều vào những mô hình như thế này chứ không phải là hình thức ca Huế trên sông Hương mà nội dung chủ yếu là tân nhạc. Nghệ nhân Thanh Tâm, giảng viên lớp Tài năng của Học viện Âm nhạc Huế, nhận xét thêm: “Khách xem ca Huế trên sông Hương chủ yếu là khách vãng lai và thường là giới trẻ. Họ thường thức ca Huế như một món “mì ăn liền”. Tuy những người biểu diễn ca Huế trên sông Hương hiện nay đều có được đào tạo ở trường lớp nhưng thực tế phần lớn không ai đạt tới được trình độ như ngày xưa”.

Hai nghệ nhân Kim Kiều và Thanh Tâm đều là thành viên của Câu lạc bộ Ca Huế - Phú Xuân. Đặc biệt, nghệ nhân Thanh Tâm đã học ca Huế từ năm 12 tuổi tại cung đình Huế, chủ yếu dựa trên truyền khẩu chứ không theo trường lớp bài bản. Nhưng nhờ đam mê và lòng yêu nghề, nghệ nhân Thanh Tâm đã trở thành một nghệ nhân ca Huế nổi tiếng. Nói về đam mê ca Huế của mình, nghệ nhân Thanh Tâm nhớ lại: “Gia đình tôi có ba đời theo nghiệp ca Huế. Ông nội tôi, cha tôi, anh trai tôi và tôi. Đặc biệt, cha tôi là ông Phan Hữu Lễ là một nghệ nhân ca Huế đầy tài năng. Lúc 12 tuổi sau khi vô cung đình Huế, tôi được học tống, múa bông chúc và cả ca Huế. Sau giải phóng, từ diễn tống tôi chuyển sang ca Huế và mang duyên nợ với ca Huế cho đến giờ. Tôi rất mong muốn các thế hệ đi sau học hỏi nhiều hơn để phục vụ du khách tốt hơn, chuyên nghiệp hơn nhưng hình như các em hiện nay ít ai có cố gắng. Các em chỉ muốn học cho nhanh để hát kiếm tiền. Bởi vậy, số lượng học viên học ca Huế thì nhiều nhưng số trưởng thành thì rất ít”.

Nhà thơ Võ Quê cũng cho biết ý tưởng về những đêm diễn ca Huế thính phòng có bài bản về đội ngũ lẫn

không gian biểu diễn như tối hôm nay thực ra đã được Câu lạc bộ Ca Huế - Phú Xuân nghĩ đến từ lâu. Nhưng đến giờ phút này, nhờ được sự hỗ trợ của Thành ủy Huế, UBND TP.Huế và Bảo tàng Văn hóa Huế nên ước mơ này mới được thực hiện. Ông nói thêm, “Đêm nhạc này là đêm nhạc thử nghiệm nên không thu phí người nghe. Tiếp theo đêm diễn thử nghiệm này, từ tháng 9 năm nay sẽ phục vụ ca Huế thính phòng hai đêm một tuần vào các ngày thứ Ba và thứ Sáu, thời gian biểu diễn từ 19h30’ đến 21h. Và nếu du khách có yêu cầu thì chúng tôi sẽ có sự điều chỉnh để phục vụ hiệu quả. Nhưng sau này có thu phí cũng là tương xứng vì chủ yếu đây là mô hình mẫu để ca Huế tồn tại một cách đúng nghĩa và các nghệ nhân lớn tuổi vẫn muốn cống hiến cho ca Huế có thể đến để biểu diễn và phát huy tài năng”.

Ông Huỳnh Đình Kết, Giám đốc Bảo tàng Văn hóa Huế, cũng cho biết mục đích việc thử nghiệm ca Huế thính phòng vào đêm 20/8 và tổ chức các đêm diễn về sau là nhằm đưa ca Huế trở lại sinh hoạt truyền thống, tạo điều kiện cho các nghệ nhân, nghệ sĩ có tâm huyết, hoạt động lâu năm trong lĩnh vực ca Huế có cơ hội bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể của Huế, đồng thời tạo ra một điểm nhấn từng bước mời gọi khách đến với Bảo tàng.

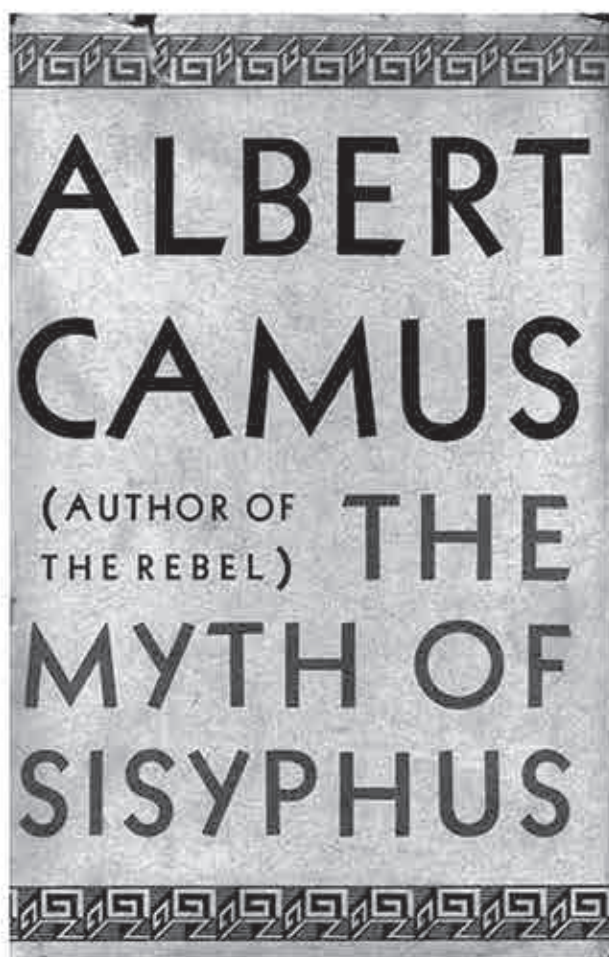
Được biết, đây cũng là chương trình nằm trong khuôn khổ các hoạt động của tỉnh và thành phố kỷ niệm 20 năm Quân thể di tích Cố đô Huế được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới, 10 năm Nhã nhạc - Âm nhạc Cung đình Việt Nam được công nhận Di sản Văn hóa phi vật thể của nhân loại và kỷ niệm 30 năm thành lập Câu lạc bộ Ca Huế - Phú Xuân (20/8/1983 - 20/8/2013) thuộc Trung tâm Văn hóa Huế. ■

Albert Camus

Phiền não tức thị Bồ-đề

PHAN CÁT TƯỜNG

Albert Camus (1913-1960) là một trong những đỉnh cao của phong trào Triết hiện sinh (*Existentialism*) phương Tây vào những năm đầu thế kỷ XX. Ông được trao giải thưởng Văn chương năm 1957 vì theo quan điểm của Hội đồng chấm giải Nobel lúc bấy giờ, các sáng tác văn học của ông “đã đưa ra ánh sáng những vấn đề đặt ra cho lương tâm loài người ở thời đại chúng ta”.



Sáng tác văn học của Albert Camus khá phong phú. *L'Étranger* (Người xa lạ - 1942), *La Peste* (Dịch hạch - 1947), *La Chute* (Sa đọa - 1956),... là những tiểu thuyết rất quen thuộc của giới yêu văn chương, triết học. Tuy nhiên, tác phẩm gây ấn tượng mạnh cho độc giả lại là tập tiểu luận *Le Mythe de Sisyphe* (Huyền thoại của Sisyphe - 1942). Đây là quyển sách nhỏ, nhưng giá trị tư tưởng của nó thật mãnh liệt, góp phần đưa ông lên vị trí đại diện cho phong trào Hiện sinh và xứng đáng nhận giải thưởng Nobel.

Albert Camus cũng là triết gia có công lớn nhất trong việc phơi bày thân phận con người, thân phận của sự đọa đầy, hẩm hiu và cô đơn tột cùng. Nhưng điều quan trọng hơn hết là ông đã tìm ra được chiếc chìa khóa để hóa giải thân phận đó ngay trong chỗ bế tắc nhất của đời sống con người, như triết lý “Tĩnh độ nhân gian” của nhà Phật.

Sisyphe (nhân vật thần thoại Hy Lạp) trong *Le Mythe de Sisyphe* là một đại diện cho con người tội lỗi chốn trần gian. Con người ấy khi còn ở trên mặt đất đã từng làm vua thành Corinth, nhưng là một vị vua tham lam, tàn bạo và luôn phỉ báng thần linh. Thần Zeus đã bắt ông đày xuống địa ngục Tartarus, một kiểu “vô gián địa ngục” như trong kinh *Địa Tạng*. Nơi đây Sisyphe chịu một hình phạt kỳ lạ: Hàng ngày, ông phải đẩy một khối đá khổng lồ lên đỉnh núi, sau đó thả tảng đá lăn xuống phía dưới, rồi trở xuống chân núi tiếp tục đẩy tảng đá đó lên. Cứ đẩy lên, thả xuống như thế từ năm này qua tháng nọ không lúc nào ngưng nghỉ. Địa ngục Tartarus đã giam hãm linh hồn Sisyphe. Các thần linh cười nhạo ông. Quỷ sứ canh gác ông nghiêm nhặt.

Tuy hình phạt xảy ra ở chốn địa ngục tăm tối, nhưng Sisyphe lại là hình ảnh của một thân phận con người ở chốn trần gian có ánh sáng mặt trời, nắng hồng, biển xanh và gió mát. Ở nơi này, phải chăng mỗi một con người trong chúng ta hàng ngày vẫn đẩy lên phía trên mình một tảng đá nặng của lòng tham đối với tiền tài, danh vọng? Hoặc là tảng đá nặng của lòng thù hận, ghét ganh? Hay là tảng đá nặng của sự vô minh

vọng chấp? Vàng, tảng đá của chúng ta cứ được đẩy lên, thả xuống như thế mà con người vẫn cố sức chịu đựng cho qua một kiếp phù sinh.

Tuy nhiên, dưới con mắt Thiên thì Sisyphe lại là đại diện cho một hành giả công phu miên mật trong hành trình tìm về tự tánh của mình. Việc đẩy tảng đá lên núi và buông cho nó lăn trở về không khác gì một hành giả thực tập phép quán Sổ tức. Tận cùng của hơi thở ra là sự hít vào. Tận cùng của sự hít vào chính là hơi thở ra. Hít vào và thở ra. Đẩy đá lên và buông đá xuống. Hai thủ pháp này không khác nhau về mặt bản chất.

Hành giả thực tập thiền quán khi đến giai đoạn chín muồi, có thể *“trong quên thân, ngoài quên cảnh”*, trong ngoài đều quên như diễn tả của vòng tròn Viên giác trong *Thập mục ngư đồ*. Cũng như thế, suốt hành trình đẩy tảng đá lên núi, cuộc đời đối với Sisyphe thật hoàn hảo. Chỉ khi ở khoảnh khắc không còn vận hành tảng đá, tức thời điểm quay xuống chân núi là khoảnh khắc *“xả thiên”* của Sisyphe, và hấn chạm phải khổ đau ngay tức thì. Camus viết: *“Chính trong giờ khắc quay trở lại đó, tạm dừng đó, Sisyphe làm tôi chú ý”*. Đó là thời điểm hoạt động của ý thức và Camus đã thấy được sự suy nghĩ và cảm nhận đau khổ của Sisyphe. Ông viết tiếp: *“Nếu huyền thoại này là một bi kịch, đó là vì người anh hùng của nó có ý thức!”*

Vàng, đây là điểm đặc sắc nhất của Albert Camus: Con người chỉ đau khổ khi sống trên bình diện ý thức, cũng như Sisyphe chỉ cảm nhận đau khổ trong lúc nhàn rỗi đi trở về chân núi. Còn trong lúc tinh thần tập trung đẩy tảng đá, không gì có thể làm trở ngại sự hạnh phúc của một Sisyphe trong chánh định. Đó là sự tự tại của một chú rùa ngủ đông, không biết đến cái giá rét của miền Bắc cực. Hay là sự tự tại của một bầy ngựa hoang băng mình qua cánh đồng cỏ non, không biết đến cái nắng chói chang của miền xích đạo.

Chân lý càng rõ ràng hơn khi Albert Camus quyết định kết thúc tập tiểu luận *Le Mythe de Sisyphe* bằng một cái nhìn toàn bích: *“Vũ trụ này từ nay trở đi không có thần linh nào tuyên xưng làm chủ, nhưng đối với ông không phải là khô chết vô sinh, cũng chẳng vô ích. Mỗi hạt của khối đá đó, mỗi mảnh chất khoáng của ngọn núi đầy đêm tối đó, với chỉ riêng ông, hình thành một thế giới. Cuộc đấu tranh chính nó hướng tới những đỉnh cao đủ để làm đầy trái tim của một người. Người ta phải hiểu rằng Sisyphe hạnh phúc”*(1).

Giây phút đại ngộ của Sisyphe không khác giây phút đại ngộ của Siddhartha trong *Câu chuyện của dòng sông* (Hermann Hesse). Khi đó, mỗi âm thanh của con sóng vỗ đều trở thành tiếng *“Aum”* mẫu nhiệm và gương mặt người lái đò già quen thuộc hàng ngày bỗng trở nên thánh thiện như một vị Bồ-tát.

Thì ra ở bất cứ hoàn cảnh nào, nếu người ta hành xử trong cái vô tâm (nơi tâm vô sự, nơi sự vô tâm – Đức Sơn Tuyên Giám) thì đều là chỗ giải thoát. Đó là chỗ rốt ráo



của mọi thứ công phu mà Lục tổ Huệ Năng đã tuyên thuyết rõ ràng ở phẩm thứ chín (Tuyên Chiếu) trong *Pháp Bảo Đàn kinh*:

“... Tiết Giản thưa: Sáng dụ cho trí tuệ, tối dụ cho phiền não, người tu đạo như chẳng dùng trí tuệ chiếu phá phiền não thì cái sanh tử từ vô thủy nương vào đâu mà ra khỏi.

Tổ bảo: Phiền não tức thị Bồ-đề, không hai, không khác, nếu dùng trí tuệ chiếu phá phiền não, đây là kiến giải của hàng Nhị thừa, căn cơ xe nai xe dê, còn những bậc thượng trí đại căn, ắt không như thế!”(2).

“Phiền não tức thị Bồ-đề” là lời dạy cốt tủy của Lục tổ trong phẩm Tuyên Chiếu. Lời dạy này để đối trị với kiến giải *“Sáng dụ cho trí tuệ, tối dụ cho phiền não”* của quan Nội thị Tiết Giản do vua Đường Trung Tông và Võ Tắc Thiên phái đến.

Albert Camus đã kiến giải được con đường hạnh phúc của mỗi người thông qua thân phận của Sisyphe, dù đó là thân phận bị đọa đầy chốn địa ngục. Sisyphe cuối cùng đã thấy được thiên đàng chốn địa ngục, như cây bồ-đề đã nở hoa trên mảnh đất phiền não vốn âm u chôn chặt kiếp người. ■

Chú thích:

1. *Le Mythe de Sisyphe (Huyền thoại của Sisyphe – 1942)*
2. *Pháp Bảo Đàn kinh (Phẩm Tuyên Chiếu)*

Sống với thực tại

LIÊN THU



Thực tại là khái niệm triết học dùng để chỉ hiện thực khách quan hay tổng thể những gì đang tồn tại và diễn biến xung quanh cuộc sống mà tư duy con người không dự phần. Nó có thể là con suối đang chảy, dòng sông đang trôi hay hơi thở vào ra hết sức tự nhiên, biểu lộ như nó là, mà không phải những gì người ta nghĩ về hay suy diễn. Suy nghĩ hay diễn đạt một thứ gì đó dựa vào ký ức và ngôn ngữ tức không phải và không còn là thực tại. Đây chỉ là hình ảnh được sao chép bởi ý thức và kinh nghiệm. Triết gia Hy Lạp cổ đại Heraclitus nói rằng người ta không thể đặt chân hai lần trên một dòng sông.

Trong tiếng Việt, có một câu nói hàm ý rất hay về thực tại:

“Mãi lo suy nghĩ, bỏ quên thực tại”.

Câu nói này, một mặt ám chỉ sự kiện rằng người ta cứ lo nghĩ vẩn vơ đến độ bỏ quên những việc trước mắt, những việc lẽ ra cần phải được quan tâm giải quyết trước mắt hay cần làm ngay. Mặt khác, nó ngụ ý

rằng thực tại không nằm trong suy nghĩ; suy nghĩ tức là đánh mất thực tại.

Đạo Phật nêu quan điểm tương tự về thực tại. Trước hết, đạo Phật cho rằng thực tại là cái trước mắt mà mọi người có thể nhìn thấy hay cảm nhận, không phải những gì xa xôi trừu tượng. Trong số các từ ngữ Đức Phật dùng để chỉ thực tại, người ta tìm thấy từ *dukkha* (khổ đau), ngoài các từ ngữ khác như *paticca-samuppāda* (duyên sinh), *anicca* (vô thường), *anatta* (vô ngã). Tất cả chỉ là thực tại đang trôi chảy; không có gì tồn tại mãi, kể cả khổ đau. Từ đây đạo Phật đề xuất cách nhận diện và sống với thực tại, đó là tập trung quán sát về mọi hiện tượng khổ đau (ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới - con người và thế giới chung quanh), thấy rõ chúng là giả hợp, vô thường, vô ngã (không làm chủ được), khiến tâm thức trở nên tỉnh táo, sáng suốt, không còn rơi vào luyến ái, vướng mắc, không thuận ứng hay nghịch ứng¹, đạt đến thanh thản, tịch tịnh, Niết-bàn; gọi là sống giải thoát an lạc ngay đây và bây giờ. Theo quan niệm của đạo Phật thì mọi sự vật và hiện tượng chỉ là một hợp thể gồm các nhân duyên



đang vận hành, một dòng chảy tương tục, thường xuyên thay đổi, không có tên tuổi; do vậy, cái mà ta gọi là đau khổ cũng chỉ là cảm thức đóng khung về cái thực tại đang chuyển biến, đang thay đổi, một ngã tưởng, một ý niệm nắm giữ; kỳ thực không có cái gọi là khổ đau trong một tâm thức vắng lặng, không khởi niệm, không bị ám ảnh bởi ngã tưởng. Tự nó cơn đau nào rồi cũng ra đi; chỉ bởi thói quen ôm ấp mà dư âm của nó cứ ám ảnh, đeo bám ta mãi. Chính vì thế mà luận về phương pháp buông bỏ khổ đau, Buddhaghosa nói rằng có sự thật khổ đau nhưng không có người đau khổ.²

Nhận diện cho thật đúng về thực tại vô thường, vô ngã của hiện hữu để thiết lập một đời sống an lạc ngay trong dòng chảy đầy biến động của cuộc đời chính là thái độ minh triết của đạo Phật. Đó chính là quan niệm sống giải thoát an lạc ngay trong hiện tại, nhờ đưa tâm về với thực tại hay nhờ dứt trừ mọi ý tưởng tầm cầu, so sánh, phân biệt, phán xét, gọi chung là vọng niệm. Đây chính là lẽ sống minh triết Phật giáo, tức là sống với những gì đang là, đang trôi chảy, với một tâm tư hoàn

toàn sáng suốt, tỉnh giác, vắng bật mọi ý niệm phân biệt, mọi ý tưởng vui buồn, mọi cảm giác yêu ghét. Nói cách khác, đó chính là lẽ sống giác ngộ, giải thoát, an nhiên tự tại của một tâm tư hoàn toàn tỉnh táo và sáng suốt, cảm thức trọn vẹn về những gì đang diễn tiến mà không một chút vẩn vương, không một chút hệ lụy, không rơi vào ý niệm tầm cầu, suy tính thiệt hơn, hy vọng hay thất vọng. Kinh Niệm xứ (*Satipatthanasutta*) gọi đó là sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời (*anissito ca viharati na ca kinci loke upàdiyati*), và đề xuất nhiều cách thức để thực nghiệm xoay quanh bốn chủ đề:

Quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh cần, tỉnh giác để diệt trừ tham ưu ở đời.

Quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tinh cần, tỉnh giác để diệt trừ tham ưu ở đời.

Quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tinh cần, tỉnh giác để diệt trừ tham ưu ở đời.

Quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh cần, tỉnh giác để diệt trừ tham ưu ở đời.

Thân (*kāya*), thọ (*vedanā*), tâm (*citta*), pháp (*dhamma*) là bốn đối tượng quán niệm được vận dụng để thực tập an trú tâm, đưa tâm về với thực tại, khiến cho tâm được an trú, an tọa, định tĩnh, nhất tâm³, không tán loạn, không dao động, đạt đến sáng suốt, sạch trong, không uế nhiễm, không còn bóng dáng các phiền não tham-sân-si. Đó cũng chính là lúc cái tâm được tu tập trở nên hoàn toàn tỉnh giác, vắng lặng, thanh tịnh, thấy rõ sự đến và đi, sanh và diệt của hết thảy mọi sự vật và hiện tượng một cách an nhiên tự tại, không phản ứng, không vui buồn, không yêu ghét. Nói cách khác, đó chính là sống với thực tại, sống với những gì đang là với một tâm tư hoàn toàn trống không, rỗng không, không suy nghĩ, không tư lường, không phân biệt, không phê phán. Các pháp hiện hữu và diễn tiến như thế nào thì thấy như thế ấy mà không đóng khung, không tra vấn, không để ý thức xen vào làm công việc ước lượng, so sánh, phân biệt, đánh giá hay phán xét. “*Khi khổ (mọi hiện tượng và sự vật) sanh thời xem là sanh, khi khổ diệt thời xem là diệt; vị ấy không có nghi ngờ, không có phân vân, không duyên vào ai khác, trí ở đây là của vị ấy*”⁴.

Kinh Niệm xứ gọi đó là sự tỉnh thức hay biết rõ: “*Tỳ-kheo khi bước tới, bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo tăng-già-lê (sanghati), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng biết rõ việc mình đang làm*”⁵.

Một cách triết lý, Đức Phật nói về lẽ sống giải thoát, an nhiên tự tại trước mọi thực trạng biến đổi: “*Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy, trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe, trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng, trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri*”⁶.

Trong một văn cảnh khác, Ngài khuyên nhắc và giải thích chi tiết cho chúng ta về cách thức sống với thực tại an lạc.

Đó là:

Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến.
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây.

...

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: “*Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ*”, và truy tìm sự hân hoan trong ấy; “*Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ*”, và truy tìm sự hân hoan trong ấy; “*Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ*”, và truy tìm sự hân hoan trong ấy; “*Như vậy là hành của tôi trong quá khứ*”, và truy tìm sự hân hoan trong ấy; “*Như vậy là thức của tôi trong quá khứ*”, và truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là truy tìm quá khứ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là không truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: “*Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ*”, và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; “*Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ*”, và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; “*Như vậy là tưởng của tôi... Như vậy là hành của tôi... Như vậy là thức của tôi trong quá khứ*”, và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là không truy tìm quá khứ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là ước vọng tương lai? Vị ấy nghĩ: “*Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai*”, và truy tìm sự hân hoan trong ấy; “*Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai*”, và truy tìm sự hân hoan trong ấy; “*Mong rằng như vậy là tưởng của tôi... là hành của tôi... Như vậy là thức của tôi trong tương lai*”, và truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là ước vọng trong tương lai.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là không ước vọng trong tương lai? Vị ấy nghĩ: “*Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai*”, và không truy tìm hân hoan trong ấy; “*Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai*”, và không truy tìm hân hoan trong ấy; “*Mong rằng như vậy sẽ là tưởng... sẽ là hành... sẽ là thức của tôi trong tương lai*”, và không truy tìm hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là ước vọng trong tương lai.

Và này các Tỳ-kheo, như thế nào là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu không đi đến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc là tự ngã, hay quán tự ngã là có sắc, hay quán sắc là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong sắc, hay vị ấy quán thọ là tự ngã, hay quán tự ngã là có thọ; hay quán thọ là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thọ, hay vị ấy quán tưởng là trong tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay vị ấy quán tưởng là tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay vị ấy quán hành là tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là có hành, hay vị ấy quán hành là trong tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là trong hành; hay vị ấy quán thức là tự ngã, hay quán tự ngã là có thức, hay quán thức là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thức. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị này không quán sắc là tự ngã, không quán tự ngã là có sắc, không quán sắc là trong tự ngã, không quán tự ngã trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức là tự ngã, không quán tự ngã là có thức, không quán thức trong tự ngã, không quán tự ngã trong thức. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại”⁷.

Với các định nghĩa trên thì sống giải thoát an lạc ngay trong hiện tại hay còn gọi là sống với thực tại chính là sống với một tâm thức hoàn toàn trong sáng, vắng lặng, không bị ám ảnh bởi ký ức quá khứ, không bị thôi thúc bởi vọng tưởng tương lai, cũng không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại, tức là không rơi vào ngã tưởng hay những ý nghĩ liên hệ đến tự ngã hay “tôi” khiến cho tâm thức bị dao động, tán loạn, quay cuồng trong thế giới của các tư duy phân biệt đối đãi, không định tĩnh, không an tịnh, không giải thoát. Nói khác đi, khi một tâm thức rời xa mọi ý niệm phân biệt, tìm cầu, mọi hoài niệm, mọi vọng tưởng, đã trở nên thức tỉnh và vắng lặng, đã đạt đến chỗ tịch tịnh thì bấy giờ những gì xảy ra đều không ảnh hưởng gì đến nó. Nó là thanh thân, an nhiên tự tại, vì nó không phản ứng, không dao động, không rơi vào luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy⁸. Ngắm nhìn dòng sông đang chảy hay trông thấy chiếc lá đang rơi mà không động tâm suy nghĩ, ưu tư, lo lắng, hy vọng hay thất vọng tức là sống với thực tại, là an nhiên tự tại, không có đau khổ trong dòng biến dịch bất tận của hiện hữu.

Tóm lại, thực tại là những gì đang diễn biến, chuyển động, sinh diệt liên tục. Nó không dính dáng gì đến ý tưởng có không, hơn thua, được mất, buồn vui, lạc khổ của đầu óc con người. Tựa như dòng sông, tất cả đều chuyển biến, trôi chảy không ngừng và do vậy sống với thực tại tức là sống với những gì đang chuyển biến, đang trôi chảy, sống với cái tâm hoàn toàn tỉnh thức, vắng lặng, không ái luyến, không tìm cầu, không chấp trước, không suy nghĩ, không ước lượng, không phán xét, không so sánh hay phân biệt. “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Đây là lẽ sống minh triết được nhấn mạnh trong đạo Phật mà các bản kinh *Trung Bộ* như *Niệm xứ*, *Nhất dạ hiền giả* đã nói đến với các chỉ dẫn và giải thích chi tiết về phương pháp thực hiện.

Thực tại cuộc đời có thể là có hoặc không, hơn hay thua, được hay mất, vui hay buồn, lạc hay khổ tùy theo cách nhìn và ý chí của bạn; nhưng dù bạn có gọi nó là gì đi nữa thì tất cả chỉ là một dòng trôi liên tục, không do ai tạo ra, cũng không ai ngăn cản được. Nhận thức được như vậy thì bắt đầu thấy ra ý nghĩa và giá trị của pháp môn *Niệm xứ* hay cách thức sống với thực tại được nói đến trong đạo Phật, mới có đủ cơ sở để hiểu vì sao Đức Phật dạy *quán niệm hơi thở vô hơi thở ra* một cách nhiệt tâm, tinh cần, tỉnh giác thì có thể diệt trừ được tham (*abhiṅijjhana*) và ưu (*domanassa*) ở đời, cũng được gọi là tham (*rāga*) và sân (*patigha*), tức hai loạt phản ứng thuận và nghịch của tâm thức dẫn đến khổ đau cùng có chung cội rễ là vô minh (*avijjā*) hay si mê (*moha*), là con đường độc nhất (*ekāyano-maggo*) đưa đến thanh tịnh cho chúng sinh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn⁹. Trong kinh *Tương Ưng Bộ*¹⁰ có lưu một cuộc đối

thoại lý thú giữa Đức Phật và vị Thiên tử Kakudha xoay quanh kết quả lợi lạc thiết thực của pháp môn *Niệm xứ* hay cách thức sống với thực tại do Đức Phật tự thân chứng nghiệm và chỉ bày. Thiên tử tên Kakudha đến hỏi Thế Tôn, bậc Giác ngộ:

- *Thưa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không?*
- *Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?*
- *Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải Ngài sầu muộn?*
- *Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?*
- *Vậy thì thưa Sa-môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?*

- *Thật như vậy, này Hiền giả.*

Thiên tử Kakudha:

*Làm sao, này Tỳ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
Làm sao ở nơi Ngài,
Hoan hỷ không khởi lên?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?*

Bậc Giác ngộ:

*Hoan hỷ chỉ có đến,
Với người tâm sầu muộn,
Sầu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.
Do vậy, vị Tỳ-kheo,
Không hoan hỷ, sầu muộn.
Vậy nên, này Hiền giả,
Ông phải biết như vậy.*

Thiên tử Kakudha:

*Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tịnh,
Vị Tỳ-kheo không sầu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,
Chỗ người đời đắm say. ■*

Chú thích:

1. Chỉ cho thái độ tham và sân, tức là tham ái đối với những gì thích ý, hấp dẫn và bất mãn đối với những gì không thích ý, không hấp dẫn.

2. *Thanh tịnh đạo luận*, Chương XVI: Mảnh đất cho tuệ tăng trưởng.

3. Kinh Thân hành niệm, *Trung Bộ*.

4. Kinh Kaccayanagotta, *Tương Ưng Bộ*.

5. Kinh Niệm xứ, *Trung Bộ*.

6. Kinh Phật tự thuyết, *Tiểu Bộ*.

7. Kinh Nhất dạ hiền giả, *Trung Bộ*.

8. Kinh Bất đoạn, *Trung Bộ*.

9. Kinh Niệm xứ, *Trung Bộ*.

10. Kinh Kakudha, *Tương Ưng Bộ*.



Sự sùng tín trong kinh Hoa Nghiêm

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Sùng tín, sùng mộ, kính ngưỡng là một yếu tố quan trọng trên con đường Phật giáo.

Tín mở đầu cho năm căn, năm lực trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Lễ kính, lễ lạy là điều dễ thấy nhất trong sinh hoạt của một hành giả.

Sau đây chúng ta tìm hiểu chỉ về ba đối tượng của lòng sùng tín trong kinh *Hoa Nghiêm*. Đó là thế giới, các Thiện tri thức, và chúng sanh.

1 Đối với thế giới Hoa Nghiêm

Thế giới chúng ta đang thấy và đang sống thì ở trong thế giới Hoa Nghiêm của Phật pháp thân Tỳ-lô-giá-na. Thật ra, thế giới của chúng ta là thế giới Hoa Nghiêm được trải nghiệm qua nghiệp thức chia cắt, manh mún, phân biệt, tranh giành, thương ghét... của chúng ta.

Thế giới Hoa Nghiêm là thế giới Sự sự vô ngại, không hề có sự chia cắt, không hề có ta người, chủ thể một bên, đối tượng một bên. Đó là thế giới của “*Tất cả là Một, Một là Tất cả*”. Đó là thế giới của Phật Tỳ-lô-giá-na, Phật Đại Nhật, Phật Quang Minh Biến Chiếu; trong đó, *Tất cả* là Phật, từ vi mô cho đến vĩ mô.

Đây là một đoạn kệ của Bồ-tát Hải Nguyệt Đại Quang Minh thấy và ca ngợi thế giới Hoa Nghiêm:

Phật trong vô lượng kiếp rộng lớn
Khắp hiện trước tất cả chúng sanh...
Tôi thấy mười phương không thừa sót
Cũng thấy chư Phật hiện thần thông
Đều ngồi đạo tràng chứng bồ-đề
Chúng hội nghe pháp bao quanh Phật
Quang minh rộng lớn Phật pháp thân
Hiện ở thế gian dùng phương tiện
Khắp tùy chúng sanh lòng mến thích
Xứng căn trí họ mà thuyết pháp
Chân như bình đẳng thân vô tướng
Pháp thân thanh tịnh lìa cấu nhiễm
Trí huệ tịch tịnh thân vô lượng
Ứng khắp mười phương mà thuyết pháp.

(*Thế chủ Diệu Nghiêm, Thứ nhất*)

Thần Diệu Sắc Na-la-diên nói kệ:

Ông nên xem Pháp vương
Pháp vương pháp như vậy
Sắc tướng vô lượng biên

Thế gian đều hiện khắp
Mỗi lòng nơi thân Phật
Lưới sáng bất tư nghi
Giống như vắng mặt trời
Khắp soi mười phương cõi.

(*Thế chủ Diệu Nghiêm, Thứ 1*)

Tất cả chúng sanh chúng ta ở trong thế giới Hoa Nghiêm của Phật Quang Minh Biến Chiếu.

"Bồ-tát Phổ Hiền do thần lực Phật quán sát khắp tất cả thế giới hải, tất cả chúng sanh hải, tất cả chư Phật hải, tất cả pháp giới hải, tất cả chúng sanh nghiệp hải, tất cả chúng sanh căn dục hải, tất cả chư Phật pháp luân hải, tất cả tam thế hải, tất cả Như Lai nguyện lực hải, tất cả Như Lai thần biến hải" (*Thế giới thành tựu, Thứ 4*).

Mười thế giới này tương tức tương nhập, tương dung tương nhiếp lẫn nhau. Nói cách khác, thế giới "tất cả chúng sanh hải, tất cả chúng sanh nghiệp hải" chúng ta hiện đang sống đây tương nhiếp tương nhập với thế giới "tất cả chư Phật hải". Nếu tâm chúng ta đủ thanh tịnh, chúng ta sẽ thấy thế giới chư Phật ngay trong thế giới chúng sanh của chúng ta.

Trong mỗi hạt bụi nhỏ, trong mỗi vi trần đều như vậy:

Pháp giới quốc độ mỗi vi trần
Những cõi nước lớn ở trong đó
Mây Phật bình đẳng đều giăng che
Tất cả mọi nơi đều đầy đủ
Lực dụng tự tại trong mỗi trần
Tất cả vi trần cũng như vậy
Chư Phật, Bồ-tát đại thần thông
Tỳ-lô-giá-na đều hiển hiện.

(*Thế giới thành tựu, Thứ 4*)

Những cõi rộng lớn ở mười phương
Đều hiện vào trong thế giới này
Dầu thấy mười phương hiện trong đây
Mà thật không vào cũng không đến
Trong vi trần của tất cả cõi
Đều thấy Như Lai hiện trong đó.

(*Hoa tạng thế giới, Thứ 5*)

Thế giới này là thiêng liêng vì nó là thân của Phật tánh Tỳ-lô-giá-na. Thế giới chúng ta thấy chính là thế giới Hoa Nghiêm ấy nhưng đã bị nghiệp hóa, bị ô nhiễm, bị phiền não hóa và tà kiến hóa bởi chúng sanh chúng ta.

Chúng ta sống ở đời là để tìm lại cái bản lai diện mục Hoa Nghiêm của chúng ta và của thế giới. Trong sự đi tìm ấy, sự sùng mộ thành tín thế giới như thực Hoa Nghiêm là động lực quan trọng để một ngày nào chúng ta bắt đầu thấy nó. Sự sùng tín ấy rất là chân chính, rất là mạnh mẽ, vì nó không đi tìm một đối tượng ở ngoài xa kia, ở tương lai hứa hẹn, mà là một đối tượng ngay trong đây, trong chính tâm mình, trong những giác quan bình thường của mình.

Kinh nói về cấp độ đầu tiên (sơ địa) của con đường giác ngộ:

"Thành tựu niềm tin thanh tịnh, có công dụng của đức tin, có thể tin bốn hạnh chứng nhập của Như Lai, tin thành tựu được các môn ba-la-mật, tin những địa trên, tin sức thành tựu đầy đủ vô sở úy, tin sanh trưởng Phật pháp bất hoại bất cộng, tin Phật pháp bất tư nghi, tin có thể xuất sanh cảnh giới Phật giữa không biên, tin tùy nhập vô lượng cảnh giới của Phật, tin nơi quả thành tựu" (*Thập địa, thứ 26*).

2 Đối với các bậc Thiện tri thức

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, được nói đến nhiều nhất là ngài Bồ-tát Văn-thù (Phổ Hiền?), kế đến là ngài Văn-thù-sư-lợi, sau đó là ngài Di-lặc Tử Thi, và tiếp theo là rất nhiều Bồ-tát Thiện tri thức khác cùng khai thị con đường Phật đạo. Bài này chỉ nói sơ lược về sự sùng tín của đồng tử Thiện Tài đối với các vị Thầy chủ yếu trong *phẩm Nhập Pháp giới*.

Bồ-tát Văn-thù là vị Thiện tri thức đã dạy Thiện Tài đi về phương Nam để học hạnh Bồ-tát Phổ Hiền để đạt quả Phật.

Bài kệ của đồng tử Thiện Tài nói với ngài Văn-thù có những câu: "Xin thương soi xét tôi, xin thương dạy bảo tôi, xin thương thủ hộ tôi, xin thương cứu vớt tôi, dạy tôi môn giải thoát, dạy tôi đường bồ-đề, dạy tôi pháp đại thừa, cho tôi ngồi xe này, xin dạy cho tôi thấy, xin thương chiếu cố tôi".

Sau đó, Thiện Tài bắt đầu đi gặp những vị Thiện tri thức, có đến trên năm mươi cuộc gặp gỡ để nghe chỉ dạy. Mỗi lần từ giã một vị Thiện tri thức, "... Đồng tử Thiện Tài đành lễ dưới chân của vị ấy, rơi lệ buồn khóc, đi quanh bên hữu theo nhiều vòng, bụi ngùi luyến mộ, chiêm ngưỡng, từ tạ mà đi"; dọc đường vẫn nhớ Thiện tri thức và sự dạy bảo của ngài: "... Khi ấy, Thiện Tài nhờ sức Thiện tri thức, y lời dạy của Thiện tri thức, nhớ lời nói của Thiện tri thức, thâm tâm mến mộ Thiện tri thức. Tự nghĩ rằng: 'Nhờ Thiện tri thức làm cho tôi được thấy Phật, làm cho tôi được nghe pháp. Thiện tri thức là thầy của tôi, vì chỉ dạy tôi những Phật pháp. Thiện tri thức là con mắt của tôi, vì làm cho tôi thấy Phật như hư không. Thiện tri thức là thuyền đò của tôi, vì làm cho tôi được vào hồ sen của chư Như Lai'".

Sau khi gặp nhiều vị Thiện tri thức, Thiện Tài được bảo đến với Bồ-tát Di-lặc. Trước khi rời đi, Thiện Tài được dạy: "... Tất cả Bồ-tát thành tựu Phật pháp đều do sức Thiện tri thức. Đều lấy Thiện tri thức làm căn bản. Đều nương Thiện tri thức mà sanh. Đều y vào Thiện tri thức mà ra. Đều nương Thiện tri thức mà lớn. Đều nương Thiện tri thức mà trụ...".

Đến lầu gác của Bồ-tát Di-lặc, "... sau khi dùng vô lượng pháp tán dương chư Bồ-tát trong lầu gác lớn Tỳ-lô-giá-na Trang Nghiêm của Đức Di-lặc, Thiện Tài cung kính đánh lễ, nhất tâm nguyện thấy Bồ-tát Di-lặc để

thân cận cúng dường, bèn thấy Đức Bồ-tát Di-lặc từ chỗ khác đến, có chúng đồng vô lượng đi theo...”

Khi gặp Bồ-tát Di-lặc, Thiện Tài “... vui mừng hơn hờ, toàn thân nổi ốc, rơi lệ nghẹn ngào, đứng dậy chấp tay cung kính hữu nhiễu vô lượng vòng. Do sức tưởng niệm Đức Văn-thù nên đột nhiên những hoa anh lạc và diệu bửu đầy cả hai tay. Thiện Tài liền rải lên cúng dường Bồ-tát Di-lặc. Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc xoa đầu Thiện Tài mà nói kệ...”

Sau đó, Bồ-tát Di-lặc dạy Thiện Tài đến Bồ-tát Văn Thù: “... Ngài Văn Thù sẽ nói tất cả công đức cho người. Tại sao vậy? Vì trước kia người được thấy Thiện tri thức, nghe Bồ-tát hạnh, nhập môn giải thoát đầy đủ đại nguyện, tất cả đều do thần lực của Văn-thù-sư-lợi”.

“Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù từ xa đưa tay phải qua khỏi 110 do-tuần đặt lên đầu Thiện Tài mà nói rằng: Lành thay! Lành thay! Nay Thiện nam tử! Nếu rời tín căn thì tâm yếu kém, lo sợ ăn năn, công hạnh chẳng tròn đủ, thối thất tinh cần, với chút ít công đức đã cho là đủ...”

Rồi sau đó, tâm Thiện Tài “... khát ngưỡng muốn thấy Bồ-tát Phổ Hiền, phát tâm rộng lớn như hư không giới. Lúc Thiện Tài phát khởi những tâm như vậy, do sức thiện căn của mình, được sức gia hộ của tất cả Như Lai, do sức đồng thiện căn của Bồ-tát Phổ Hiền nên Thiện Tài thấy mười tướng tốt lành...”

“Thiện Tài đã được mười trí ba-la-mật này rồi, Bồ-tát Phổ Hiền liền đưa tay hữu xoa đầu Thiện Tài. Được xoa đầu, Thiện Tài liền được tất cả vi trần số môn tam-muội...”

Sau đó, Bồ-tát Phổ Hiền nói với Thiện Tài: “Ta được pháp thân thanh tịnh ba đời bình đẳng rất ráo này. Ta lại được sắc thân thanh tịnh vô thượng siêu các thế gian, tùy sở thích của tâm chúng sanh mà hiện hành vào tất cả cõi, tất cả xứ, nơi các thế giới rộng hiện thần thông, làm cho người thấy đều vui mừng... Nếu có chúng sanh nào được nghe danh hiệu của ta thì không còn thối chuyển với vô thượng bồ-đề. Nếu có chúng sanh nào thấy nghe thân thanh tịnh của ta thì tất được sanh trong thân thanh tịnh của ta...”

Qua những trích đoạn sơ lược này, chúng ta thấy sự ngộ nhập pháp giới có động cơ là lòng sùng tín đối với các bậc Thiện tri thức và kết quả của sự chứng nhập cũng là kết quả của lòng sùng tín thành tựu. Bởi thế kinh nói, “Tín là nguồn gốc, là mẹ của tất cả mọi công đức” (*Phẩm Hiền Thủ, thứ 12*).

Sùng tín bậc Thiện tri thức khiến cho những chướng ngại bao trùm ngăn che hành giả với Thiện tri thức và với thực tại tối thượng bị rách toạc và cái thấy biết của Thiện tri thức có thể truyền thông qua tâm thức hành giả.

3 Đối với chúng sanh

Chúng sanh là những vị Phật sẽ thành. Thế nên kinh nói, “Phụng sự chúng sanh tức là cúng dường chư Phật” (*Phổ Hiền hạnh nguyện*). Trong kinh *Hoa Nghiêm*, thực tướng của chúng sanh được nói một

cách rất ráo và mạnh mẽ. Bồ-tát Phổ Hiền nói:

“Chư Phật tử! Đại Bồ-tát phải biết tâm mình niệm niệm thường có Phật thành Chánh giác. Như tâm mình, tâm tất cả chúng sanh cũng đều như vậy, đều thường có Như Lai thành Chánh giác, rộng lớn cùng khắp không chỗ nào chẳng có, chẳng rời, chẳng dứt, không ngừng nghỉ” (*Như Lai xuất hiện, thứ 37*).

“Giống như mặt trời chiếu sáng khắp thế gian, trong tất cả đồ chứa nước trong sạch đều có bóng mặt trời hiện, cùng khắp chỗ mà không có đến đi... Trí Như Lai cũng vậy, hiện khắp pháp giới không trước không sau. Trong tâm trong sạch của tất cả chúng sanh Như Lai đều hiện” (*Như Lai xuất hiện, thứ 37*).

Thân tâm chúng sanh là nơi chứa đựng trí Như Lai, nên chúng sanh phải được nhìn là thiêng liêng.

“Thân Phật không ngần mé, trụ khắp trong thân của tất cả chúng sanh” (*Thăng Đầu-suất thiên cung, thứ 23*).

Kinh đưa đến một kết luận về cái thấy Hoa Nghiêm: tất cả là một, một là tất cả. Với cái thấy này, người ta đi vào pháp giới Hoa Nghiêm hay Nhất chân pháp giới:

Như tâm, Phật cũng vậy
Như Phật, chúng sanh đồng
Tâm, Phật, và chúng sanh
Cả ba không sai khác.

(*Da-ma cung kệ tán, thứ 20*)

Sự sùng tín xóa đi chấp ngã và chấp pháp khiến thế giới không còn sai biệt: tất cả các tướng đồng một tánh vàng, tất cả là ba thân của Phật Tỳ-lô-giá-na. Sự sùng tín xóa đi tất cả những phân biệt không gian và thời gian khiến cho Nhân để thành Phật và Quả Phật vốn tự viên thành là một.

Như vậy, chúng ta và tất cả những gì bao quanh chúng ta đều thiêng liêng. Thế giới thiêng liêng, những vị thầy thiêng liêng và chúng sanh hữu tình thiêng liêng. Tất cả đều thiêng liêng và tràn đầy công đức Phật. Đó là cái thấy mà kinh Hoa Nghiêm khai thị cho chúng ta.

Sự sùng tín xóa bỏ ranh giới giữa ta và đối tượng mà ta sùng tín. Những ranh giới do chúng ta giả lập càng được xóa bỏ bao nhiêu thì đối tượng càng hiển lộ bấy nhiêu. Cuối cùng là sự hợp nhất của một với tất cả, của tất cả với tất cả.

Sùng tín làm cho tâm thanh tịnh, tức là xóa bỏ những phiền não chướng và sở tri chướng, những thứ độc trong tâm. Khi tâm bớt rào cản ngăn che, chúng ta bắt đầu nhận được sự gia hộ, hộ niệm của chư Phật: “Được chư Như Lai gia hộ cho. Sẽ được pháp bảo vào tâm mình”, “...chính thức thọ nhận sự gia hộ của Như Lai, được chính Đức Phật hộ niệm” (*Thập địa, thứ 26*).

Bằng sự sùng tín, chúng ta đi vào con đường thiêng liêng ấy và được bao bọc trong sự thiêng liêng thanh tịnh bốn nguyên ấy. Con đường ấy có một vị thanh tịnh và thiêng liêng, từ lúc khởi đầu cho tới cuối cùng. ■



Giao du với Kẻ ác

TẤN NGHĨA

Trong cuộc đời, luôn luôn có cả người tốt lẫn kẻ xấu. Do hạnh nghiệp, có lúc chúng ta gặp người tốt nhưng cũng có lúc chúng ta gặp kẻ xấu. Vấn đề là ta phải biết cư xử thế nào để sống cho tốt. Phật học cho rằng muốn sống tốt thì phải biết làm lành. Cũng theo Phật học, một hành động được gọi là “lành” (nói theo từ Hán Việt là “thiện”) khi hành động đó mang lại kết quả “lợi mình, lợi người và lợi cho môi trường”. Nếu ta gặp được người tốt, có hành động lành đối với ta, thì việc ta đáp trả bằng một hành động lành cũng không khó lắm. Nhưng nếu ta gặp một người xấu, có hành động “không lành” (nói theo từ Hán Việt là “bất thiện”), thì

sao? Có người cho rằng ta nên lánh xa người đó; nhưng cũng có người bảo rằng ta cần tiếp cận người đó để giúp cải sửa họ. Bên nào cũng có lý lẽ riêng. Nhưng phải lưu ý: nếu ta có khả năng giúp người cải sửa mà lại không làm thì ta đang bị bệnh “mackeno” (mặc kệ nó); còn nếu ta không có khả năng mà lại muốn giúp người cải sửa thì coi chừng ta làm không được mà còn hại đến bản thân. Đây là vấn đề mà ta cần suy ngẫm. *Chuyện con tắc kè* trong tuyển tập Jataka kể lại một kinh nghiệm trong việc giao du với người xấu. Lưu ý rằng trong tuyển tập Jataka có hai truyện mang tên *Chuyện con tắc kè*, cùng kể về tiền thân Godha. Chuyện con tắc kè được đánh số 138 mang tiểu tựa *Kẻ ngu có*

ích gì nói về một người lừa đảo. Còn Chuyện con tắc kè được đánh số 141 mang tiểu tựa *Giao du với kẻ ác* là câu chuyện được trình bày ở đây.

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, Bậc Đạo sư đã kể lại về một Tỳ-kheo phản bội.

Nguyên nhân khiến Bậc Đạo sư nói tới vị Tỳ-kheo phản bội được dẫn từ chuyện Con voi Mahilamukha (Tiền thân Mahilamukha số 26). Theo đó thì câu chuyện xảy ra vào lúc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đã phản bội Giáo đoàn, được hoàng tử Ajatasattu (A-xà-thế) giúp đỡ bằng cách xây dựng riêng cho ông này một tinh xá ở Gayasisa và hàng ngày cung cấp thực phẩm hảo hạng cho Devadatta để Devadatta chiêu mộ những Tỳ-kheo chưa đủ giới đức, tập hợp lực lượng với âm mưu lật đổ Đức Phật, đòi quyền lãnh đạo Tăng đoàn. Bấy giờ có một Tỳ-kheo tuy đã quy y Đức Phật, hàng ngày vẫn về chỗ Đức Phật tại tinh xá Trúc Lâm nhưng lại không đi khát thực theo các bạn đồng tu mà lén lút đến tinh xá Gayasisa của Devadatta để được hưởng lợi dưỡng cùng với nhóm của Devadatta, chỉ vì vị Tỳ-kheo này giao du với một người bạn đã theo Devadatta từ trước. Khi hành vi của Tỳ-kheo này bị phát giác, ông bị các bạn đồng tu của mình đưa ông đến gặp Đức Phật. Ông ta chối quanh, nhưng Đức Phật đã biết trước và kể lại một câu chuyện tiền thân để giáo hóa ông ta.

* * *

Thuở trước, khi vua Bramadatta trị vì ở Benares, Bồ-tát sanh làm con tắc kè. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát sống ở một cái hang lớn trên bờ sông với tư cách tắc kè chúa, có vài trăm con tắc kè khác doanh vây.

Chuyện tiền thân cho thấy rằng ngay cả những người có nhiều hành động lành như Bồ-tát cũng tái sinh làm các con vật. Đây là một vấn đề rất phức tạp. Có các quan điểm cho rằng các bậc Bồ-tát sẽ chủ động tái sinh trong các giống loài khác nhau để giúp đỡ cải sửa (theo từ Hán Việt là “hóa độ”) những kẻ đồng loại. Tuy nhiên, cũng có quan điểm cho rằng mặc dù ta sống đời

sống tốt, nhưng trong quá trình sống đó, nếu ta vẫn chưa từ bỏ được các hành vi xấu về phương diện thân thể, nói năng và ý nghĩ thì ta vẫn có khả năng bị tái sinh vào chỗ không tốt một cách bị động. Trong trường hợp này, thay vì tưởng là “hóa độ” hoàn cảnh, ta sẽ dễ bị hoàn cảnh “hóa độ”. Trong các chuyện tiền thân, danh từ Bồ-tát được dành để chỉ cho tiền thân của Đức Phật Thích-ca.

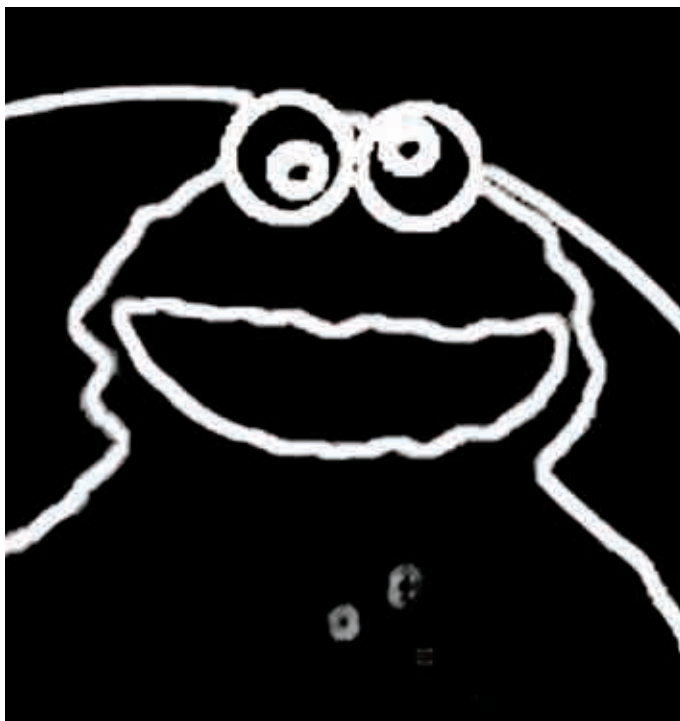
Bồ-tát có một con. Tắc kè con này kết thân với một con kỳ nhông, sống thân mật với nó, đi đến ôm quần lấy nó. Sự thân mật ấy được báo lên cho tắc kè chúa biết. Tắc kè chúa gọi con mình lên và nói: “Này con, con thân tình với chỗ không đáng thân tình. Con kỳ nhông thuộc gia đình

hạ tiện, không nên làm thân với chúng. Nếu con làm thân với con kỳ nhông ấy, toàn bộ gia đình tắc kè sẽ lâm nạn. Bắt đầu từ nay con chớ thân mật với nó”.

Theo suy nghĩ thông thường, “hạ tiện” có ý nghĩa là nằm trong giai cấp thấp, nghèo khổ,... Tuy nhiên trong Phật học, “hạ tiện” có ý nghĩa là làm điều hại mình, hại người, hại môi trường. Những người hạ tiện cũng là những người có tri thức sai xấu (ác tri thức). Đó là những người không tuân

theo giới luật, tự mình làm và khuyến khích, cổ vũ, ép buộc người khác làm mười điều xấu ác: ba điều suy nghĩ xấu, gồm những suy nghĩ (1) tham lam, (2) tức giận, mưu hại người khác, (3) phủ nhận nguyên lý nhân quả, phủ nhận những hành vi đúng tốt; bốn điều xấu về lời nói, gồm (4) nói dối, (5) nói lời đâm thọc, (6) nói lời gây đau khổ cho người khác, (7) nói chuyện phù phiếm; ba hành động sai xấu gồm (8) giết hại sinh vật, (9) lấy của không cho, (10) quan hệ tình dục sai trái.

Họ không thấy các lỗi lầm, không thấy sự nguy hại của lỗi lầm; cho những điều xấu ác là đúng đắn, cho những điều đúng đắn là xấu ác; khi nghe những điều khuyên đúng tốt thì phản ứng lại và thù hằn với người góp ý; can thiệp vào việc làm của người khác để cản trở, gây đau khổ cho người đó; thường làm những điều phạm pháp, phạm luật mặc dù biết các khung hình phạt của luật pháp.



* * *

Với cách hiểu “hạ tiện” này, ngay cả những người giàu có quyền thế cũng vẫn có thể là kẻ hạ tiện. Điều này được nói tới đầy đủ trong bài kinh “Kẻ bất tiện” (thuộc *Tiểu Bộ kinh*, tập 1, phần Kinh Tập, chương 1, phẩm Rắn). Bài kệ này rất dài, ở đây chúng ta chỉ trích ra một số đoạn:

Ai ở đây hại vật, Một sanh hoặc hai sanh, Không thương xót hữu tình, Được biết là bất tiện.

Tại làng hay tại rừng, Vật sở hữu của người, Lấy trộm của không cho, Được biết là bất tiện.

Ai với mẹ hay cha, Già yếu tuổi trẻ qua, Tuy giàu không giúp đỡ, Được biết là bất tiện.

Ai làm các nghiệp ác, Muốn không biết mình làm, Ai làm hạnh che đậy, Được biết là bất tiện.

Ai nói dối lường gạt, Sa-môn, Bà-la-môn, Hay các người nghèo khác, Được biết là bất tiện.

Ai đề cao tự ngã, Khinh miệt giá trị người, Hạ mình với tự cao, Được biết là bất tiện.

Bất tiện không vì sanh, Phạm chí không vì sanh, Do hành, thành bất tiện, Do hành, thành Phạm chí.

Câu chuyện tiền thân được kể tiếp tục như sau:

Bồ-tát nói đi nói lại nhiều lần nhưng không thể ngăn chặn sự thân mật của con mình với con kỳ không. Bồ-tát suy nghĩ: “Rất có thể, vì con kỳ không này, sợ hãi sẽ khởi lên cho chúng ta. Khi sợ hãi ấy khởi lên, ta phải tìm đường chạy trốn”. Rồi Bồ-tát khiến đào một lỗ thông gió phía bên.

Đây cũng là một trường hợp điển hình trong đời sống. Bồ-tát là tắc kè chúa, vừa có trí tuệ vừa có quyền lực đối với đàn tắc kè. Thế nhưng, tắc kè con vẫn không nghe lời Bồ-tát. Vì thế, nếu chúng ta có ít năng lực, ít quyền lực thì việc đi vào những chỗ xấu để “hóa độ” coi chừng không thành công mà còn hại cả bản thân. Tắc kè chúa không khuyến bảo được con đàn phải tìm cách để thoát thân khi có biến cố.

Con tắc kè đực dần dần lớn lên với thân hình to lớn. Còn con kỳ không thân thể vẫn như xưa. Khi con tắc kè ôm chặt con kỳ không để hôn nó, con kỳ không có cảm giác như bị ôm chặt bởi một đảnh núi. Nó mệt mỏi suy nghĩ: “Nếu con tắc kè ôm hôn ta như vậy vài ngày nữa thì ta chết mất. Vậy ta hãy âm mưu với một người thợ săn để sát hại gia đình này”.

Câu chuyện kể cho thấy tắc kè chúa đã nhìn thấy vấn đề từ lúc tắc kè con còn nhỏ. Mọi việc phát sinh được nhìn thấy từ rất lâu, nhưng vì tắc kè con không nghe lời khuyên bảo nên Bồ-tát đành chịu thua. Qua việc này, chúng ta cũng rút ra một bài học: Ý kiến của các bậc trưởng thượng và có trí tuệ là rất quan trọng, ta cần phải lắng nghe, hỏi han và suy xét cho kỹ. Sự thân cận và lắng nghe các bậc có tri thức đúng tốt đem lại nhiều điều lợi ích lớn, như: thông hiểu về lý thuyết, phương pháp rèn luyện và các thành quả của việc tự điều chỉnh; biết làm những việc tạo công đức; tránh

được nhiều tai hại và oan trái; biết rõ con đường sinh về các cõi giới tốt lành và tránh các con đường dẫn tới tái sinh vào các cõi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; tự mình được vui vẻ yên ổn trong đời hiện tại và tương lai; được sự khen ngợi của các vị có tri thức đúng tốt. Chuyện tiền thân kể tiếp:

Một hôm, nhân có cơn giông nổi lên giữa mùa hè, nhiều con kiến mới bay ra, và các con tắc kè từ chỗ này chỗ kia bò ra để ăn mồi. Một người thợ săn tắc kè đi vào rừng cùng với một đàn chó và mang theo một cái cuốc để đào hang tắc kè.

Người thợ săn chỉ biết bắt tắc kè bằng cách đào hang của chúng. Vì hang của các con tắc kè là hang lớn nên cách đào hang vẫn có thể làm cho nhiều con tắc kè trốn thoát. Vì có nhiều tắc kè ở trong rừng cùng ra ăn kiến mới rải rác nên người thợ săn không biết được hang của con tắc kè chúa.

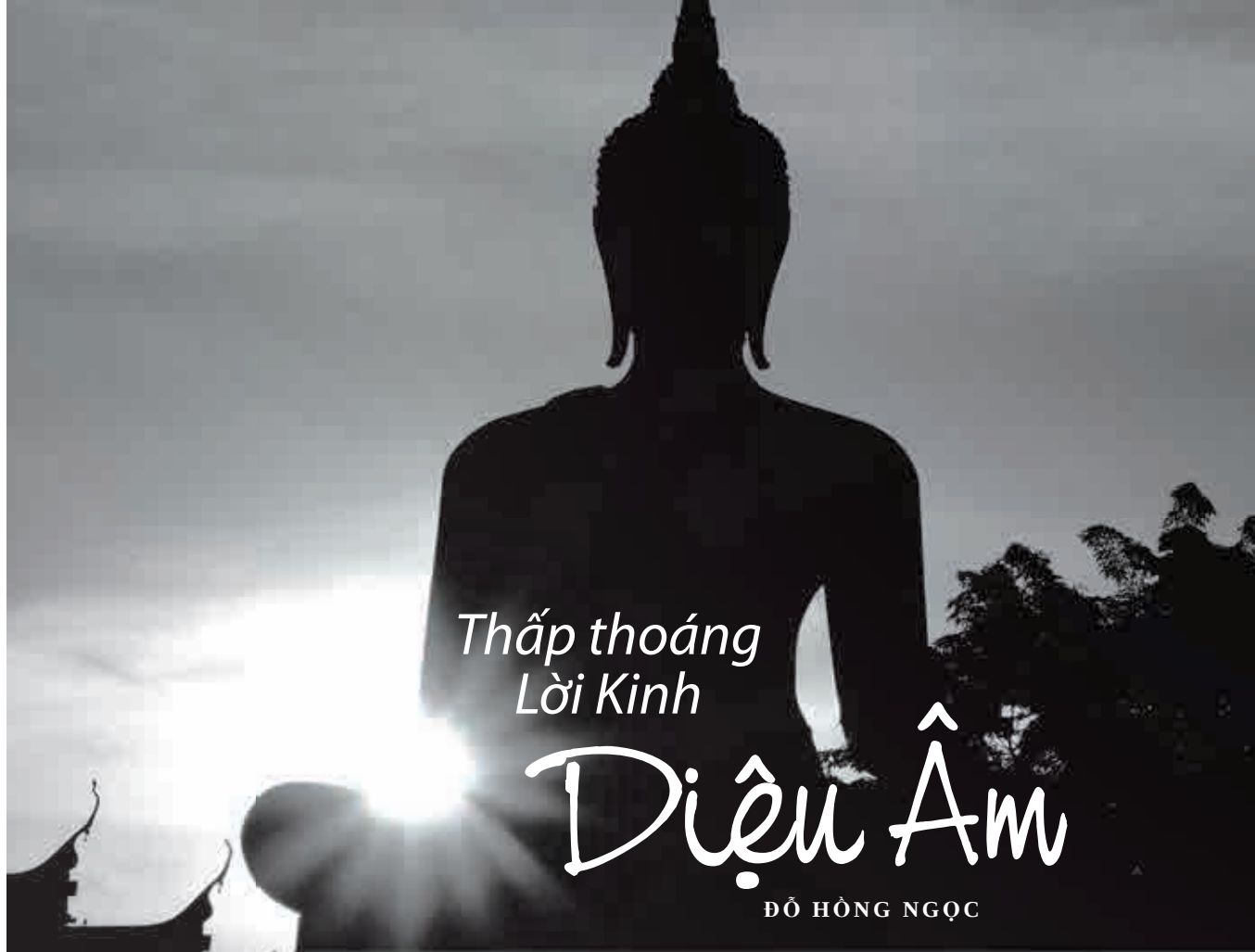
Con kỳ không thấy người liền nghĩ: “Hôm nay ta sẽ thỏa mãn nguyện vọng của mình”. Nó đi đến nằm không xa và hỏi: “Ông vào rừng để làm gì?”. Người thợ săn ấy nói: “Để bắt các con tắc kè”. Con kỳ không bảo, “Tôi biết một cái hang có hàng trăm con tắc kè, hãy đem lửa và rơm đến”. Rồi nó dẫn người thợ săn đến hang tắc kè và nói: “Hãy bỏ rơm vào chỗ này, đốt lửa xông khói, đặt các con chó ở xung quanh. Ông hãy cầm một cái vỏ lớn, đập các con tắc kè chạy ra, giết chúng và vun thành đống”. Nói vậy xong nó nghĩ: “Hôm nay ta sẽ thấy kẻ thù đại bại bỏ chạy”, nghĩ vậy xong nó đến nằm tại một chỗ và ngóc đầu lên. Người thợ săn xông khói rơm và khói bay vào trong hang. Các con tắc kè bị khói làm mù mắt, hoảng sợ bò ra với ý định chạy trốn. Người thợ săn đập các con chạy và giết hết. Những con nào chạy thoát khỏi thợ săn thì cũng bị các con chó chặn bắt. Đại nạn đã khởi lên cho các con tắc kè. Bồ-tát biết rằng do con kỳ không nên tai nạn đã khởi lên.

Con kỳ không biết điểm yếu của các con tắc kè nên đã chỉ cho thợ săn cách dùng khói để có thể tận diệt đàn tắc kè. Cách chỉ dẫn của nó cho thấy nó đã nghiền ngẫm rất lâu kế hoạch tiêu diệt đàn tắc kè này. Con tắc kè chúa khi quan sát cách làm của thợ săn biết ngay rằng con kỳ không là nguyên nhân chính của đại nạn.

Bồ-tát than: Thật không nên giao du với loại người ác độc. Do người ác độc nên an lạc không có. Chính do con kỳ không độc ác, các con tắc kè này bị hủy diệt. Trong khi chạy trốn thông qua lỗ khói, Bồ-tát nói lên bài kệ:

*Giao du với kẻ ác
Không đưa đến an lạc
Do một con kỳ không
Toàn gia đình tắc kè
Bị rơi vào đại nạn.*

Bậc Đạo sư, sau khi kể lại pháp thoại này, cho biết: ‘Lúc bấy giờ, con kỳ không là Devadatta. Con trai Bồ-tát, con tắc kè không nghe lời giáo huấn là Tỷ-kheo phản bội. Còn chúa loài tắc kè là Ta vậy.’ ■



Thấp thoáng Lời Kinh

Diệu Âm

ĐỖ HỒNG NGỌC

Lúc bấy giờ, Đức Phật từ nhục kế phóng ra ánh sáng và phóng ánh sáng nơi tướng lông trắng giữa chặng mày, soi khắp tám trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa các cõi Phật ở phương Đông...”

Rất ít khi nào Phật phải phóng hào quang cùng lúc từ hai nơi như vậy, vừa từ nhục kế trên đỉnh đầu vừa từ giữa chặng lông mày. Phải có cái gì lạ lắm ở đây! Thật vậy, ở phần đầu của *Pháp Hoa*, ta chỉ thấy Phật phóng hào quang từ nơi tướng lông trắng giữa chặng mày mà cũng đã đủ chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, suốt từ địa ngục A-tỳ cho đến trời Sắc Cứu Cánh, để mọi người có mặt ai cũng thấy rõ cả sáu loại chúng sanh nheo nhóc khắp các cõi kia, lại thấy nơi nào cũng có các vị Phật đang nói kinh, cùng các vị Phật đang nhập Niết-bàn, nơi nào cũng có các đại Bồ-tát đang tu lực độ vạn hạnh... Vậy mà lần này, ngoài hào quang từ giữa chặng lông mày nhướng lên cho thấy khắp tám trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa các cõi Phật ở phương Đông còn vượt qua đến tận thế giới của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai. Lần này hào quang “quét” xa hơn và “focus” như để tìm kiếm một cái gì đó. Cùng lúc, Phật còn phóng hào quang nơi nhục kế ở trên đỉnh đầu rõ ràng không phải chỉ để *thấy* (kiến) mà còn để *biết* (tri), để tìm gặp một “người quen” nào đó nữa. Thì ra là Bồ-tát Diệu Âm. Bồ-tát Diệu Âm đang ở bên cạnh Tịnh Hoa Vương Trí Như Lai lập tức bị rung động. Rung động cũng phải thôi. Thần giao cách cảm mà! Phải có cùng một tần số mới rung động được, nếu không, chỉ

trơ như đá! Diệu Âm rung động toàn thân, rung động sáu cách. Ánh sáng đến từ đỉnh đầu không phải là ánh sáng trí tuệ, đây là ánh sáng của cảm xúc, nó làm cho người ta run rẩy, bứt rứt, lâng lâng. Diệu Âm rung mình, vội vã xin đi gặp Thích-ca đang ở cõi Ta-bà xa lắc xa lơ kia. Không chỉ Thích-ca mà còn thăm cả Văn-thù, người bạn cũ. Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai không làm sao giữ lại được, bèn dặn dò đôi câu rằng đừng có coi khinh cõi Ta-bà, ở đó không chỉ có Văn-thù mà còn có Dược Vương, Dược Thượng, các vị Bồ-tát đang “dạo chơi”... để cứu độ chúng sanh. Diệu Âm lập tức hóa thành ngàn cánh sen xanh mượt bay vù vù đến Ta-bà, nơi Phật đang nói kinh *Pháp Hoa*.

Không phải tựưng mà Phật mời cho được Diệu Âm. Bởi Diệu Âm là vị Bồ-tát từ lâu đã trồng các cội công đức... *đặng trọn trí huệ rất sâu*, đạt tất cả các tam muội từ “Diệu tràng tướng tam-muội” đến “Pháp Hoa tam-muội”... trong đó có lẽ đặc biệt nhất là tam-muội “Hiện nhất thiết sắc thân”. Nếu Thường Bất Khinh là vị Bồ-tát có hạnh luôn “tôn trọng” (respect) mọi người và Dược Vương có hạnh “chân thành” (congruence), khiến mọi người ai thấy cũng vui thì giờ đây, Diệu Âm mới là vị Bồ-tát có hạnh “thấu cảm” (emphathy) rất chuyên biệt, sâu sắc. Có khả năng *hiện nhất thiết sắc thân* nghĩa là muốn biến thành ai cũng được dù là Phật, là Bồ-tát, vua quan hay yêu ma quỷ quái gì cũng được, lại còn có khả năng nghe hiểu và nói mọi thứ tiếng “giải nhất thiết ngữ ngôn chúng sanh” nữa, nên thâm nhập vào mọi cảnh ngộ, mọi tình huống đều rất dễ dàng. Thấu cảm là khả năng đặt



mình vào địa vị của người khác mà hiểu cho thấu suốt nguồn cơn, có vậy mới có lòng từ bi thật sự.

Con đường đến trái tim người phải là con đường của cảm xúc, của sự rung động, không thể bằng lý trí, nghĩ suy, toan tính... Âm thanh chính là con đường đó, mau chóng nhất, gần gũi nhất. Tiếng hú, tiếng kêu, tiếng rên... chẳng phải là thứ âm thanh của trần thế cần được lắng nghe đó sao? Ai bảo chỉ có con người mới có ngữ ngôn?

Diệu Âm, âm thanh vi diệu, có thể đi thẳng vào lòng người bởi khả năng “hiện các thứ thân hình” để “nơi nơi vì hàng chúng sanh nói kinh điển này!”. Âm thanh vi diệu, một tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng tụng niệm đủ để chuyển hóa, đủ để làm lửa nóng của địa ngục thành cam lồ của thiên đàng sao không? Không có năng lực này thì không thể tiếp cận, không thể giúp chúng sanh tiếp nhận Diệu pháp. Không chỉ hiểu ngôn ngữ mà còn phải có hình sắc tương đồng, một thứ ngôn ngữ cơ thể mới có thể truyền thông không lời hiệu quả. Một người mặc veston cà-vạt sao nói chuyện được với một đứa bé bụi đời rách rưới lang thang hay một cô gái giang hồ xác xơ đầy mặc cảm... Cho nên Diệu Âm khi cần thì biến thành Phạm Thiên Đế Thích, khi thành vua thành chúa, thành trưởng giả, doanh nhân, cư sĩ, dạ xoa, A-tu-la, như phi như các thứ... Khi cần thì hóa Thanh văn, Bồ-tát, Phật không khó. Cần vào địa ngục thì vào, ngạ quỷ súc sanh đều là... bạn thiết, không phân biệt đối xử... Và nhờ thứ tam-muội này mà Diệu Âm mới nói kinh *Pháp Hoa* cho chúng sanh ngộ nhập được tri kiến Phật, mà chuyển hóa được tám vạn bốn ngàn phiền não

thành tám vạn bốn ngàn cánh sen xanh muốt, đẹp đẽ, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Khi Văn-thù thấy ngàn cánh sen xanh muốt rực rỡ bay vèo đến thì biết ngay đó là Diệu Âm và muốn cho mọi người cũng được thấy biết vị Bồ-tát dễ thương này. Phật bảo Văn-thù: “Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu đây, sẽ vì các ông mà hiện bày thân tướng của Bồ-tát đó”. Đa Bảo Như Lai tức thời gọi Diệu Âm: “Thiện nam tử đến đây! Văn Thù muốn thấy thân của ông”.

Chuyện lạ! Đức Thích-ca đã mời được Diệu Âm Bồ-tát đến mà phải có Đa Bảo Như Lai “diệt độ từ lâu” mới gọi ra cho mọi người thấy mặt được sao? Thì ra người ta không thể “nhìn” được cảm xúc nếu không có xúc cảm! Không thể lấy lý trí, nhất là lý trí tích cóp mà “thấy” được cảm xúc. Hiểu là một chuyện, cảm là một chuyện khác. Chỉ có Đa Bảo mới “gọi” được Diệu Âm. Hay nói khác đi, những ai hằng sống với Đa Bảo, hằng thân thiết với Đa Bảo mới nhận ra được Diệu Âm. Còn không thì Diệu Âm vẫn là một vị Bồ-tát xa lạ. Khi Diệu Âm xuất hiện: “Mắt như cánh hoa sen xanh rộng lớn, diện mạo đẹp hơn nghìn muôn mặt trăng, thân sắc vàng ròng vô lượng công đức trang nghiêm, ánh sáng chói rực”... rõ ràng không thể khiến ta không... rung động sáu cách!

Diệu Âm hỏi thăm Thích-ca: “Thế Tôn ít bệnh ít khổ, đi đứng thơi thới, sở hành an vui chẳng? Bốn đại điều hòa chẳng? Việc đời nhàn được chẳng? Chúng sanh dễ độ chẳng? Không có người nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bòn sẻn, kiêu mạn chẳng?... Chúng sanh hàng phục được các ma oán chẳng?”. Thì ra vì chịu mang thân tứ đại ngũ uẩn nên Phật cũng phải “khổ”, phải vất vả như ai! Chỉ có Đa Bảo Như Lai thì mới tùm tùm cười cười chẳng nói.

Diệu Âm vắng lai. Đến rồi đi. Đi rồi đến. Nhưng thực ra Diệu Âm vẫn luôn còn đó, vẫn luôn có đó, vẫn với đôi mắt trong xanh với vợ đó, vẫn với thân hình ngàn cánh sen muốt nhưng bay lượn đó cho bất cứ ai, bất cứ đâu, khi biết nghe tiếng sóng, tiếng gió, tiếng lá rơi, tiếng côn trùng... và tiếng chuông chùa “dạ bán chung thanh...”!

Diệt thọ tưởng định là cõi thiên mà Phật đã sáng tạo trên con đường tu tập để cắt đứt vòng ái, thủ, hữu... Tâm lý học ngày nay cũng tập trung nghiên cứu về “thọ”, nghĩa là về cảm giác, cảm xúc. Kiểm soát “thọ” thì kiểm soát được tâm. Chính là con đường của Diệu Âm Bồ-tát (Gadgadasvara). Gadgada là *Diệu*, là điều luyện, là thuần thực, Svava ở đây là *Âm*, là Tự tại. Nói cách khác, có thể dùng âm thanh để đạt đến Tự tại nhờ một kỹ năng điều luyện.

Nghe một tiếng chuông, ngửi một mùi hương, nhìn một chiếc lá rơi... gợi bao nhiêu cảm xúc, giúp ta thấy vô thường, thấy duyên sinh, không, vô ngã... Chuông đánh lên thì nghe tiếng chuông, chuông không đánh thì nghe cái “không tiếng chuông”. Cái nghe, sự nghe, tánh nghe vẫn đó, không vì tiếng chuông có hay không.

Âm thanh vi diệu, Diệu Âm, một khi đến được “nhất tâm bất loạn” thì đã vào chánh định rồi vậy! ■



Đóa hoa quỳnh trong đêm

THÍCH NỮ VIÊN TÍCH

Buổi tối đó, người hộ thất đã mang đến cho tôi một bông hoa quỳnh vừa hé nở, cắm trên chiếc đĩa tròn với một cọng thủy vi từng xanh biếc. Chiều lòng, tôi đã phải ngồi dậy, thắp cây đèn dầu lớn để ngắm nghía. Loài hoa thiết lệ, chỉ nở vào ban đêm. Tôi là kẻ không ưa thức đêm, đã phải tận tình chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nó trước khi đi ngủ. Tôi để cây đèn bên cạnh, ánh sáng vừa đủ soi vẻ trắng muốt dịu dàng của bông hoa trong căn thất nhỏ. Mùi hương nhẹ thoáng không ngợp lắm, tôi có thể chịu được; và thỉnh thoảng giữa cơn ngủ say, tôi tỉnh dậy, ngược

nhìn lên đầu tủ, nụ hoa quỳnh vẫn còn đó, lặng lẽ nở một mình. Cánh hoa mỏng trắng tinh xếp khít khao với nhau, làm tôi nhớ màu lụa trắng của thời học sinh trung học, màu lụa thật nhẹ và mơ mộng như lứa tuổi thời ấy.

Ý tưởng có một bông hoa làm bạn với mình trong thất mà chỉ ngay sáng mai thôi, tôi sẽ không còn thấy nó nở tung, hé mở những chiếc cánh thế này, để lộ từng chùm nhụy cong vút mảnh mai bên trong, khiến tôi đã phải chịu khó thức dậy nhiều lần để ngắm bạn. Nụ hoa vẫn nở bất kể là có tôi hay không có tôi, bất kể là đang ở trên cành hay được cắm vào đĩa.



Suốt đêm đóa hoa vẫn giữ độ hàm tiếu. Tôi chưa thấy hoa quỳnh mãn khai vì đã có bao giờ tôi ở bên cạnh chậu quỳnh cho đến khuya? Tôi ngắm nó như một vật lạ nhất trên đời. Phía bên này, tôi có một đóa tường vi hồng đang nở, nhưng tôi không chú ý lắm vì nghĩ rằng tường vi đến sáng vẫn còn.

Đóa quỳnh dường như muốn nói với tôi một điều gì.

Không lâu lắm đâu, tôi hiện diện chỉ một đêm thôi. Ngày mai và vĩnh viễn tôi không bao giờ hé cánh lần thứ hai. Đó phải chăng là thông điệp của vô thường mà người học hoài có nhớ? Nhưng hiện tại tôi đang có mặt đây, sự có mặt của tôi là cả một thế giới bùng nổ. Hơi đêm mát lạnh, màu u tối của đêm làm tăng vẻ trắng muốt của tôi. Chiếc lá mang tôi trên mình cũng đang nở, vì nó đang mang trên mình một bông hoa, khác với những chiếc lá sông. Tia nắng mặt trời từng ngày nuôi dưỡng thân cây, tia nắng vàng óng của ban ngày, tôi chưa khi nào giáp mặt, nhưng tôi biết tia nắng đẹp tuyệt vời đó đã cấu tạo nên tôi trong từng chút một. Cọng hoa tròn mẫm mĩm non mướt, đài hoa râu ria, cánh hoa và nhụy hoa điểm một đầu phấn vàng. Chúng tôi đang nở đây trong sự nuôi dưỡng của ánh mặt trời và tất cả muôn duyên.

Tôi đã tung ra hết vẻ đẹp của mình, đang cười lặng lẽ bên

cây đèn dầu. Thế giới chung quanh ngủ yên, cả cô chủ thất cũng ngủ. Thật thích thú và kỳ diệu khi mình tỉnh thức giữa lúc mọi người ngủ say. Cô chủ cứ ngủ. Tôi thức một mình cũng đủ vui, không cần phải chuyện trò giao tế. Thức với tôi, là bác gió đêm nhẹ nhàng, lay động cành lá, làm chao động những cọng nhụy rung rinh, và cánh hoa dợn sóng. Gió thật mát, chỉ vuốt nhẹ trên mặt hoa mịn màng. Tối nay trời không mưa; cũng may, vì những giọt mưa nặng hạt sẽ làm tôi mệt mỏi, sức của tôi không chờ được một giọt nước mưa. Và chính vì vậy cô chủ phải đem tôi vô thất, tôi biết, cô thích để tôi ngoài trời, để tôi một mình nở trắng trên chiếc bàn con giữa sân, chung quanh là đêm rủ bóng, những vì sao trên xa cũng nhìn thấy tôi nữa là. Thỉnh thoảng cô sẽ đẩy cửa ra, nhìn tôi một chút rồi quay vô giường. Nếu cô thích cô sẽ để cửa suốt đêm, đèn vận nhỏ, và nằm nhìn ra phía tôi, cô có một lối ngắm hoa thật làm biếng, không văn nghệ tí nào.

Mấy nhà thơ thường hay thức đêm bên tôi, chế một bình trà ngon, châm một liều thuốc, hoặc với vài ba người bạn nói chuyện nho nhỏ, hoặc tìm ý thơ văn thơ bên cạnh tôi. Có lẽ họ tìm cảm hứng, tìm cách quên tôi qua cảm hứng của họ: có một bông quỳnh đã nở trong vườn đêm nay.

Có người cho bắc đèn điện, những bóng đèn con giăng mắc suốt cả thân cây, soi rọi chúng tôi một cách lộ liễu. Hoa mà nằm bên cạnh đèn điện thì thật là kỳ cục. Người đời có những ý thích và lối thường ngoạn không hợp gu với tôi. Nhưng tôi nở là vẫn nở, không vì thế mà kém vui. Chỉ có một đêm thôi, hơi đầu mà bận tâm với họ.

Để tôi ngoài trời là để giữa thiên nhiên, còn đem vào nhà là vật sở hữu, có thể đốt một ngọn nến hay cây đèn dầu khiêm nhường chút đỉnh, ánh sáng phải lịch sự, đừng chói chang. Tôi là biểu trưng của đêm, rất thâm kín.

Đêm trải dài mênh mông, tôi cũng trải đời mình mênh mông vô tận. Tôi không hề mỏi mắt đêm nay, sau đó tôi sẽ khép lại, và đi vào quên lãng. Tôi nở thật trọn vẹn cho đêm này, cho thế giới của tôi. Quá khứ, đêm trước tôi chưa nở nên không có gì đáng nói, và tương lai, đêm sau, tôi không có mặt nên cũng chẳng có gì phải quan tâm.

Đêm vắng lặng, đóa quỳnh đơn côi.

Tôi cũng chỉ một mình, độc cư.

Độc cư là ở một mình, vắng bóng mọi người chung quanh. Tập hạnh độc cư để không ô nhiễm với mọi hiện tượng và được giải thoát vì từ bỏ tất cả.

Nhưng độc cư bên ngoài không quan trọng bằng độc cư tâm linh, đó là sự vắng bóng mọi ngoại nhìn quá khứ hay trông ngóng tương lai, đó là một tâm thức hồn nhiên rỗng suốt, không chứa để mọi ý niệm, cảm tình lo âu, nhớ nhung... đủ thứ hăm bà lằng của tâm thức - như đóa hoa quỳnh chỉ nở trong hiện tại.

Tập tọa thiền là để tập độc cư tâm linh, để buông xuống mọi vọng tưởng ồn ào, mọi bóng hình chen chúc ồ ạt. Đó không phải là sự cô đơn héo úa, buồn tẻ, mà thật ra đó là sự tươi mát của đóa quỳnh trong đêm.

"Và Niết-bàn là sự độc cư tâm linh cao nhất". ■



Ngày xấu

HƯƠNG ĐỨC

Hôm nay tôi đến nhà người anh họ để dự đám giỗ mẹ của anh ấy (cũng là mẹ của tôi), nhìn lên bàn thờ thấy khói hương nghi ngút, thức ăn, trái cây bày cúng ê hề, lòng tôi bỗng nhói lên một niềm cảm xúc.

Thời gian trôi nhanh quá, mới đó đã mười hai năm. Nhớ lúc cha tôi vừa mất, khi chuẩn bị tẩm liệm cho người, mẹ ấy đến nhìn mặt cha tôi lần cuối rồi khen rằng cha tôi chết không mất một miếng thịt (cha tôi mất đột ngột do tai biến mạch máu não), mấy tháng sau bắt đầu đến mẹ ấy. Thế nhưng căn bệnh ung thư đại tràng đã hành hạ thân xác mẹ gần một năm trời khiến mẹ như chỉ còn da bọc xương. Vì tôi là thầy thuốc nên khi nào cần, con trai út của mẹ - người trực tiếp nuôi mẹ ấy - báo cho tôi biết, tôi sẽ đến tiêm thuốc bổ, truyền dịch trợ sức, cứ như thế kéo hết tháng này qua tháng nọ mãi cho đến trưa ngày 23 tháng 7 âm lịch năm đó thì mẹ phát một dữ dội. Sợ mẹ mất vào ngày 23 (là một

trong những ngày mà dân gian cho là xấu, đến mức “đi chơi cũng lỗ nữa là đi buôn”), thế là các người con của mẹ vội vã đến nhà nhờ tôi tiêm thuốc, truyền dịch cho mẹ cốt sao cho bà qua khỏi ngày “xấu” đó.

Tôi thì vốn chẳng tin vào cái chuyện ngày xấu, tốt, tôi chỉ nghĩ ngày nào cũng là ngày của trời đất, như cha tôi thường dạy, nhưng ‘nghĩa tử là nghĩa tận’, lại thân tộc nhờ cậy, thôi thì cứ làm theo yêu cầu của họ, kéo không lại mang tiếng là thằng ăn ở bạc tình. Khi tôi chuẩn bị dụng cụ, thuốc men xong, vừa định lên xe đi thì người con trai cả của mẹ ấy đang định cư ở nước ngoài bỗng gọi điện về, anh ấy nói tự nhiên thấy nóng ruột quá nên gọi về hỏi thăm sức khỏe của mẹ anh, tôi bảo mẹ anh sắp mất, anh ấy khóc òa lên trong điện thoại, tôi nghe mà chảy nước mắt theo. Thật tội, vì miếng cơm manh áo phải bỏ xứ, rút ruột ra đi, bây giờ cách nửa vòng trái đất làm sao kịp về với mẹ trong phút giây sinh ly tử biệt này. Một lát sau, anh ấy trấn

tĩnh lại, dặn tôi cố lo cho mẹ anh trong giờ phút cuối, ơn nghĩa này anh không bao giờ quên, anh còn bảo tôi nhớ ghi lại lời dặn dò, hình ảnh của mẹ anh trước lúc ra đi. Tôi nhận lời giúp anh ấy.

Thế là ngoài túi dụng cụ, thuốc men, tôi còn phải mang cả chiếc camera cũ kỹ và đồng thời cũng không quên mang đĩa VCD “bầu bới” theo. Sau khi tiêm thuốc trợ lực, truyền dịch được gần một giờ, mợ ấy tỉnh táo trở lại, ra dấu nhận biết tôi, mợ thì thảo hỏi con tôi mạnh không (tôi có đứa con gái sáu tuổi, hay bệnh, mợ nhớ chuyện bệnh tật của nó nên hỏi thế), tôi trả lời xong liền lấy máy quay phim ra, nói: Mợ có nhắn gì thì nói đi, ngày mai con sẽ gửi phim này qua Mỹ cho anh Hai”. Mợ ấy trả lời : “Đừng có gởi sớm, đợi quay xong đám ma của mợ rồi gởi luôn cho đỡ tốn tiền”. Tôi nghe mợ nói mà xúc động lạ thường, thương người đàn bà tần tảo cả đời để lo cho con ăn học, bây giờ đến giây phút cuối của cuộc đời vẫn sợ tốn tiền con cháu. Còn nhớ thời chiến tranh, gia đình mợ tản cư ở nhờ nhà của gia đình tôi, cậu tôi thì đi tập kết ra Bắc, bắt tằm bắt tích, bỏ mặc bảy con cho mợ quán xuyến. Mợ ấy, lúc đó, lớp mua bán ngoài chợ, lớp nhận may quần áo cho khách, lớp trồng đồ hàng bông bán, bươn chải không nề cực khổ để kiếm tiền lo cho bốn đứa con ăn học tới nơi, tới chốn. Tuy có tiền nhưng không khi nào thấy mợ dám mua bánh trái, thịt thà về ăn, tôi chỉ thấy mợ thường ra mé sông câu vài con cá lòng tong, cá chốt rồi kho qua quít ăn với các loại rau hoang dã hái trong vườn. Tất cả tiền bạc có được mợ đều dành dụm gởi cho con. Biết tánh hay tiện tiện của mợ, tôi hứa sẽ làm theo lời mợ dặn rồi hỏi mợ có nhắn dạy gì mấy đứa con không để tôi ghi hình. Mợ ấy nhìn tôi với ánh mắt xa xăm rồi nói: “Dạy cả đời rồi”. Sau đó mợ nhắm mắt làm thinh, hai giọt lệ lặng lẽ tuôn ra từ khóe mắt. Tôi bèn lục túi xách, lấy đĩa VCD đã đem theo - đĩa này thân toàn tiếng niệm Phật A-di-đà của một vị cao tăng - tôi đưa cho các người con của mợ bảo họ mở cho mợ nghe, đĩa mở được một lúc, tôi thấy nét mặt của mợ thanh thản dần theo tiếng niệm Phật. Đến khoảng 8 giờ tối, mợ ấy bỗng mở mắt nhìn những người thân xúm xít chung quanh rồi nói: Đã chết hai bàn chân rồi, không còn cảm giác nữa. Lát sau, mợ lại bảo đã chết đến đầu gối và cứ thế, mợ báo cho thân nhân biết cái chết đang chiếm dần cơ thể của mình. Đến khoảng mười giờ đêm, mợ bỗng nhìn tôi, bảo: Chết đến tận rồi, đau quá Đức ơi! Tôi chỉ biết nắm tay mợ động viên, thuốc men gì nữa trong phút giây này, tôi kể tai mợ dặn: Mợ gắng niệm Phật để về với Phật. Lúc gần 12 giờ, mợ lại bảo chết tới ngực rồi, khó thở lắm. Tôi lại động viên mợ niệm Phật, đôi môi mợ mấp máy theo tiếng niệm liên tục trong đĩa VCD, *A-di-đà Phật, A-di-đà Phật*. Qua mười hai giờ khuya mợ vẫn còn sống, hơi thở tuy còn nhưng đã mê man không phản ứng gì với những tác động bên ngoài. Đúng một giờ ngày 24/7, dịch truyền

hết, tôi bèn hỏi những người con của mợ có muốn tiếp tục điều trị nữa không, họ bảo tôi đã làm đủ theo yêu cầu, không cần gì nữa. Tôi hiểu mình đã hết nhiệm vụ nên thu dọn dụng cụ, thuốc men, sau đó đến nhìn mặt mợ đang mê man lần cuối rồi cáo từ ra về. Trên đường về, tôi suy nghĩ, thật lạ lùng cho sự bình thản trước cái chết của mợ tôi, suốt mấy chục năm trong ngành y, tiếp xúc rất nhiều với những người hấp hối nhưng chưa bao giờ có người nào có thể bình thản mô tả cái chết đang tới từng phần cơ thể của mình như mợ ấy. Y như một người đóng kịch trên sân khấu, nhưng vở kịch này người diễn viên không bao giờ có thể trở lại với đời thường.

Mợ tôi mất lúc ba giờ sáng ngày 24 tháng 7, sáng đó tôi trở vào dự đám tang và tiếp tục ghi hình buổi tang lễ. Sau tang lễ, tôi gửi phim đã quay cho người con cả của mợ ở nước ngoài, anh ấy xem xong gọi điện về cảm ơn tôi, anh ấy khóc rất nhiều, bảo rằng xem một lần cho biết chứ chắc không dám xem lại lần thứ hai, rồi anh lại khóc. Đột nhiên, đang sụt sịt trong điện thoại, anh ấy bỗng hỏi tôi với giọng bức bối: “ .. thằng nào thọc huyết heo ngay lúc tẩn mẹ tao vậy, làm ăn gì kỳ quá, heo la dậy trời trong phim”. Xứ tôi là vậy đó, trong nhà người chết vừa thẳng cẳng thì ngoài sân đã vật heo, thọc huyết để chuẩn bị đãi đằng. Người đi đám ma dù không muốn ăn vẫn bị lôi kéo ngồi vào bàn “ăn” một chút cho có “cái tình”. Thiệt kỳ cục hết sức, trong kia kẻ khóc than, vật vã, ngoài này người nhồm nhoàm ăn nhậu, chẳng ra làm sao cả.... Không biết đến bao giờ cái tập quán tệ hại đó mới bị dẹp bỏ cho đỡ chướng con mắt.

... Thế là tôi đã giúp họ hàng kéo dài thọ mạng của thân nhân, không phải chết trúng vào ngày “xấu” theo ý của họ. Sau đám tang tôi nhận được nhiều lời cảm ơn và quà tặng. Chuyện ngày xấu, tốt thế nào tôi không quan tâm vì không tin vào chuyện đó; nhưng chuyện xảy ra cho thân nhân người chết sau đám tang thì tôi thường chú ý vì trong lời giảng dạy của Đức Phật, Ngài khuyên thân nhân người đã khuất nên tạo công đức lành để hồi hướng cho họ, Ngài còn bảo sự hồi hướng đó, người chết chỉ hưởng được một phần rất nhỏ, còn người sống được hưởng phước gấp nhiều lần từ việc làm của mình. Chuyện này liên quan đến người con trai út của mợ tôi, vốn là đệ tử lâu năm của thân lưu linh, anh ấy rất khoái làm thịt chó để chế biến món nhậu. Lễ ra sau khi mẹ mất, anh phải cố gắng tạo phước lành, ăn chay, phóng sinh để hồi hướng cho thân nhân đã khuất như lời vị sư trụ trì hướng dẫn cho những người con khi đến chùa cúng tuần thất cho mợ, thì anh ta lại tích cực giúp hàng xóm hạ “cờ tây”. Sau khi mợ tôi mất khoảng một tháng, nhân có ông hàng xóm của anh ấy lợp lại mái nhà, ông ta cũng thuộc vào hàng đệ tử có đẳng cấp của thân nhậu, lại cũng là dân “hảo” thịt chó, ông ta tậu được con chó tơ mập mập để làm thịt



đãi mấy người bạn đến phụ lợp nhà. Thế là người con trai út của mẹ tôi quên cả việc mình đang trong thời kỳ tang chế, ra tay giúp nhấc nước con chó cho đến chết rồi phụ ra thịt, ướp gia vị, bắc bếp lên nấu một nồi hoon thơm phức. Lúc chờ thịt chín, anh ta leo lên nóc nhà trước tiên rồi bảo mấy người bạn lên theo, tranh thủ lợp nhanh nhanh để còn xuống nhậu. Không ngờ, chẳng biết do sơ ý hay do mãi nghĩ đến nồi thịt chó đang bốc mùi thơm lừng mà anh ta ngồi lên cây đòn tay đã bị ải mục một bên; cây gãy, anh ta rớt từ nóc nhà xuống, xui xẻo lại rớt trúng cạnh bàn nằm bên dưới rồi văng xuống đất bất tỉnh nhân sự. Những người đàn ông có mặt ở đó xúm nhau kẻ giựt tóc mai, người bấm huyệt cho anh tỉnh lại, có người còn xoa bóp dầu nóng ở ngực. Anh ta đã tỉnh lại sau một hồi được săn sóc bởi mấy tay “nghiep du” với hai cái xương sườn bị gãy, mũi nhọn xương gãy do bị xoa bóp đã đâm vào phổi gây lung phổi, phải đưa đi bệnh viện huyện cấp cứu. Ngày tôi đến thăm, thấy anh ấy ngồi thù lù trên giường bệnh, tay cầm chai đựng máu dẫn lưu từ phổi ra, tôi nói đùa: Bộ ở nhà ôm chai ba xị chưa đã sao lên tới đây còn ráng cầm chai ôm nữa vậy cha? Anh ta bật cười rồi nhăn mặt vì đau...

Sau mấy tháng điều trị, vết thương, sức khỏe vừa ổn, anh ấy lại tiếp tục nhậu và tiếp tục hạ “cây tơ”, đến ngày cúng giáp năm của mẹ tôi, sau một chậu nhậu thịt chó, anh ta bắc chiếc thang xếp rồi leo lên thay một bóng đèn điện hỏng, không may chốt gài của thang bị tuột, thang ngã, anh ta bị té theo, chân trái bị gãy ở xương cẳng chân, phải chở đi bệnh viện cấp cứu và bó bột.

Thấy anh ta bị tai nạn hoài, mấy người lớn tuổi trong xóm bảo tại anh ta hay giết chó nên bị quả báo. Tôi thì không nói gì nhưng không lấy làm lạ về những việc đó, nhân nào quả đó mà thôi.

Đến cuối năm đó, lúc đang cúng đưa ông táo về trời, tôi lại “được” nhờ đi “kéo” một người sắp chết cho qua khỏi ngày 23. Người sắp chết là cha chồng của cô giúp việc gia đình tôi - cô ấy đã phụ giúp nuôi dưỡng mẹ của chúng tôi bị di chứng tai biến mạch máu não hơn mười hai năm, mẹ chúng tôi tuy đã mất nhưng gia đình chúng tôi và cô ấy vẫn liên lạc thường xuyên, chúng tôi luôn xem cô ấy như con cháu trong nhà - nên việc nhờ cậy này khó có thể từ chối, tôi vội soạn thuốc men, y cụ vào túi rồi đi cùng cô ấy. Khi đến nơi, các người con của người sắp mất đều đã có mặt, chỉ thiếu anh con trai út (là chồng cô giúp việc) đang trên đường từ thành phố về. Tôi kiểm tra thì mạch của người sắp chết hầu như không bắt được, huyết áp không đo được, tim đập nhanh, nhỏ, thở lấy hơi lên, phổi ứ đầy dịch, với tình huống này chỉ trong vòng hai giờ nữa là ông ấy sẽ ra đi. Lúc đó, người con trai út vừa về tới, một mặt tôi bảo cô giúp việc ngồi kế bên cha chồng niệm Phật và nhắc cha chồng niệm Phật theo, một mặt tôi nói với các người con và vợ của ông ấy về tình hình sắp ra đi của ông, khuyên họ bàn bạc thống nhất về việc có nên tiêm thuốc kéo dài thêm sự sống không, và tôi cũng nói lên quan điểm của mình về ngày xấu hay tốt. Sau một hồi hội ý, người con trai cả đến bảo với tôi, họ đã thống nhất không tiêm thuốc “hồi sinh”, trời bảo đi hồi nào thì đi hồi ấy. Nhận được quyết định đó, tôi rất vui

mừng dù rằng mình bị “thất nghiệp”. Và ông ấy mất vào 11 giờ 30 ngày 23 tháng Chạp năm đó.

Qua giao tiếp lâu năm, tôi biết gia đình bên chồng của cô giúp việc là gia đình có truyền thống thờ Phật lâu đời, tôi hay gặp cha chồng cô ấy đi chùa, vị trụ trì ngôi chùa lớn trong xã rất quý trọng ông ấy, lễ thường, sau khi ông ấy đến chùa đó lễ Phật, do nhà xa, tuổi lại cao, thấy trụ trì hay trực tiếp chờ hoặc cho người đưa ông ấy về nhà sau lễ cúng. Lúc còn khỏe, ông ấy có chân trong hội chữ thập đỏ của ấp, nhà nào có tang ma ông thường đến giúp đỡ rất nhiệt tình, hễ có thân nhân vừa mất là người ta nghĩ ngay đến ông ấy. Con cái ông ấy theo gương cha nên ăn ở hiền lành, hay giúp đỡ hàng xóm..

Ngày tang lễ của ông ấy, những người con đã tổ chức một lễ tang chưa từng có tiền lệ ở xã nhà là cúng kiếng, chiêu đãi toàn bằng thức ăn chay. Việc làm đó tạo hai phản ứng trái chiều, những người thích ăn nhậu thì chê đãi ăn gì toàn tàu hủ với rau củ, họ nói mĩa mai, đãi như thế, xong đám chắc lời to, còn những người lớn tuổi, Phật tử thì hết lời khen những người con biết tạo phước lành cho cha...

Sau đám tang, những người con của ông ấy thường đi chùa cúng dường, cầu nguyện, lại hay tổ chức lễ phóng sanh, họ dùng tiền phúng điếu xây được một cây cầu bê-tông nhỏ bắc qua kênh trong xóm... Tất cả những việc làm đó họ đều hồi hướng cho cha mình khi cúng nguyện trong các tuần thất ở chùa.

Nhân nào thì quả đó, nửa năm sau, đứa cháu nội đích tôn của ông ấy trúng tuyển vào đại học, cả họ hàng đều mừng, đó là người đầu tiên của dòng họ đậu đại học, bởi họ xuất thân từ tầng lớp nông dân, chuyên khoa cử luôn xa tầm tay với ông bà, cha mẹ. Ngoài ra, người con trai út của ông ấy sau bao năm xa nhà, làm thuê trên thành phố, đã tìm được việc làm tại địa phương với mức thu nhập tương đương trên thành phố, làm việc gần nhà, anh có điều kiện săn sóc mẹ già, lo cho gia đình, vợ anh ta thì khỏi phải nói, vui mừng khoe với chúng tôi với nụ cười rạng rỡ trên môi... Và còn nhiều việc may mắn khác nối tiếp đến với những người con khác của ông ấy.

Đôi lúc, chợt nghe ai đó nhắc tới những ngày mừng 5, 14, 23, tôi lại nhớ đến hai câu chuyện trên, một dòng họ được tôi dùng thuốc men giúp cho thân nhân không mất vào ngày “xấu”, nhưng với lối sống theo dục lạc thế gian, không biết tạo phước, hay sát sanh nên tai họa đến hoài, còn một dòng họ chấp nhận người thân ra đi theo lẽ tự nhiên của trời đất, mất đúng vào ngày dân gian cho là xấu nhưng họ biết sống theo lời Phật dạy, gieo phước lành, phóng sanh nên phước liên tục đến. Ngẫm lại, họa hay phước không phải do ngày tháng xấu, tốt tạo ra; họa hay phước là do nhân quả mà có, gieo nhân lành thì có quả ngọt, nhân xấu thì quả đắng, không thể khác được. Chỉ có vấn đề là nó đến nhanh hay chậm mà thôi. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2013

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCF. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
 CT TNHH SXTM

Nén Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCFH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **440 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập

Văn hóa hạ tầng

HOÀNG TÁ THÍCH

Một người bạn có ý định thu nhặt tất cả những tin tức về tệ nạn xã hội trên báo hàng ngày để lập thành một thứ kỷ lục xấu nhất của đất nước bây giờ. Đó là những tin tức về cướp giật ngoài đường, hiếp dâm, giết người vì bất cứ một lý do gì, những tai nạn xe cộ do tài xế chạy ẩu.... Tôi hỏi để làm gì. Anh bảo để làm tài liệu mong có thể khuyến cáo mọi người rút kinh nghiệm nhằm tránh những điều xấu có thể xảy ra cho bản thân mình. Tôi cười, nói với anh ta, thật vô ích và chỉ cần một thời gian ngắn, anh sẽ không còn chỗ để ghi chú nữa, và anh sẽ mệt mỏi với công việc đó, vì chúng nhiều vô số kể. Và lại, chuyện đó không phải đơn giản như anh nghĩ đâu.

Trên báo hàng ngày, nhất là báo công an, người ta tường thuật không biết bao nhiêu là chuyện tội tệ xảy ra: Giật xách tay phụ nữ là chuyện cơm bữa; nhưng giật xách là chuyện đã đành, lại còn chặt tay người ta vì bị níu lại. Vào nhà người ta để ăn trộm cũng đã gần như là chuyện hàng ngày; nhưng khi bị phát hiện, lại giết luôn chủ nhà để “tiếp tục công việc”. Đâm một vài nhát chưa đủ nên phải đâm hàng chục, hàng trăm nhát. Cha đánh con cũng là chuyện thường tình, nhưng lại có ông cha tẩm xăng đốt luôn đứa con. Vợ thuốc chồng, chồng vút vợ bị bệnh xuống sông... Sáng nay đọc báo, thấy có đăng hình một tài xế lái xe khách chỉ một chân thôi, còn chân trái gác lên thành cửa. Hành khách không yên tâm và tỏ ý cho người lái xe biết sự lo ngại của họ,

nhưng anh này chỉ cười khẩy và tiếp tục gác chân như thế.

Hình như xe tải, xe khách nào cũng có một hộp đen như trên máy bay vậy, mục đích là để biết xe có chạy quá tốc độ không. Tuy nhiên, thường chỉ khi có tai nạn, hộp đen mới được xét đến để điều tra và quy trách nhiệm về tốc độ. Xem ra như thế thì người ta chỉ lo tìm lý do chuyện đã xảy ra, chứ không quan tâm nhiều đến biện pháp làm thế nào để ngăn chặn tai nạn sắp xảy ra. Nói dễ hiểu hơn là người tài xế chạy quá tốc độ rất nhiều lần, nhưng nếu may mắn không xảy ra tai

nạn thì cũng chẳng ai biết. Cho đến khi có một lần gây chết người mới biết là anh ta chạy ẩu; thế thì đâu cần đến hộp đen nếu tai nạn đã xảy ra và có khi tài xế cũng đã chết rồi? Bằng chứng là dù có hộp đen, người ta vẫn phải chi tiền cho việc lắp đặt hệ thống camera trên các trục giao thông để kiểm soát tốc độ.

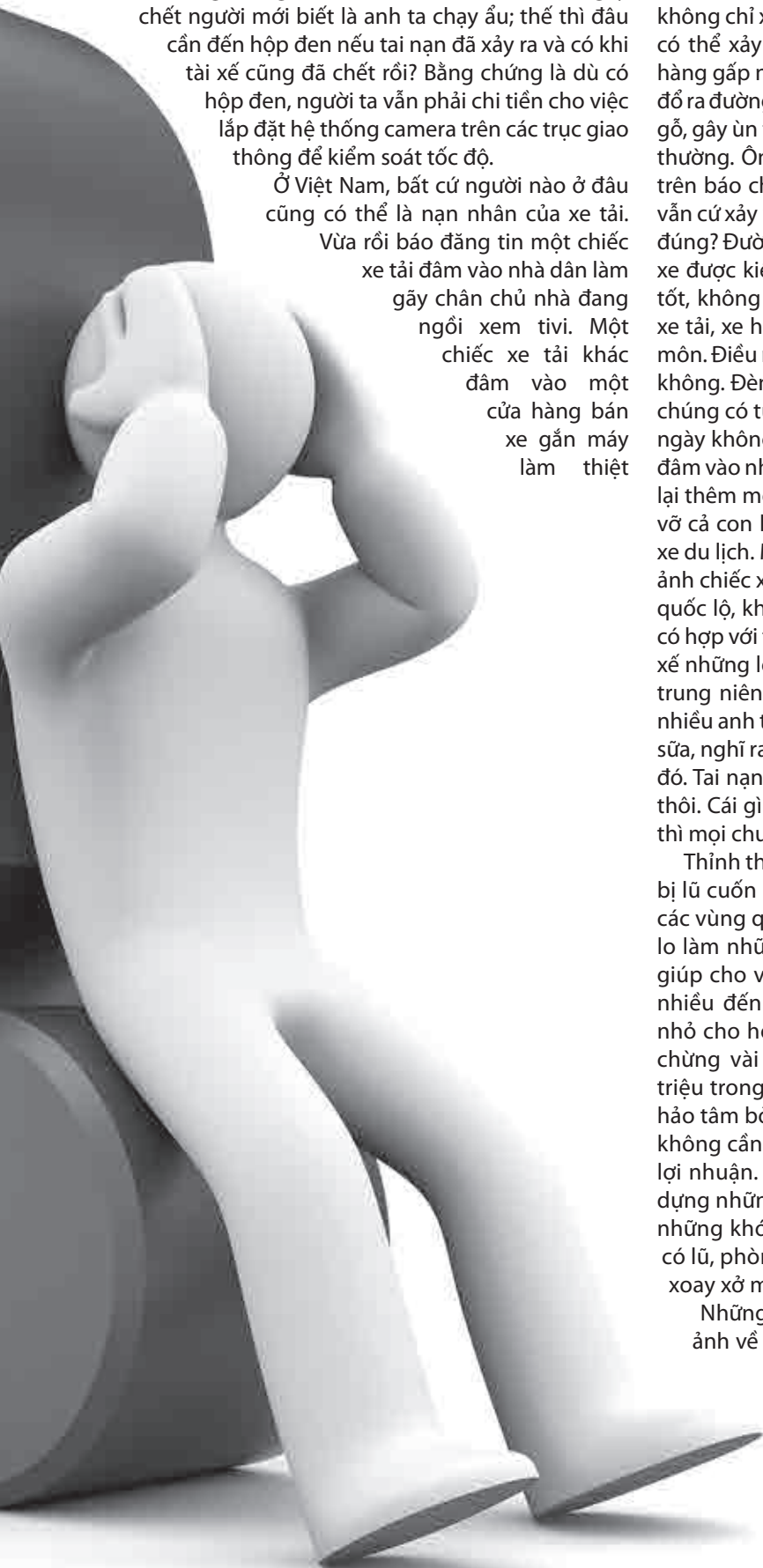
Ở Việt Nam, bất cứ người nào ở đâu cũng có thể là nạn nhân của xe tải.

Vừa rồi báo đăng tin một chiếc xe tải đâm vào nhà dân làm gãy chân chủ nhà đang ngồi xem tivi. Một chiếc xe tải khác đâm vào một cửa hàng bán xe gắn máy làm thiệt

hại rất nhiều tài sản. Chuyện xe tải đâm vào nhà dân không chỉ xảy ra một vài lần. Đường nào có xe tải cũng có thể xảy ra sự cố vì những chiếc xe luôn luôn chở hàng gấp năm, bảy lần trọng tải của nó. Gãy cầu lật xe, đổ ra đường có khi hàng trăm thùng dầu, hàng chục tấn gỗ, gây ùn tắc giao thông đã trở thành chuyện rất bình thường. Ông Bộ trưởng Giao thông Vận tải phát biểu trên báo chí là mọi chuyện đều đúng hết, mà tai nạn vẫn cứ xảy ra. Đúng là cái gì đúng, và như thế nào gọi là đúng? Đường tốt, các khúc quẹo ngặt đều có biển báo, xe được kiểm tra tốt, nhưng người lái xe không được tốt, không được đúng thì làm thế nào bây giờ. Tài xế xe tải, xe hàng, xe khách đều phải có bằng lái chuyên môn. Điều này có thực đúng là được kiểm soát chặt chẽ không. Đèn đỏ đèn xanh vẫn báo hiệu tốt, nhưng dân chúng có tuân hành luật lệ đi đường hay không. Hàng ngày không biết cơ man nào là tin xe tải, xe khách lật, đâm vào nhà dân gây tang tóc khắp nơi. Sáng hôm nay, lại thêm một tin về tai nạn xe container lạc tay lái đâm vỡ cả con lươn làm bắn cả một khối bê tông lên một xe du lịch. May mà người lái xe du lịch thoát chết. Nhìn ảnh chiếc xe container khổng lồ nằm chênh vênh giữa quốc lộ, không biết là một chiếc xe tải to lớn như thế có hợp với tác người Việt Nam không. Ở nước ngoài, tài xế những loại xe này phần đông đều cao lớn và ở tuổi trung niên. Ở ta, những chiếc xe tải to tổ bố, nhưng nhiều anh tài xế người đã nhỏ con mà mặt còn búng ra sữa, nghĩ ra khó lòng làm chủ được tay lái những cái xe đó. Tai nạn xảy ra thì cũng là chuyện bình thường mà thôi. Cái gì cũng đúng, nhưng con người không đúng thì mọi chuyện chẳng có gì đúng được cả.

Thỉnh thoảng lại có tin cầu sập làm nhiều nạn nhân bị lũ cuốn mất tích. Cầu đây là cầu ván, cầu khỉ trong các vùng quê, vùng xa đang còn nghèo khó. Người ta lo làm những cây cầu lớn để nối liền các thành phố, giúp cho việc phát triển kinh tế, chứ có ai quan tâm nhiều đến những cây cầu bắc qua những con rạch nhỏ cho học trò nghèo đến trường đâu. Các cây cầu chừng vài chục triệu cho đến đắt nhất là vài trăm triệu trong các vùng quê vùng xa đều do những nhà hảo tâm bỏ tiền ra thực hiện. Bởi vì những cây cầu đó không cần nhà thầu, không có đấu thầu và không có lợi nhuận. Có một nhà hảo tâm ở Mỹ về, thay vì xây dựng những cây cầu nhỏ như thế thì bà ta lại cho mở những khóa dạy cho học sinh bơi lội ở các vùng hay có lũ, phòng khi chuyện xảy đến thì các em có thể tự xoay sở một mình.

Những người làm báo đưa những tin tức, hình ảnh về những tệ nạn xã hội, mục đích là thông tin cho quần chúng, đồng thời cũng để cảnh báo cho dân chúng biết để đề phòng những trường hợp có thể xảy đến cho mọi người. Ngoài ra, những tội phạm bị kết án, giam tù hay bị phạt cũng làm





gương cho kẻ khác tránh phạm tội. Vấn đề là những người đó có đọc báo không. Hoặc là đọc báo xong, có ảnh hưởng đến họ không? Như anh tài xế chỉ lái xe một chân được hành khách nhắc nhở như một cách cảnh cáo tế nhị mà vẫn cười khẩy không thêm quan tâm chẳng hạn. Một anh chàng chạy xe gắn máy với điều thuốc kẹp trên môi để tàn bay lung tung hay nhổ toẹt một bãi nước bọt mà không cần biết những người đi sau lưng mình. Giả như có người phê bình, *thiếu văn hóa*, và nếu có nghe được, có thể anh ta cũng không buồn hiểu hai chữ văn hóa nghĩa là gì. Và nếu có hiểu, anh ta cũng sẽ tự hỏi, tại sao hút thuốc mà lại thiếu văn hóa, ai lại chẳng nhổ nước bọt mà lại văn hóa với chẳng văn hóa. Trường hợp một anh chạy xe thô hàng hóa chất đầy xe, cố vượt qua đèn đỏ, nếu không bị tai nạn, anh ta cũng có thể bị cho là thiếu văn hóa giao thông, nhưng anh ta sẽ tự hỏi văn hóa giao thông là cái gì thế. Đèn đỏ nhiều có thể làm cho anh ta trễ phiên chợ bán hàng, cần gì phải quan tâm đến điều đó. Càng ngày càng phát sinh ra nhiều thứ văn hóa. Có hôm đọc báo thấy người ta dùng chữ văn hóa lể đường. Hóa ra vì đường nghẽn, xe gắn máy phải chiếm luôn lể đường để chạy, bất chấp trở ngại cho người đi bộ.

Một người đội mũ bảo hiểm không đủ chất lượng, nếu không xảy ra tai nạn thì chẳng sao. Nếu bị đụng xe và bị thương vì nón không đủ an toàn thì cũng chỉ người đó rút kinh nghiệm cho bản thân mà thôi, người khác đâu cần biết, vì sự việc không xảy ra với họ. Phần đông người ta đội nón bảo hiểm chỉ vì sợ công an chứ đâu phải mục đích che chở cho cái đầu mình? Vấn đề bản thân mỗi người ý thức được để tự mình kiểm soát mình mới là khó. Đây là dân trí, đây là được giáo dục, đây là văn hóa. Dân trí hay văn hóa không phải là học vắn. Tôi đã từng ngồi sau xe gắn máy của người bạn.

Anh này là một người có học thức, tốt nghiệp đại học và làm kinh doanh nhỏ. Buổi tối, đường phố khá vắng vẻ, nên ngang một ngã tư, thay vì chờ đèn đỏ, anh chạy thẳng một cách rất tự nhiên. Tôi nhắc cho anh ta biết như thế là không đúng. Anh bạn tôi cười: "Ông ở nước ngoài về, nên có hơi nhà quê mất rồi. Luật lệ ở đây là công an chứ không phải là cái gì khác, nên không có công an mình cứ chạy tự nhiên thôi". Có học vấn nhưng không có văn hóa là chuyện thường tình. Ở trong một hoàn cảnh như thế, con người dù có học, cũng phần nào bị dòng đời lôi cuốn theo mà bị mất văn hóa dần dần. Văn hóa đây là văn hóa hạ tầng, cái văn hóa tối thiểu của người dân để không gây xáo trộn cho trật tự xã hội. Tuy nhiên, văn hóa cũng đòi hỏi chút kiến thức. Với những người chịu sự bức bách của cuộc sống, suốt ngày đầu tắt mặt tối, như cái anh chàng chạy xe thô quyết tâm vượt đèn đỏ để kịp đưa hàng ra chợ chẳng hạn, thì chắc chắn là không có văn hóa, và muốn cấy văn hóa vào đầu họ cũng không phải là một chuyện dễ dàng. Cũng như không thể ngăn chặn một kẻ tâm thần có thể giết người bừa bãi, như vừa rồi báo đăng tin một người thanh niên cầm dao đâm chết hai em bé hai tuổi và sáu tuổi một cách vô cớ. Nhưng việc ngăn chặn một người tài xế chạy xe không bằng lái hoặc vượt tốc độ không phải là không làm được, vì đó là công việc, là trách nhiệm của những nhân viên công lực và họ được quyền xử phạt những vi phạm.

Nói chuyện văn hóa với người ít hiểu biết cũng giống như giảng kinh cho những Phật tử mới nhập môn vậy. Tuy nhiên, dù khó hiểu, nhưng nếu có lòng tin tưởng vào Phật pháp, họ sẽ cố gắng và một ngày nào đó họ sẽ thấm nhuần. Hoặc phải có một thứ ngôn ngữ nào đó thích hợp. Với một người không có lòng tin vào bất cứ gì ngoài bản thân họ thì mới là khó, lúc đó chắc chắn phải cần đến một thứ ngôn ngữ khác mà không phải bằng ngôn từ.

Chính quyền Mã Lai gồm toàn những tín đồ Hồi giáo và chắc chắn là không có hoặc rất ít tệ nạn tham nhũng hối lộ, vì họ có tôn giáo và lòng tin, dù là một thứ lòng tin có thể tạo ra những cuồng tín nguy hiểm. Dân chúng có tôn giáo, tin vào một đấng tạo hóa nào đó và họ sợ bị trừng phạt khi làm bất cứ điều gì sai trái. Ở Thái Lan, Phật giáo gần như là một thứ quốc giáo. Dân chúng không những theo Phật giáo, bản chất chung chung hiền hòa, lại yêu thương ông vua của họ như một đấng cha già nên họ dễ được giáo dục. Nếu không được như thế thì phải có một thứ kỷ luật nghiêm khắc do con người làm ra như quyền năng của một đấng tối cao của một tôn giáo nào đó thì may ra cải thiện được cái thiếu văn hóa hạ tầng của dân chúng như ở ta.

Sáng nay đọc báo nghe Phó Thủ tướng phát biểu đại ý: "Chặn được tiêu cực, tai nạn giao thông sẽ giảm". Tiêu cực không chỉ ở trên các con lố mà tiêu cực cũng thuộc về văn hóa và dân trí đấy. ■

Những hành động cần được loại trừ

TRIỆU MỸ NGỌC

Những ngày gần đây, không chỉ Phật tử cả nước mà cả những người không là tín đồ Phật giáo cũng rất thắc mắc và bất bình trước nhiều hành động phản cảm ảnh hưởng rất lớn đến uy tín của một nền đạo pháp vốn đã đồng hành cùng lịch sử dân tộc mấy ngàn năm.

Trước hết phải kể đến việc các vị sư cô ở huyện Bình Chánh (TP.HCM) khoác lên mình những bộ quần phục để biểu diễn một tiết mục văn nghệ nhân kết thúc mùa An cư Phật lịch 2557 gây cú “sốc” cho nhiều người. Dù đã có nhiều lời biện minh cho hành vi sai trái ấy nhưng xem ra không thuyết phục được dư luận xã hội.

Mới đây, cộng đồng cả nước lẫn kiều bào ở nước ngoài lại bất ngờ khi tạp chí *Hoa Đàm* tập 02, tờ báo dành riêng cho nữ giới Phật tử Việt Nam, nhân sự kiện lễ Vu-lan năm 2013, đã cho đăng tải hình bìa là ảnh Đức Mẹ Maria đang bế Chúa hài đồng Giê-su (hình ảnh biểu tượng của đạo Thiên Chúa). Cũng cần nhắc lại rằng bức ảnh này đã xuất hiện vào mùa Vu-lan năm 2012 trên tạp chí *Đạo Phật Nguyên Thủy*, lúc ấy cũng đã gây xôn xao và phẫn nộ trong tín đồ Phật giáo. Câu hỏi đặt ra là các cá nhân, tổ chức nào chịu trách nhiệm biên tập, xuất bản để xảy ra vụ việc “bất thường” trên. Và điều dư luận cũng đang hết sức băn khoăn là liệu đây có chỉ là một sự nhầm lẫn đơn thuần.

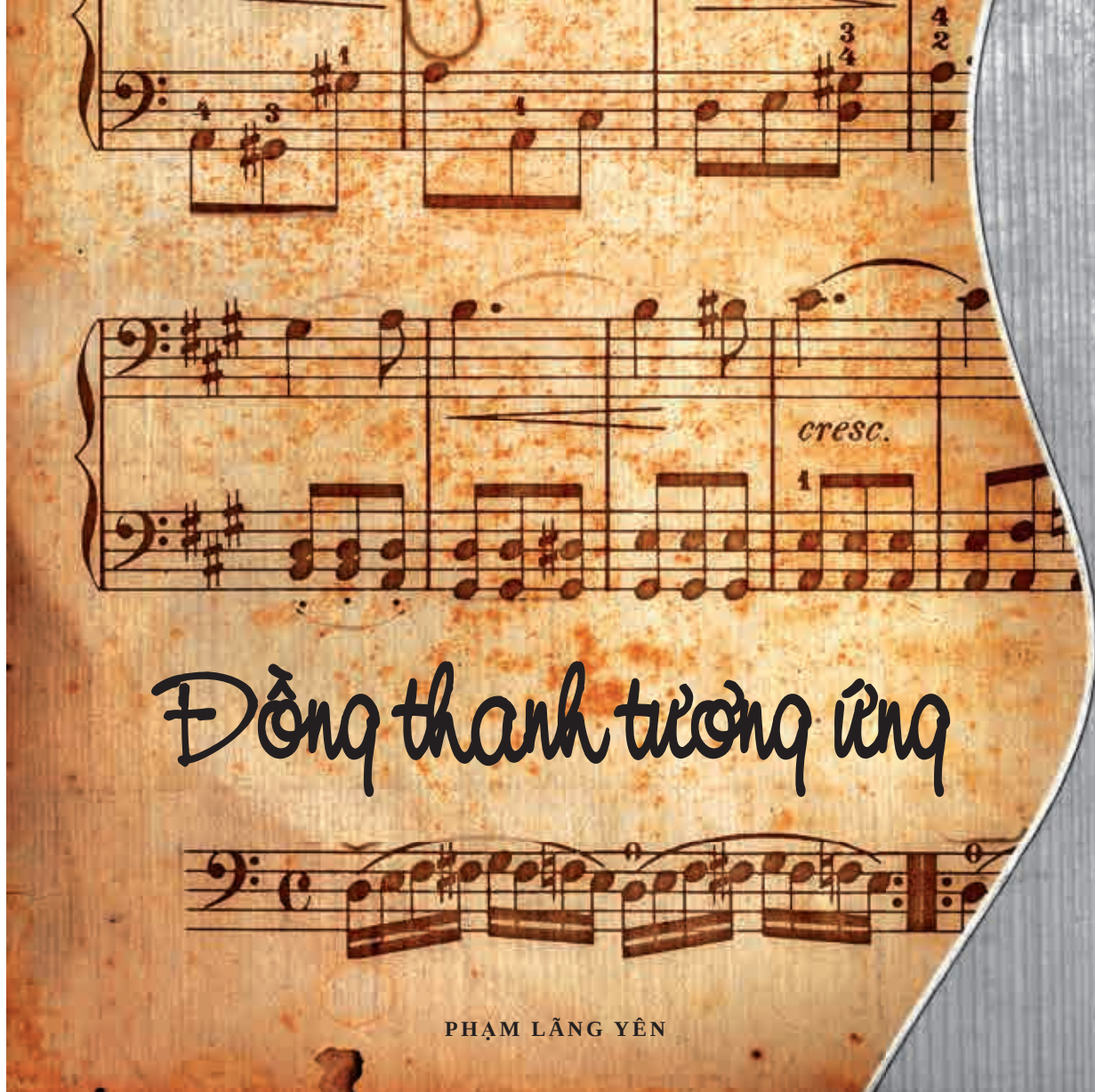
Trước đó, nhiều người cũng rất quan tâm trước những sự kiện được xem là xúc phạm đến Phật pháp liên quan đến nhân vật được gọi là “bà Tung” với các hành vi sáng đi chùa lễ Phật nhưng đến tối lại quây “túng” để tạo sự chú ý của nhiều người. Cũng có nhiều người vì muốn nổi danh nên gây chú ý bằng việc đi làm công tác từ thiện nhân ái tại các chùa rồi thông qua các phương tiện thông tin để đánh bóng hình ảnh, tên tuổi của mình, nhưng trong thâm tâm họ không có tấm lòng và trái tim luôn sống vì mọi người.

Đâu đã vậy, người theo đạo Phật còn rất bất bình trước sự xuống cấp nghiêm trọng của nhiều cơ sở thờ tự nhưng chưa được tu sửa kịp thời; một số nơi còn bị lấn chiếm làm chỗ kinh doanh, chưa kể việc phá bỏ, làm biến dạng những giá trị văn hóa kiên trúc có tự ngàn đời từ các ngôi chùa cổ khi tiến hành trùng tu, nâng cấp, mở rộng. Đáng quan ngại là một số ít công trình có xu hướng hiện đại hóa bằng việc gán ghép những chi tiết, kết cấu, hình tượng ngoại lai làm mất đi giá trị truyền thống văn hóa Việt Nam mà cả dân tộc đang ra sức giữ gìn.



Cạnh đó dư luận cũng đã từng lên án tình trạng sư giả khất thực ở các địa phương với mưu cầu trục lợi cho bản thân, làm hoen ố hình ảnh và hành động cao đẹp của các Tăng Ni theo luật của Đức Phật. Ngoài ra dù chưa nhiều nhưng công chúng và người theo đạo vẫn băn khoăn lo ngại việc lập hòm công đức quá nhiều tại các chùa có đông du khách đến tham quan, thường lắm những cảnh đẹp, cũng như việc sử dụng nguồn tiền này một cách không minh bạch làm suy giảm lòng tin đối với người đến cúng dường. Điều đáng lo ngại là cũng đã từng có nhiều thông tin về một số chùa đánh tiếng kêu gọi sự quan tâm hỗ trợ của những tấm lòng vàng trong và ngoài nước để tu sửa, nâng cấp, mở rộng cơ sở thờ tự hay xây dựng các đề án nuôi dạy trẻ mồ côi lang thang cơ nhỡ nhưng việc công khai tài chánh chưa kịp lúc, kịp thời, chưa minh bạch có ảnh hưởng rất lớn đến suy nghĩ và thiện tâm của bá tánh gần xa.

Người theo đạo Phật luôn hướng về hạnh từ bi hỷ xả, luôn sống theo giáo lý vô ngã vị tha của Đức Phật, vững tin vào giáo lý và luật nghi đã được Phật chế với trái tim trong sáng, thánh thiện; thực tâm chia sẻ và giúp đỡ mọi người xung quanh theo lời Phật dạy với tâm không mong cầu. Vì vậy rất cần lắm sự cộng đồng trách nhiệm từ nhiều người, nhiều ngành, nhiều cơ quan có liên quan đồng lòng vào cuộc để trả lại niềm tin tuyệt đối cho tín đồ Phật giáo cũng như những người tuy chưa phải là Phật tử nhưng có những hiểu biết về Phật pháp ở nhiều mức độ khác nhau, biết sống vì mọi người để vẳng dương tỏa ra từ giáo lý từ bi của Đức Phật luôn rực sáng dẫn đường soi lối cho con người thực sự sống để thương yêu nhau giúp cho xã hội với dân đi những gian nan, khổ lụy. ■



Đồng thanh tương ứng

PHẠM LÃNG YÊN

B uổi tối hôm nọ trời đổ mưa sục sùi, tê tái, tôi ghé vào một quán cà-phê nghe lại những bản tình ca bất hủ; nơi bàn phía bên kia có mấy nhạc sĩ đã già của một thời xa xưa đang ngồi than thở, họ nói: “Âm nhạc bây giờ không thể gọi là âm nhạc; nó giống như tiếng tru, tiếng thét, tiếng gào rống của một loại động vật nào đó. Ca từ thì thôi miễn bàn; sao mà quá tầm thường, dung tục và thậm vô nghĩa”.

Phía bàn bên này có mấy anh chàng nghe họ tự giới thiệu họ là những nhạc sĩ trẻ đại diện cho thời đại ngày nay; họ cũng ngồi bàn luận râm ran và nói về dòng nhạc ngày xưa; họ ca cẩm: “Những bản nhạc xưa bây giờ quá lỗi thời, không còn thích hợp với giới trẻ nữa rồi; nghe sao chán quá, kể lể lê thê, và tiết tấu lại quá chậm, quá rề rà; ca từ sao mà khó hiểu quá, triết lý rắc rối quá, phức tạp quá, chẳng biết ám chỉ cái gì”.

Nghe những nhận xét của họ, thật chẳng biết nói sao cho vừa lòng mọi người. Phán bác họ ư, chắc chắn là họ sẽ phản bác lại mình ngay; và chắc chắn là cuộc tranh cãi đó sẽ bất tận, sẽ không bao giờ có hồi kết.

Giới nhạc sĩ ngày xưa có cái lý của họ và giới nhạc sĩ ngày nay cũng có cái lý của họ. Thôi tranh cãi mà làm chi cho mỗi mết. Rồi cũng chẳng đi về đâu, và chẳng để làm gì.

Tư tưởng, văn hóa, đạo đức, tâm hồn, trí tuệ của một con người như thế nào ắt sẽ tương thích với một loại âm nhạc như thế đó. Một người học cao hiểu rộng, biết yêu thương đồng loại, biết đau cái đau của người khác, biết rung động trước cái đẹp, cái thi vị của cuộc đời thì sẽ thường thích một loại âm nhạc nào đó tương ứng với tâm hồn và trí tuệ của người ấy.

Một kẻ sinh trưởng trong một môi trường chỉ biết có chém giết, rồi đấu tranh, giành giật; ở đó văn hóa, và đạo đức là những khái niệm xa vời; tư tưởng thì quần quanh mấy chuyện mua sắm quần áo thời trang, tán tỉnh mấy cô gái, chàng trai trong xóm, sắm soi mấy chiếc xe, suốt ngày lo tính chuyện chiều nay nhậu món gì rồi đêm nay nhảy nhót nơi đâu; trí tuệ chỉ quanh quẩn mấy câu chuyện trong mục rao vặt trên báo thì ắt cũng sẽ có một loại âm nhạc tương thích với tâm vóc của y.



Âm nhạc cũng như cái đẹp vậy, mà cái đẹp nơi trần gian này luôn mang tính tương đối. Trong con mắt của một anh chàng khỉ đực thì dung mạo của một cô khỉ cái nào đó ắt là rất đẹp, nhưng trong con mắt của một con người thì cái đẹp kia sao mà gớm ghiếc quá chừng vậy.

Thế cho nên, cảnh giới của một người ở tầng nào thì họ chỉ cảm được loại âm nhạc tương thích với tâm hồn, với trí tuệ, với văn hóa của họ ở tầng đó. Đừng nói với họ về những loại âm nhạc vi diệu, độc đáo ở một tầng cao hơn; khi đó chắc chỉ có một số rất ít người có chút niềm tin, còn đa số họ sẽ tỏ ra hoài nghi và phản bác ngay thôi, giống như con cá suốt đời quần quanh dưới nước sẽ hoài nghi về chuyện sao lại có một cuộc sống ở trên bờ được.

Chẳng bao giờ chúng ta đem toán học cao cấp bậc đại học giảng dạy cho một đứa bé mới học lớp Một; cũng như vậy chúng ta chẳng nên đem thứ âm nhạc ở một cảnh giới cao hơn mà trình bày, diễn giải với một kẻ còn ngụp lặn nơi những tầng thấp hun hút phía dưới kia.

Nếu chúng ta đem so sánh thứ âm nhạc vi diệu làm say đắm một người đã thấu hiểu mọi góc ngách buồn

vui của cuộc đời, mọi cung bậc thăng trầm trong cuộc sống, đã cảm được cái đẹp của đất trời trong từng khoảnh khắc trôi qua; đã nghe được những rung động vi tế, hay tiếng thổn thức sâu lắng của những con tim đau buồn chuyện thế sự oan khiên, với thứ âm nhạc của những con người mà mỗi bận tâm suốt đời của họ chỉ là mua sắm áo quần, xe cộ thật đẹp, kiếm tiền thật nhiều để ăn uống, chơi bời và suốt ngày chỉ quen nghe những loại nhạc như “Ông xã em number one” hoặc “Tình hot thời @” hoặc “Teen vọng cổ” thì vấn đề không phải là loại âm nhạc nào hay hơn mà vấn đề là người làm công việc so sánh đó quả thật hồ đồ và khá nhảm nhí khi tiến hành một việc so sánh rất ư khập khiễng, giống như so sánh cái đẹp của một con người với một con khỉ vậy. Đó là những thứ chẳng thể đem ra đối chiếu hay so sánh được do chẳng thể dựa trên một chuẩn mực nào.

Hãy cứ để họ thưởng thức thứ âm nhạc của họ. Đừng chê trách họ sao lại nghe loại nhạc như tiếng tru, tiếng thét, tiếng gào rống của một loại động vật; vì đôi tai họ chỉ thích hợp với những tần số âm thanh như thế thôi. Tâm hồn họ chỉ thích hợp với những giai điệu như thế thôi. Điều đó hoàn toàn phù hợp với quy luật “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”.

Có những người cả một cuộc đời họ từ ngày lọt lòng mẹ đến nay chỉ nghe những âm thanh chát chúa của những tiếng chửi rủa, gào rống, những tiếng thét đau đớn của những con vật bị giết, những tiếng chửi thề của cha mẹ, anh em, hàng xóm, những lời nói thô tục của đồng nghiệp, bạn bè; chưa bao giờ họ nghe và hiểu được những tiếng lòng thổn thức của một con tim biết khóc, biết đau, biết chịu đựng; chưa bao giờ họ nghe được tiếng ru ngọt ngào yêu thương của mẹ từ thuở chào đời; chưa bao giờ họ biết thần thờ rung động trước cái đẹp mong manh của đất trời; chưa bao giờ họ biết nhỏ lệ xót thương cho nỗi đau của người thân, của đồng loại thì xin đừng bao giờ chê bai họ rằng sao họ không biết thưởng thức loại âm nhạc trong veo như tiếng suối bên rừng chiều hoang vắng, rì rào như tiếng sóng vỗ bên ghềnh đá u buồn, xa xôi, ai oán như tiếng nức nở của những thân phận con người lạc loài trong cõi nhân gian.

Cảnh giới nào, âm nhạc đó. Có những tần số âm thanh, những giai điệu mà ở cảnh giới này người ta nghe được, cảm được; trong khi đó những con người ở cảnh giới khác lại chẳng thể nào cảm nhận được. Những cảnh giới đó quá xa cách nhau, quá khác biệt nhau. So sánh, phân tích mà làm gì – một việc không đáng làm, vô ích, và một sự so sánh quá khập khiễng.

Hãy mỉm cười chấp nhận mọi thể loại âm thanh trong cõi thế gian ồn ào, hỗn tạp này. Khi nào họ đạt đến một tầng khác, một cảnh giới khác, họ sẽ tự khắc thích ứng với một loại âm nhạc tương đồng với con người nơi khung trời họ phiêu dạt đến đó ngay thôi. ■

Ngân nga tiếng chuông Thiên Mụ

Bài & ảnh: NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Tôi có diễm phúc sinh sống ở Huế được bảy năm. So với cuộc đời con người thì thời gian đó chưa phải là dài, song cũng đủ để người ta gần bó để rồi thấm thương, thấm nhớ mỗi khi phải đi xa. Từ hồi còn là chàng sinh viên nghèo, với chiếc xe đạp cà tàng, không biết bao nhiêu lần tôi đã lên thăm chùa Thiên Mụ mỗi dịp Chủ nhật, để rồi tiếng chuông thu không trầm hùng, lắng đọng lan tỏa giữa không gian bàng bạc màu sương khói của chốn đế kinh cứ theo tôi suốt dọc dài trong từng nỗi nhớ nhung vơi vơi trên đất khách quê người thấm thấm niềm nhặt mộ hương quan.

Về mặt Phật học, tôi được biết tất cả các pháp khí trong đạo Phật đều là những bài kinh văn tắt, là phương tiện cần thiết, biểu dương ý nghĩa cao thâm của Chánh pháp và giúp người tu hành thêm phần dễ dàng tiến tu trên đường giải thoát. Đối với chuông, kinh *Tăng Nhất A-hàm* có chép: “Mỗi khi tiếng chuông chùa ngân vang thì những hình phạt trong ác đạo được tạm thời dừng nghỉ, chúng sanh chịu hình phạt được tạm thời an vui”.

Có lẽ vì vậy, cứ mỗi sớm tối tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga vang vọng như nhắc nhở mọi người có ý thức tinh tấn tu hành để chóng vượt ra ngoài vòng tối tăm đau khổ, hay đoạn trừ đi 108 điều phiền não theo quan niệm



của nhà Phật. Tiếng chuông còn cứu rỗi cho bao hồn ma, bóng quế lưu lạc lắng nghe để quay về nương tựa đạo pháp nhiệm mầu của mười phương Tam bảo.

Và tiếng đại hồng chung ấy còn hướng tâm tư con người về nẻo từ bi. Khắp vùng xung quanh chùa Thiên Mụ, không ai là không biết đến câu chuyện một vị hoàng hậu nọ do làm điều tai ác trên dương gian đến khi chết thì bị biến thành con Bồ Lao¹ hai đầu sống dưới nước và luôn phải chạy trốn, kêu la do bị cá Kinh đuổi giết. Tiếng kêu cứu của nó thấm thiết thấu tận trời xanh. Thấy vậy Đức Phật cảm thương cho nó quy y đạo pháp, làm chiếc quai chuông để sớm tối được nghe tiếng chuông chùa mà sám hối lỗi lầm và thức tỉnh. Như vậy, câu chuyện Bồ Lao của dân gian vùng Thiên Mụ không chỉ gợi lên bài học về luật nhân quả gieo gió ắt sẽ gặp bão để luôn tu tâm tích đức, năng làm điều thiện mà còn thấy được ý nghĩa của tiếng chuông chùa dẫn đường chỉ lối cho những kẻ lầm lỗi quay về bến giác.

Trong cuộc sống đời thường, tiếng chuông chùa Thiên Mụ còn mang một hạnh nguyện thiết thực, trở thành giờ giấc trong sinh hoạt sản xuất của nhân dân. Người dân sinh sống quanh vùng liên địa từ An Bình, Lựu Bảo, An Ninh, Trúc Lâm, An Vân, An Hòa cho đến các làng xa hơn như La Chữ, Phụ Ổ, Quê Chữ, Hương Cẩn, Đốc Sơ, rồi mạn Tây nam thì có các làng Long Hồ, Ngọc Hồ, Hải Cát lên cho đến Bằng Lăng, mạn Lương Quán, Nham Biều, Dương Xuân, Cư Chánh, Dương Phẩm... đều dậy mở trâu ra đồng hoặc dậy sinh hoạt theo các nghề nghiệp của mình từ lúc chuông chùa Thiên Mụ đánh, hoặc từ khi hồi chuông nhập. Do vậy, từ rất lâu đã có một câu ca nổi tiếng về tiếng chuông Thiên Mụ:

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Cương

Cứ tối lại sáng ra, mọi sinh hoạt được kết thúc hay bắt đầu đều căn cứ vào tiếng chuông Thiên Mụ.

Những bậc tu hành thường dùng mỹ từ “thỉnh chuông” đầy tôn kính và mang ý nghĩa tôn giáo để nhắc nhở bản thân luôn luôn phải giữ giới luật đến độ nghiêm túc tuyệt đối trong việc thỉnh chuông, gắng công tu đạo đêm ngày mới mong đạt đến chân tu. Còn đối với dân gian, họ gọi nôm na là “chuông rung” để biết lo toan công việc mưu sinh. Chuông rung buổi sáng là họ trở dậy với bao công việc từ lo cơm nước, lo cái ăn, lo ra đồng ra ruộng vun xới cây trồng... Những o, những mẹ buồn thúng bán mệt thì lo quang gánh quẩy đi vô vàn những món ăn quê mùa từ xôi bắp, bắp luộc, bánh lọc, bánh canh... xuống khắp các nẻo đường về dưới phố chợ phục vụ cho cư dân Huế điểm tâm sáng trước khi bước vào ngày làm việc mới. Cứ như thế, đã hàng trăm năm rồi tiếng chuông Thiên Mụ có ảnh hưởng nhân sinh quá rộng rãi đến độ nếu có một lần nào đó chuông không rung, tức khắc trong đời sống nhân dân quanh vùng sẽ có xáo trộn.



Tiếng chuông chùa Thiên Mụ không chỉ lặng lẽ đồng hành cùng con người xứ Huế lúc tu đạo tu đời mà còn trải bao thăng trầm, bao thăng trầm dâu bể khi Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo Huế nói riêng còn được xem là quốc giáo cho đến thời kỳ Pháp thuộc, thời kỳ dầu sôi lửa bỏng dưới chế độ độc tài, kỳ thị tôn giáo của Ngô Đình Diệm, tiếng chuông vẫn nhẫn nại, nhẫn nhục vang lên cùng tuế nguyệt, gửi đến mọi ngóc ngách bể dâu âm thanh thuần túy mang hồn dân tộc, một âm thanh trong trẻo êm ái, dịu nhẹ, thanh thoát và huyền diệu.

Tóm lại, tiếng chuông Thiên Mụ là âm thanh của văn hóa, của nếp sống và của đạo Phật. Nó đã trở thành luồng sinh khí của người dân, trở thành tiếng nhắc nhở quê hương, của núi sông xinh đẹp, trở thành cái không thể thiếu được đối với cư dân vùng sông Hương núi Ngự. Ai là con dân xứ Huế phải xa lìa quê hương bản quán lại không từng thất lòng bởi nhớ thương hồi chuông Thiên Mụ trong từng sáng từng chiều thông thả ngân nga thấm đẫm đến tận chiều sâu tâm hồn để rồi sống tốt hơn, đẹp hơn! ■

1. Bồ Lao là tên của một linh vật, được coi là con thứ ba của Rồng, được đúc cách điệu trên quai chuông.



Vết thương rừng

Bài & ảnh: TRỊNH CHU

Tôi thường rong ruổi trên những nẻo đường đất đỏ bazan Tây Nguyên để chứng nghiệm và chứng giải tâm hồn mình. Bởi trên những bước đường ruổi rong đó, tôi luôn có cảm giác mình đang trở về. Trở về nương náu trong hơi thở sâu thẳm phồn sinh đại ngàn.

*"Một mình lang thang trên đất này
Theo dấu chân cha ông từng ngày
Một mình qua sông, qua núi đồi
Tìm mặt trời và tìm lời ru ngàn đời".*

Giọng hát đắm ma mị, đầy phiêu linh của Y Moan trong *Đi tìm lời ru mặt trời* (sáng tác: Y Phôn Ksor) vọng âm từ trong tiềm thức tôi như một nỗi ám ảnh về người mẹ núi nguyên thủy. Vì vậy, hãy nghe ở đâu, ai đó có gì liên quan đến rừng núi là tôi lập tức lên đường mà chẳng cần suy xét.

Dịp may đã đến. Một ngày đầu hè, khi cái nắng đang rọi những tia bức dọc, gắt gao xuống vạn vật, tôi tình cờ gặp ông Bùi Tho - nguyên giáo viên Trường Nông lâm súc Bảo Lộc. Ông cho biết, ở cây số 16, có gia đình K'Brêu đang lưu giữ nhiều loại ché cổ. Máu giang hồ vật nổi lên,

thế là theo ông ngược hướng Quốc lộ 20, tôi tìm đến cây số 16, thuộc địa phận xã Đình Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, và nghe kể về những chiếc ché cổ.

Điều đầu tiên đập vào mắt tôi khi đến đây là văn hóa núi, giá trị đặc hữu của sắc dân bản địa K'Ho Nam Tây Nguyên, đã bị biến đổi nhiều. Tôi tìm mãi vẫn không hề thấy một bộ trang phục thổ cẩm nào. Hình ảnh các sơn nữ điệu con lên rẫy lại càng tuyệt nhiên không. Thay vào đây là những sắc phục sành điệu nơi những người trẻ: Đầu tóc uốn quăn, móng tay, móng chân được chăm sóc, sơn phết kỹ. Dấu vết thị thành đang lấn át loại hình văn hóa núi vốn duy cảm, hồn nhiên. Già K'Liuh, hàng xóm của K'Brêu, xót xa: "Hết rồi! Nó triệt tiêu hết rồi! Không còn tìm đâu ra truyền thống văn hóa nữa!".

Già K'Liuh năm nay 81 tuổi, người nhỏ thó trong bộ áo len cũ, nhưng ánh mắt thì cực kỳ sắc sảo, tinh tường. Gặp già, tôi cảm thấy mình bị ngợp thở. Già K'Liuh như một bóng núi vây phủ lấy tôi. Tôi chợt nhận ra trong tiềm thức già, rừng không chỉ là không gian, rừng còn là thời gian. Rừng là cõi vĩnh hằng, vô thủy vô chung, nơi miên viễn. Từ rừng, con người đi ra. Nhưng cũng từ rừng, con người lại



Bà Ka Nhôi bên những chiếc ché cổ

mất hút vào đó. Rừng là bản nguyên, là cội nguồn ở đầu bên này và cũng là cội mịt mù thăm thẳm phía bên kia... Rừng vừa mang đặc tính bảo tồn, vừa mang đặc tính sinh dưỡng. Rừng là ký ức, là truyền thống. “Nếu thiếu rừng, con người không còn nghe được từ trong sâu thẳm chính mình tiếng gọi cuốn hút của vẻ đẹp nguyên khiết, của tự nhiên hoang dã... Và con người sẽ không còn huyền thoại, không còn nghe, không còn kể, không còn tiếp tục sáng tạo ra huyền thoại nữa!”, già K’Liuh ngâm ngùi.

Tôi bỗng thấy mình có lỗi với già K’Liuh, vì đã đánh thức vết thương đại ngàn trong già. Nhưng tôi tin đó là vết thương mang sự cứu chuộc. Một vết thương tỉnh thức, để nếu chúng ta có lỡ chạm vào đại ngàn, thì cũng nên thẳng thốt giật mình mà tự răn đe. Tôi liền chuyển chủ đề: “Già có biết gì về bộ sưu tập ché cổ của K’Brêu không?”. Ánh mắt già K’Liuh rờ rờ, nói: “Biết chứ! Nó là người duy nhất trong buôn còn giữ lại những nét văn hóa truyền thống”.

Chúng tôi cùng đến nhà K’Brêu nhưng K’Brêu không có nhà. Trong ngôi nhà dài, bà Ka Nhôi - vợ của K’Brêu, cho biết: “Những chiếc ché này là của bà cố để lại”. Tôi quan sát có cả thấy hơn 50 chiếc ché lớn, nhỏ khác nhau, được

sắp xếp cẩn thận ở một bên vách nhà. Theo bà Ka Nhôi, để có được những chiếc ché này, cụ cố của bà đã phải lặn lội đổi mỗi chiếc ché từ 2 đến 10 con trâu, tùy theo giá trị của mỗi chiếc. Tuy nhiên, khi chúng tôi gắng hỏi về nguồn gốc, giá trị cụ thể của mỗi chiếc ché thì bà Ka Nhôi bảo “không biết”. Bà Nhôi nói là nói chơi vậy thôi, chứ là con của núi bà lạ gì ché. Ché gắn liền với đời sống sinh hoạt lễ hội thần thánh của đồng bào K’Ho tự ngàn đời. Ché thể hiện đẳng cấp, sự giàu - nghèo của người sở hữu. Hơn thế, ché còn được người K’Ho xem như một linh vật. Xưa kia, trong những đêm trường gió hú, bên ánh lửa nhà sàn bập bùng, bên ché rượu cần không bao giờ cạn, các lời ru, kể hát được truyền từ đời bà, đời mẹ sang đời con, đời cháu. Cứ thế, cùng với tiếng cồng, tiếng chiêng, ngôi nhà dài, rượu cần, lửa rừng..., chiếc ché đã lặn sâu vào ký ức cộng đồng. Nhưng đáng tiếc là ngày nay những người trẻ biết và yêu những di sản văn hóa của cha ông trở thành hiếm hoi; họ đang quay lưng lại với quá khứ, xa lạ với những tập tục, lễ nghi xưa. Bất chợt, có cơn gió nghịch mùa thổi hun hút vào không gian tĩnh lặng, cô quạnh của ngôi nhà dài, khiến tôi có cảm giác buồn vô hạn. Tôi nhìn sang K’Liuh, hình như già đang dần đi vào quên lãng bởi sự ầm ĩ, xô bồ, bát nháo của đời sống? Rừng mất, nương rẫy không còn, kéo theo phương thức sản xuất và hình thái kinh tế thay đổi. Cùng với đó là những biến đổi trong đời sống, sinh hoạt, văn hóa, tín ngưỡng của cư dân bản địa Nam Tây Nguyên đã tác động tiêu cực đến những lễ nghi xưa. Không gian rừng, không gian nhà dài, không gian văn hóa cồng chiêng ngày càng bị thu hẹp dưới tác động của cuộc sống hiện đại. Cồng chiêng không được sử dụng rộng rãi như trước. Thậm chí, nhiều buôn làng đã không còn cồng chiêng. Số nghệ nhân trình tấu, diễn xướng cồng chiêng cao tuổi cũng mất dần theo thời gian, cộng thêm sự suy giảm số lượng nhà dài, tuổi tác, lễ hội... Rượu cần dần được đồng bào dân tộc thiểu số thay thế bằng rượu ngoại sang trọng, đắt tiền. Do đó, chiếc ché cũng dần dần biến mất trong đời sống cộng đồng. “Cứ cái đà này, rất có thể đến một lúc nào đó, nếu chúng ta muốn tìm hiểu về rượu cần truyền thống, không chừng lại phải vào viện bảo tàng để tìm lại chất dân tộc qua sách vở và hiện vật, chứ không phải tìm về nơi xuất phát nguyên thủy của nó - buôn làng” - ông Bùi Tho nào nề trần tình.

Ngôi nhà dài chính là nơi để nuôi cái ché, cái chiêng, nơi để đồng bào K’Ho nuôi lửa, nuôi yal yau và cùng hướng về miền tâm linh huyền bí, khả kính. Nhưng không gian thiêng ấy đang ngày càng bị mai một dần. Mất rừng, mất nhà dài là mất đi một dạng thức văn hóa. Ước nguyện đơn giản của bà Ka Nhôi là “Giữ lại bộ ché cho con cháu” xem ra khá nan giải trong thời đại ngày nay, khi mà lũ con trai, con gái trong buôn thích pop, rock, jazz, hip-hop, dance sport... hơn là hát yal yau, múa xoang... Tâm thức núi rồi đây sẽ ra sao? Nghĩ vậy mà rừng mình.

... ■



Đình làng Văn Xá

Dấu vết của di tích lịch sử

Bài & ảnh: XUÂN TRƯỜNG

Nằm cách cố đô Huế chừng 13km về phía Tây bắc có một ngôi làng cổ ở một vị trí thuận tiện, đó là làng Văn Xá. Ngày xưa nơi đây có một ga xếp của con đường sắt Bắc Nam gọi là ga Văn Xá; con đường thiên lý Bắc Nam nay là Quốc lộ 1 cũng có đoạn chạy gần như song song với đường sắt xuyên qua làng. Ngày nay, Văn Xá thuộc về phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, thành phố Huế; phía Bắc giáp phường Tứ Hạ, phường cực Bắc của thị xã Hương Trà; phía Đông bắc giáp sông Bồ; phía Nam giáp làng Liễu Nam thuộc phường Hương Xuân và phía Tây giáp núi Thất Giới làng Sơn Công thuộc phường Hương Văn. Làng có một đình, hai chùa, một Niệm Phật đường, một đền Văn thánh thờ Khổng Tử, bảy miếu và một chợ. Diện tích tự nhiên của làng vào khoảng 1,39 km² với dân số gần chín ngàn người. Cư dân trong làng có tín ngưỡng liên quan đến đạo Khổng, đạo Lão và đa số theo Phật giáo.

Sự hình thành và phát triển làng Văn Xá

Vào giữa thế kỷ thứ XV, sau khi vua Lê Thánh Tông thân chinh đánh thắng Chiêm Thành, triều đình đã cử một số võ quan tin cẩn chiêu mộ dân thuộc châu Hoan và châu Ái (thuộc các tỉnh Thanh Hóa Nghệ An Hà Tĩnh ngày nay) vào khai khẩn vùng đất Thuận Quảng. Theo các tài liệu lịch sử hiện có và những tư liệu thuộc gia phả của những dòng họ quan trọng trong vùng, có thể nhận biết trong số những vị đầu tiên đến tổ chức khai canh làng Văn Xá có các ngài Hầu tước Lê Xuân Dục, từng là Trung đô Chánh triều Tham khảo nha kiêm Tri Tào chuyển vận sứ, ngài Quận công Lê Đình Phổ từng là Thượng tướng quân Cẩm Y vệ Đô chỉ huy sứ, ngài Tấn Dục hầu Trần Mậu Quế từng là Bố Chính dinh Ký lục, ngài Thọ Quốc công Trần Hưng Đạt từng là Lễ bộ Tham tri. Truyền thuyết ghi nhận rằng làng được thành lập bởi những vị võ tướng và sau đó hương dân thành

đạt theo nghiệp võ nên ban đầu làng có tên là Võ Xá. Vào năm 1812, mười năm sau khi Thế tổ Cao Hoàng đế triều Nguyễn là vua Gia Long thống nhất đất nước, tưởng thưởng quân dân, xét hương dân trong vùng có công tích văn võ song toàn, ngài đã ban cho tên làng là Văn Xá.

Làng Văn Xá có bà Thuận Thiên Cao Hoàng hậu là ái nữ của Thọ Quốc công Trần Hưng Đạt. Bà sinh ngày 27/11 năm Mậu Tý 1768, húy là Ngọc Kính, tên tục là Trần Thị Đang. Năm 14 tuổi bà được tiến cung hầu hạ đức Hiến Khương Hoàng hậu là thân mẫu của vua Gia Long khi nhà vua còn bôn tẩu. Đến 17 tuổi bà vào chầu Nguyễn vương Phúc Ánh. Đến khi vua Gia Long lên ngôi thì bà được phong là Hoàng Quý phi vì lúc ấy nhà vua đã có chính cung là Thừa Thiên Cao Hoàng hậu Tống Thị Lan. Năm Tân Hợi 1791, lúc 24 tuổi, bà sinh Hoàng tử Đảm, sau này lên ngôi là vua Minh Mạng có miếu hiệu là Thánh tổ Nhân Hoàng đế. Năm 1821, vua Minh Mạng tôn bà làm Hoàng thái hậu.

Quá trình xây dựng và trùng tu đình làng Văn Xá

Là một ngôi làng được khai canh bởi những vị trọng thần của triều đình, người ta có thể đoán định rằng hẳn nhiên làng cũng đã có một ngôi đình ngay từ lúc mở đất. Truyền thuyết cho biết thuở trước, làng đã có đình và chùa làm bằng gỗ lợp tranh tại Xứ Xung Hồ Biển còn gọi là Cồn Đình. Trải qua biết bao binh lửa, đình chùa chắc cũng đổ nát. Xét theo những di tích mà đình hiện sở hữu, có một bức hoành phi phục chế được chạm nổi sơn son thếp vàng đề bốn chữ *Đại tự Sở Tại Sinh Huy* được biết là do vua Minh Mạng ban tặng thì nghĩ rằng dưới triều Minh Mạng, đình cũng còn có mặt. Tài liệu lịch sử cho biết mãi tới năm Tự Đức thứ 18, tức là năm 1865, nhà vua mới giao cho Bộ Công chủ trì việc xây dựng đình làng Văn Xá, dời đến vị trí hiện nay tại thôn Giáp Nhất. Vệ úy Trần Hưng Khanh là người đốc suất thực hiện trong thời gian bốn tháng, từ tháng 4-1865 đến tháng 8-1865 thì hoàn tất.

Đình làng Văn Xá được xây dựng trên một khu đất có diện tích 1.700m², bốn phía có la thành bao quanh, trước mặt có hồ trồng sen; từ ngoài vào có cổng tam quan, có bình phong án ngữ, có nhà bia, và có một khoảng sân đình rộng rãi. Nội đình là một ngôi nhà rường ba gian hai chái kép nằm trên nền đất rộng 400m² được chống đỡ bởi một hệ thống cột gồm 54 cột, trong đó có tám cột cái cao 5,2m, mười sáu cột quân cao 3,6m, hai mươi bốn cột bên cao 2,5m và sáu cột hiên cao 1,5m. Kết cấu vì kèo được chạm trổ tinh vi những hoa văn trang trí theo kiểu phủ đệ ông hoàng bà chúa trong cung đình với những hình ảnh “tứ linh”, lưỡng long châu nguyệt”. Vào năm 1997, đình đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng Di tích lịch sử kiến trúc cấp quốc gia.

Cần sớm được trùng tu và bảo vệ

Cũng trong năm 1997, đình làng Văn Xá bị sét đánh. Đến năm 1999, cơn đại hồng thủy lịch sử đã làm nhiều hạng mục của đình xuống cấp. Trước tình hình đó, chính quyền phường Hương Văn đã lập thiết kế bản vẽ trùng tu, bảo tồn, giữ gìn đình làng Văn Xá với tổng kinh phí 1,4 tỷ đồng để trình lên các cấp nhưng hiện nay Bộ Văn hóa-Thể thao-Du lịch chưa có quyết định phê chuẩn. Ông Đặng Công Bình, Bí thư Đảng ủy phường Hương Văn cho biết: “Lãnh đạo địa phương chúng tôi đã lập đầy đủ các thủ tục lên các cấp, ngành chức năng để phê duyệt cấp kinh phí trùng tu, tôn tạo các hạng mục đình làng Văn Xá như: Mở rộng vành đai bên ngoài đình trồng cây xanh để bảo vệ đình; khôi phục lại hồ trước đình; sửa lại mái đình đã xuống cấp trầm trọng; các cột hàng ba bị đứt chân, chỉnh lại cổng tam quan đã bị lún và nghiêng. Chúng tôi kính đề nghị các cấp, ngành chức năng sớm hỗ trợ kinh phí để địa phương bảo tồn, giữ gìn di tích cấp quốc gia đã được Nhà nước công nhận năm 1997”.

Ngôi đình được trùng tu, bảo tồn chắc chắn sẽ tôn nghiêm hơn, cao ráo, rộng rãi, sạch đẹp hơn và sẽ làm mới diện mạo của ngôi đình cũ xưa nhưng sẽ không làm thay đổi và phai mờ đi dấu vết của di tích lịch sử. Chính vì vậy mà con dân làng Văn Xá cũng như chính quyền địa phương mong sao các ngành, các cấp quan tâm, sớm phê duyệt kinh phí để trùng tu, bảo tồn một di tích lịch sử kiến trúc cấp quốc gia để con dân trong làng đáng được tự hào về truyền thống của các bậc tiền bối để tiếp tục phấn đấu xây dựng làng văn hóa chuẩn mực, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ■



Cô Hồn

trong tín ngưỡng dân gian đồng bằng sông Cửu Long

TRẦN MINH THƯƠNG

1 Quan niệm về cô hồn

Theo *Từ điển Hán Việt* thì *cô* 孤 là một từ nhiều nghĩa trong đó có nghĩa chỉ sự *đơn độc, lẻ loi, một mình*; *hồn* là *phần thiêng liêng của con người*; ghép lại *cô hồn* được giải thích là *hồn người chết lẻ loi, không ai cúng vái*.

Khái niệm *cô hồn* còn bao gồm một khái niệm khác là *oan hồn*. Oan hồn là hồn người chết oan; đó là những người bị ám sát, bị bức tử, bị giết khi chưa kịp sinh ra (thai nhi), hay chết “bất đắc kỳ tử”... được coi là chết oan ức, theo nghĩa *oan* là trái với lẽ công bằng.

Từ kinh sách Phật giáo, người Khơ-me miền Tây Nam Bộ lưu truyền câu chuyện liên quan đến ngày lễ đặt cơm vắt gắn liền với lễ hội Sel Dolta trong truyền thống báo hiếu. Truyện kể rằng: Có một hôm, vào lúc đêm khuya, tại hoàng cung của vua Pingpissara bỗng vang dội tiếng gào thét khóc lóc thảm thiết kèm theo là tiếng van xin đòi ăn uống. Sáng ra, nhà vua triệu tập các nhà tiên tri đến hỏi; các tiên tri cho rằng đó là những ma quỷ chết oan không nơi nương tựa đến xin được ăn uống; các tiên tri đề nghị cúng tế bằng cách hiến sinh trăm người nam, trăm người nữ và trăm con vật. Nghe tin đó, hoàng hậu can gián, cho rằng việc cúng tế sẽ làm hai trăm con người và một trăm con vật chết oan, càng có hại thêm. Phân vân, nhà vua ngự giá đến chùa thỉnh ý Đức Phật. Đức Phật dẫn chuyện tiền kiếp cho biết, trong những kiếp trước vua Pingpissara là chủ của một đám người đã trộm cắp cơm gạo và thức ăn trong những buổi lễ cúng dường của vua Mahinta cách

đó 92 kiếp; khi chết, đám người đó thành quỷ ở cõi âm, bị phạt nhịn ăn nhịn uống suốt 92 kiếp. Nay, họ biết được chủ của họ đã trở thành một vị quốc vương, nên họ đến để cầu xin ở chủ cũ. Đức Phật khuyên vua Pingpissara nên cúng dường vật thực cho các tu sĩ có giới đức, rồi nhờ ân đức và sự cầu nguyện của các tu sĩ ấy mà đám ma quỷ có thể được hưởng dụng do phép hồi hướng. Nhà vua vâng lời Đức Phật. Sau khi cúng dường xong, đêm thứ nhất tiếng kêu khóc biến mất, nhưng đến đêm kế tiếp nhà vua lại nghe tiếng rên la. Vua lại đến thỉnh ý Phật. Phật dạy rằng ma quỷ rên la tiếp là vì còn bị rét lạnh. Nhà vua trở về chuẩn bị y áo cúng dường các vị có giới đức và nhờ các ngài hồi hướng tiếp. Từ đó, nhà vua không còn nghe tiếng rên than của ma quỷ nữa.

Theo Phật giáo thì ngày rằm tháng Bảy âm lịch được gọi là ngày *Báo hiếu cha mẹ* tức lễ Vu-lan và cũng là ngày *Xá tội vong nhân* tức lễ cúng cô hồn. Trong dân gian, nhiều người vẫn nghĩ hai lễ này chỉ là một, nhưng thực ra đây là hai lễ khác nhau được cử hành trong cùng một ngày.

Lễ Vu-lan bắt nguồn từ sự tích về lòng hiếu thảo của Tôn giả Mục-kiền-liên, Phật Tổ dạy Tôn giả vào giữa tháng Bảy âm lịch cúng dường tứ sự cho chư Tăng thập phương để chung sức cứu mẹ ra khỏi địa ngục đau khổ. Còn tục cúng cô hồn có liên quan đến câu chuyện giữa Tôn giả A-nan với một con quỷ miệng lửa (*diêm khẩu*, cũng gọi là quỷ mặt cháy hay *diêm nhiên*). Theo *Phật thuyết cứu bạt diêm khẩu nga quỷ đà-la-ni kinh* thì một đêm kia, lúc đang ngồi trong tịnh thất, Tôn giả A-nan thấy một quỷ đối

thân thể khô gầy, cổ nhỏ mà dài, miệng nhả ra lửa bước vào. Quỷ cho biết rằng ba ngày sau A-nan sẽ chết và sẽ luân hồi vào cõi ngạ quỷ miệng lửa mặt cháy như mình. A-nan sợ quá, đem chuyện thưa với Đức Phật. Phật bèn cho bài chú gọi là *Cứu bạt diêm khẩu ngạ quỷ đà-la-ni* đem tụng trong một buổi lễ cúng dường với mục đích cứu khổ cho quỷ diêm khẩu và để tăng tuổi thọ cho mình. Phật tử Trung Hoa gọi lễ cúng này là *Phóng Diêm Khẩu*, tức là cúng để bố thí và cầu nguyện cho loài quỷ đói miệng lửa, nhưng dân gian thì hiểu rộng ra và trại đi thành cúng cô hồn, tức là cúng thí cho những vong hồn vật vờ không nơi nương tựa vì không có ai là thân nhân trên trần gian cúng bái.

Nói chung, *cô hồn là vong hồn của những người bất đắc kỳ tử, chết oan, không xác định được tính danh. Cô hồn là danh từ chung gần nghĩa với âm binh, oan hồn, dân gian gọi chung là những người khuất mày khuất mặt...*

2 Chuyện cô hồn quấy nhiễu

Cho đến gần đây, người dân ở Gò Công Đông vẫn còn nhắc lại những hiện tượng ma quái quanh vùng Bãi Hổ, giữa sông Mỹ Tho (sông Tiền) và rạch Tân Đông. Các vị lớn tuổi cho biết sau một trận kịch chiến giữa quân Tây Sơn và quân Nguyễn Ánh ở vùng này mà cả hai bên đều tổn thất nặng nề thì nhân dân trong vùng thường chứng kiến nhiều sự kiện quái lạ; đặc biệt, vào những đêm thanh vắng, có hàng đoàn âm binh di chuyển rầm rầm.

Khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, chúng đã lập pháp trường ở chợ Trường An tại Tân Quy Đông, Sa Đéc (nay thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp). Biết bao nghĩa quân kháng chiến và cả những người dân vô tội chịu cảnh đầu rơi máu đổ tại đây. Oan án chồng chất, ám khí nặng nề. Đêm đêm dân trong vùng rợn óc với những tiếng kêu than, ma hờn quỷ khóc. Nghe truyền tụng rằng có lần chợ đang nhóm bóng dư có oan hồn hiện về kể tội bọn cướp nước. Thấy vậy, dân chúng tổ chức cúng tế thường xuyên khiến các hiện tượng quái dị dần dần biến mất. Về sau, chợ cũng bị dẹp bỏ...

Các bậc cao niên ở Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long thường nhắc đến chiến công năm 1872 của nghĩa quân dưới quyền Đốc binh Lê Cẩn trong việc tiêu diệt viên tham biện Pháp ở Vĩnh Long là Alix Salicetti mà dân gian quen gọi là Bồi Xê. Để trả thù, Pháp sai Trần Bá Lộc đem quân về tàn sát dân chúng không thương tiếc. Sự kiện này khiến xác người chết đầy cả một vùng, tạo nên cảnh tượng *âm khí nặng nề, thê lương áo não, đêm đêm nghe như có hằng trăm, hằng ngàn tiếng ma kêu, quỷ khóc...*¹

Ở gần cửa Soài Rạp (Gò Công, Tiền Giang), sau ngày Trương Định tử trận, *đêm đêm, ở vùng đám lá tối trời như có tiếng gào thét, như tiếng binh đao va chạm. Có khi, nghe như tiếng thiên binh vạn mã rầm rộ kéo đi. Có lúc lại nghe ngựa hí, người la và tiếng trống trận.*²

Có khi vì không lý giải được những hiện tượng diễn

ra trong tự nhiên, người ta cũng mượn cớ do cô hồn quấy phá để giải thích. Trường hợp những lượn sóng kỳ lạ ngày trước thường xuất hiện ở Vàm Cái Nai (Cần Thơ) được nhân dân trong vùng cho là do oan hồn của hàng ngàn nghĩa sĩ thuở xưa đã bỏ mình mà còn vướng vất mỗi hận khôn nguôi.

Ở ven bờ Cổ Chiên nhiều người cho biết ngày trước trên dòng sông ấy thường hiển hiện những điều quái lạ; những hồn ma bóng quế chập chờn trên sóng nước khiến các ghe thương hồ qua lại đều rợn người. Họ phải cùng nhau đứng ra lập đàn tràng cúng tế những âm linh tử sĩ, những oan hồn ấy mới dần khuất dạng.

3 Dựng miếu thờ cô hồn

Việc khảo sát thực tế ở vùng đồng bằng sông Cửu Long cho thấy có nhiều dạng miếu thờ cô hồn được dân gian dựng lên.

Có lẽ trường hợp xa xưa nhất mà sách cũ còn chép lại là sự việc liên quan đến địa danh Đồi Ma ở Gò Công, Tiền Giang, được sách *Nam Kỳ lục tỉnh* (còn gọi là *Nam Kỳ dư địa chí*) của Duy Minh Thị³ thuật lại như sau: *Tương truyền có một cặp trai gái yêu nhau mà cha mẹ hai đảng không khúng. Ban đêm hai người đi dắt nhau qua rạch đi trốn. Không dè qua giữa rạch, nước xiết bơi không nổi, cùng chết đuối. Khi nổi lên, hai người còn nắm chặt tay nhau, gỡ không ra. Cha mẹ hai bên thấy vậy thương tình cho chôn chung hai người một huyệt. Và sau đó, người đời cho cất miếu thờ gần bên rạch.*

Có lẽ cũng sự kiện ấy đã được *Đại Nam nhất thống chí* ghi lại. Rằng xưa kia có một cô gái tiểu thư con nhà quyền quý mang lòng thương thầm một anh chàng thư sinh nghèo; chàng thư sinh kia cũng hiểu lòng cô gái, nhưng vì thấy mình quá nghèo nên mãi vẫn chưa dám mượn mai mối đến hỏi việc hôn nhân. Cô gái cứ chờ trông mòn mỏi rồi ôm lòng uất hận, rầu rĩ mà chết. Cha mẹ cô gái thương tiếc không đem chôn ngay mà cất lều ở sau vườn cạnh một con rạch làm nơi quán linh cửu. Anh chàng thư sinh hay tin, bèn đến thắp cổ chết bên cạnh. Người ta liền đem xác cả hai lại đặt nằm cùng một chỗ, lâu ngày âm khí kết tụ dần thành ma quỷ. Một thời gian sau, cha mẹ cô gái ấy đều buồn rầu mất đi. Xác đôi trẻ không ai chôn cất. Chốn ấy hoang vu cây cối mọc đầy thành gò rậm, quỷ khí càng thịnh hành, chọc phá mọi người. Dân chúng khổ sở vì đó nên họ lập miếu thờ và đặt tên rạch là rạch Đồi Ma. Về sau, khi quân Tây Sơn hành quân qua đó, đóng binh ở gần miếu thờ, bị quấy phá, họ cho đốt phá ngôi miếu lúc ấy đã bị bỏ hoang phế, tai quái mới dứt.

Ở trong vùng Thất Sơn Châu Đốc thuộc tỉnh An Giang, người ta còn được nghe dân địa phương lưu truyền về ngôi miếu Âm Nhon. Miếu này tọa lạc tại Núi Sam, dân gian quen gọi là miếu Cô Hồn. Tương truyền miếu do Thoại Ngọc Hầu xây dựng, và nếu vậy thì ban đầu việc dựng miếu là để thờ cúng những dân binh đã tử nạn trong công cuộc đào kênh Vĩnh Tế dưới thời

vua Minh Mạng; sau đó, những vị giữ nhiệm vụ coi sóc miếu đã mở rộng việc thờ cúng cho mọi cô hồn đều được phối hưởng. Có lẽ vì vậy mà kiến trúc của miếu có cả Tả ban, Hữu ban, Tiền hiền, Hậu hiền cùng một khoảng sân rộng có mộ của vị chủ đất và của mộ những cô hồn uống tử, có thể là ngôi mộ cải táng tập thể những dân binh tham gia đào kênh Vĩnh Tế. Hằng năm, miếu tổ chức cúng cô hồn khá trọng thể vào ngày 16 của các tháng Giêng, tháng Bảy và tháng Mười.

Đặc điểm của địa hình đồng bằng sông Cửu Long là hệ thống kênh rạch chằng chịt như bàn cờ. Từ xưa, việc đi lại của cư dân ở vùng này chủ yếu là bằng ghe, xuồng, tàu bè. Không ít tai nạn đường thủy đã cướp đi biết bao sinh mạng của lũ khách. Người địa phương sẵn lòng cứu vớt, chôn cất những tử thi vô danh tính. Vương Hồng Sển trong *Hậu giang Ba Thắc* cho biết năm 1928 và năm 1932 trên các nhánh sông Cửu Long đã xảy ra hai vụ chìm tàu nghiêm trọng, hậu quả khiến hơn trăm người nằm lại dưới lòng sông sâu. Để hồn oan của người xấu số có nơi nương tựa, nhân dân trong vùng dựng các miếu bằng lá ven bờ để người khuất mặt có nơi nương dựa. Tương tự, ở vùng sông nước này không ít ngôi miếu được dựng lên sau những biến cố như vậy. Thỉnh thoảng khách thương hồ qua lại ghé vào hương khói cho cô hồn đỡ bề hiu quạnh, họ cũng hy vọng cô hồn sẽ trợ lực cho họ xuôi chèo mát mái, mua may, bán đắt.

Ngoài miếu thờ các cô hồn trôi sông lạc chợ, trong đời sống của cư dân vùng sông nước vẫn tồn tại tín ngưỡng thờ hà bá ở những vùng ven sông để cầu cho mọi người không gặp nạn trên sông và cầu cho người đánh bắt kiếm được nhiều cá tôm trong mùa lưới. Khi xảy ra chuyện không may có người chết đuối mà chưa tìm được thân, người bình dân tổ chức nghi thức cúng hà bá chuộc hồn. Dân gian vùng sông nước thường cho rằng người chết đuối là bởi *tam hồn thất phách* của họ bị hà bá thủy tể giam giữ lại nơi thủy phủ, nên thân xác mới chìm xuống dưới đáy sông sâu. Vì vậy, để nhục thân của họ nổi lên mặt nước hầu có thể mang về khâm liệm an táng thì người ta dùng nghi thức này.

Khi khoa học kỹ thuật phát triển, bên cạnh các phương tiện di chuyển bằng đường thủy, trên bộ đã có ngựa, xe. Mặc dù những ưu thế vượt trội mà các hình thức đi lại này đem đến, thỉnh thoảng vẫn có những vụ tai nạn không may xảy ra. Người chết đường chết chợ hồn oan phảng phất không nơi nương tựa. Dân gian rộng lòng dựng những ngôi miếu nhỏ để những oan hồn ấy có chỗ tựa nương. Dân gian gọi đó là miếu cô hồn hay miếu oan hồn. Nhiều tài xế đường dài qua lại thường ghé để thắp nén nhang cầu mong được phù hộ sự may mắn cho chuyến hành trình.

Cũng có một loại miếu thờ oan hồn nữa được phát sinh khi vùng nào đó có thiên tai dịch bệnh. Nhiều người chết. Âm khí nặng nề. Để xóa tan những điều xui rủi cho người sống, dân chúng quanh vùng thường họp nhau

lại lập miếu thờ ở ven đường hay ở các ngã ba, ngã tư... Một hình thức thờ cúng cô hồn khá đặc biệt được nhắc đến ở huyện Ngã Năm, Sóc Trăng. Tại đó, xưa kia có một ngôi miếu thờ những sinh linh bé nhỏ vừa mới chào đời đã *lià mẹ lià cha*. Nguyên nhân vào nửa đầu thế kỷ XX, vùng đất Trà Cú còn hoang sơ, hẻo lánh, nhiều phụ nữ vừa sinh nở thì con đã sút nôi. Người dân gom cây lá lập miếu thờ gọi là miếu Hải nhi. Sau đó, phụ nữ có thai thường đến khấn vái mong mẹ tròn con vuông. Trong miếu có ban thờ với chiếc lư hương nhỏ. Tiếc là sau thời gian giặc giã và sự tiến bộ của khoa học, ngôi miếu đó nay chỉ còn trong ký ức của người cao niên mà thôi.

Tại quần đảo Nam Du thuộc huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang, người ta có thể gặp khá nhiều miếu thờ cô hồn ở ven các đường quanh đảo. Lão ngư Ba Đứng ở ấp Bãi Ngự Hòn Củ Tron giải thích rằng cư dân vùng quần đảo này vẫn có quan niệm là cần phải thờ cúng vong linh của những người chết do nhiều nguyên nhân khác nhau mà vì không may mắn có thể mất xác hoặc mổ mả không ai chăm sóc khiến phải phiêu dạt khổ sở. Việc thờ cúng như vậy sẽ làm ấm lòng những cô hồn uống tử khiến họ không quấy phá người trần gian, còn có thể phù hộ cho dương thế. Mới đây, tại xã An Sơn, dân chúng đã lập một miếu thờ những hồn oan tử nạn sau khi một cơn bão lớn trong năm 1997 tràn qua vùng này. Miếu thờ gồm một bia tưởng niệm, một ban thờ ở trung tâm với chiếc lư hương lớn, trông thẳng ra hướng biển.

4 Kết luận

Nói chung, việc thờ cúng cô hồn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long không chỉ nhằm ngăn chặn sự quấy nhiễu của cô hồn; mà quan trọng hơn, tập tục này thể hiện nét nhân bản sâu thẳm tận đáy lòng của người bình dân miền Tây Nam Bộ nói riêng và con người Việt Nam nói chung; đó là mong muốn mọi vong linh phiêu dạt có nơi nương tựa; đó chính là việc thể hiện tấm lòng ưu ái của người đang sống đối với những thân phận bất hạnh gặp những cái chết bất bình thường, những linh hồn không người thân cúng tế. Đứng về góc độ tâm linh, tín ngưỡng thờ cô hồn vẫn luôn là một tập tục tốt đẹp của người Việt. ■

Chú Thích:

1. Huỳnh Minh, *Vĩnh Long xưa*, Nxb Thanh Niên, 2002, tr.215.
2. Võ Phúc Châu, *Truyền thuyết dân gian về cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ 1858 – 1918*, in trong tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Trường ĐHSP TP.HCM, 2004, tr.94.
3. Duy Minh Thị tên thật là Trần Quang Quang, người ở huyện Duy Minh, tỉnh Vĩnh Long xưa (nay thuộc huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre), không rõ năm sinh năm mất; thời Pháp mới chiếm Nam Kỳ, ông học trường thông ngôn, được bổ làm Kinh lịch tỉnh Chợ Lớn (nay thuộc TP.HCM). Ngoài thời gian làm việc hành chánh, ông chuyên sưu tầm biên soạn phóng tác một số tài liệu về văn sử địa nước nhà.

Ngộ ra trong sát-na

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Nhiều người bây giờ, giống tôi cách đây gần hai chục năm, ra đường thấy cảnh sát giao thông là sợ và ghét. Một hôm, tôi ngồi thư giãn nghĩ: Tại sao?

Hóa ra là tôi sợ phạm luật giao thông. Hóa ra là chúng ta hay phạm luật giao thông. Nhiều bạn có thể không đồng ý. Tuy nhiên, trên thực tế, nếu bạn có đầy đủ giấy tờ, xe bình thường, không phạm luật, hiếm có cảnh sát nào làm gì được bạn. Nếu ta nghiêm chỉnh chấp hành các quy định thì chúng ta cứ hiên ngang mà đi, đâu có ai làm gì mình mà sợ. Do chúng ta có vấn đề nên khi gặp cảnh sát, có thể chúng ta thể hiện ra và thể là... bị tóm. Lỗi dễ mắc nhất là rẽ không bật đèn tín hiệu, là lấn vạch, đi sai làn, là thiếu bảo hiểm.

Chỉ trong giây lát tôi đã ngộ ra: chấp hành luật pháp nghiêm túc. Tôi đã hoàn toàn thay đổi nhận thức, thay đổi cách ứng xử và cách sống. Đôi khi cũng bị cảnh sát thổi, tôi đành hoảng dừng xe, trình giấy tờ. Nếu biết mình sai, vi phạm luật giao thông, tôi tự nguyện nộp phạt. Rất đành hoàng. Không sợ sệt. Không cần xin xỏ, sai thì xin lỗi và nộp phạt. Lại thêm cho mình một bài học. Cách ứng xử đành hoàng làm tôi thấy mình luôn thoải mái, tâm rất an và thanh thoi.

Một ngày nọ, tại ngã tư Bảy Hiền TP.HCM, tôi chứng kiến một anh cảnh sát giao thông dắt một cụ già qua đường. Tôi quyết định dừng xe đứng quan sát. Nhìn cách làm rất ân cần và phong cách thân thiện của anh, tôi giật mình và thấy yêu quý anh cảnh sát này vô cùng. Thật tiếc rằng tôi không mang theo máy ảnh! Trong

lòng chợt nghĩ, nếu quanh đây có hàng bán hoa, tôi sẽ đi mua một bó tặng anh. Chắc anh sẽ xúc động lắm. Nhưng tìm mãi không có nơi nào bán hoa.

Trên đường về nhà, hình ảnh anh cảnh sát giao thông cứ in đậm trong đầu tôi. Tôi đã hoàn toàn thay đổi cách nhìn về họ. Chỉ phút giây ngắn ngủi thôi tôi đã ngộ ra rằng họ rất tuyệt vời.

Hôm trước, trên đường đi công việc, tôi quan sát và chợt thấy các những luồng khói xe rất lớn từ mấy chiếc xe buýt như xả vào mặt những người đi đường. Tôi liếc sang bên phải – các anh cảnh sát giao thông đang đứng đó. Trời đất, như vậy ngày nào họ cũng phải nhận một lượng khói bụi lớn vào phổi. Tôi giật mình, làm sao họ tránh được các bệnh về phổi. Tôi ngộ ra – nghề cảnh sát giao thông là một nghề rất độc hại. Muốn nói gì thì nói, các anh chịu nhiều thiệt thòi và rất đáng thương. Thật sự là vậy. Sức khỏe và trí tuệ là tài sản quý nhất của con người mà.

Đức Phật thành Phật bởi Ngài đã giác ngộ hoàn toàn. Chúng ta học Phật để cũng đi đến giác ngộ. Muốn giác ngộ hoàn toàn, chúng ta cần giác ngộ từng phần. Là một cư sĩ sơ cơ, tôi hay lấy những sự giác ngộ nhỏ nhoi này làm niềm vui. Quả thật, hạnh phúc càng ngày càng nhiều, bình an càng ngày càng lớn và tình yêu thương với mọi người xung quanh ngày càng tăng.

Học Phật đâu phải chỉ ở kinh sách hay tụng niệm. Học Phật, hình như, từ cả những gì rất nhỏ, rất đơn giản quanh ta. Trong mỗi phút giây, thậm chí là từng sát-na quý hiếm. Cuộc sống là vô thường mà. ■



Hàng hoa sinh viên

LÊ THỊ CHÂN TÚ

Hàng hoa sinh viên chỉ xuất hiện trong những dịp như ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày Valentine, ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày Nhà giáo... Những cửa hàng đồng loạt mọc lên trên vỉa hè, ở các ngã ba, ngã tư, dọc theo các trục đường chính. Vì là ngày lễ nên công an và dân phòng địa phương cũng hỷ xả cho cái tội chiếm dụng lề đường bất hợp pháp của các cô, cậu sinh viên tập tễnh kinh doanh để kiếm chút thu nhập.

Những cửa hàng nhỏ xíu, san sát nhau. Đồ dùng sơ sài, tận dụng những gì có được. Những tấm bạt buộc vào thân cây để che mưa, che nắng. Xô nhựa, bàn nhựa, ghế nhựa... Những thanh tre buộc vội vàng,

những mảnh gỗ ghép lại sơ sài dùng làm giá đỡ. Hoa ít mà người bán thì nhiều. Mỗi người một việc, tíu tít, bận rộn. Hoa thường thường, hồng, cúc, cẩm chướng, đồng tiền... Hoa đẹp không có mấy. Có lẽ họ không có nhiều vốn. Những bó hoa, những lẵng hoa na ná một kiểu giống nhau, không có gì đặc sắc. Hoa ở đây phần lớn bán cho khách qua đường, giá cả bình dân. Nếu cần hoa đẹp, kiểu dáng cầu kỳ, khách phải vào các cửa hàng hoa chuyên nghiệp để chọn lựa.

Cách chào mời cũng rất sinh viên. "Ngày Quốc tế Phụ nữ mà. Chú ơi! Mua hoa tặng cô đi chú". "Cô giữ hết tiền. Chú có đồng nào đâu mà mua!". "Chú cứ mua đi. Cô sẽ trả mà. Phải không cô?". Những con mắt mở to,



tròn xoe chờ đợi... Một dịp khác, lễ Tình nhân. "Bác ơi! Mua hoa tặng bác gái đi bác". "Già rồi, còn tình yêu đâu nữa mà tặng hoa!". "Mua hoa tặng là gọi tình yêu trở về đó bác". Chưa hết thú vị vì ý tưởng "gọi tình yêu trở về" của cô hàng hoa sinh viên xinh xinh, láu lỉnh thì bên kia một giọng nam nói với qua, giọng Nghệ đặc sệt. "Già cũng có *Tình già* của Phan Khôi mà bác". Tôi nhìn sang. Cậu ta mặc bộ đồ đồng phục thể thao, có dính huy hiệu tên trường, đôi mắt sau cặp kính cận long lanh, tình nghịch... Mờ mờ dễ thương thế ai nữ không rút bóp ra. Đâu phải mua hoa mà là mua thương, mua nhớ, mua những hồi ức, kỷ niệm của một thời đã qua bất chợt hiện về. Qua họ, tôi như thấy được bóng dáng của mình mấy chục năm về trước. Vào các dịp lễ như thế, họ thường bày bán trước một ngày. Từ sáng tinh mơ đã thấy hoa xuất hiện. Những bó hoa đủ màu, tươi roi rói. Hương hoa, hương trầm quện trong sương sớm. Thì ra họ cũng biết cúng mở hàng để cầu mua may bán đắt. Buôn bán tài tử thế mà cũng cố tỏ ra chuyên nghiệp. Cái chuyên nghiệp rất hồn nhiên của trẻ con muốn làm người lớn. Chúng kiến điều ấy không thể nào ngăn được nụ cười. Nhiều khi ngày đã tàn mà vẫn

thấy rải rác nơi này, nơi kia còn người ngồi bán. Họ nép vào nhau trong cái tù mù của bóng cây mà đèn đường không xuyên thấu. Rủ rỉ chuyện trò để giết thì giờ, ngóng những người khách muộn mong bán nốt số hoa còn lại. Họ vẫn kiên trì ngồi đó... Những dòng xe hối hả nối đuôi nhau... Mong sao có khách dừng lại... Chao ôi! Cuộc mưu sinh của những sinh viên nghèo xa nhà tại các thành phố lớn đâu có dễ....

Ở đây nghe đủ các giọng. Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và xa hơn nữa... Suốt cả một dải đất miền Trung chó ăn đá, gà ăn muối, nuôi một đứa con đi học đã khó huống chi đài thọ cho chúng học đại học xa nhà. Không dám đòi hỏi nhiều ở bố mẹ, sinh viên nghèo phải tự xoay sở để kiếm sống. Ngoài việc dạy thêm khá phổ biến, họ còn tranh thủ kiếm tiền nhờ những việc bất thường khác. Những món tiền gom được sau mấy ngày bán hoa cũng rất có ý nghĩa. Thế nào cũng có một bữa liên hoan nho nhỏ tự thưởng cho mình với những món khoái khẩu nhưng ít tiền. Số còn lại có thể mua một cuốn sách, một tập tài liệu... hay dành một ít mua quà mừng sinh nhật bạn, hoặc phụ thêm vào tiền ăn sáng để bụng không trống mà đến giảng đường. Sinh viên nghèo trọ học lúc nào tiền cũng thiếu, giặt giũ vá vai, đắp đổi nhờ bạn bè. Tựa như nhiều người đắp chung một cái chăn hẹp. Kéo đầu này lại hở đầu kia.

Họ vẫn ngồi đó trên vỉa hè. Những đoàn người lướt qua... Xe xích, những bộ cánh đắt tiền, gương mặt phờn phơ, tiền bạc rủng rỉnh thoải mái... Và họ mơ... Đang năm thứ nhất mơ đến năm thứ ba... Mong được chóng ra trường, mong kiếm được việc làm có thu nhập kha khá. Rồi mong lấy vợ, lấy chồng, thành đạt trong sự nghiệp... Cứ thế con người không ngừng đặt cho mình những mục đích. Cái sau bao giờ cũng cao hơn cái trước. Để đạt được, họ nín thở mà chạy, quàng chân lên cổ mà chạy, lao về phía trước, không hề tính đến điểm dừng. Rồi đến một lúc nào đó họ chợt nhận ra hay do hoàn cảnh bắt buộc phải dừng. Và giật mình phát hiện ra, nói như Trịnh Công Sơn là sắp đến bờ, quãng đường còn lại quá ngắn...

Cứ xem cuộc đời như một bữa ăn có nhiều món. Đừng vội vội vàng vàng ăn theo kiểu thực bất tri kì vị. Hãy nhắm nháp, nhắm nháp để thưởng thức cho hết hương vị của chúng. Những gì không thích cứ xem là những trải nghiệm. Trải nghiệm nào trong cuộc đời cũng có cái giá của nó. Những trải nghiệm làm nên sắc màu của cuộc sống. Quãng đời sinh viên nghèo bận rộn, lo lắng nhưng mà vui. Khó khăn, thiếu thốn thật đấy nhưng hạnh phúc vì mọi cái còn ở phía trước. Ngay cả việc bán hoa trên vỉa hè để gom những món tiền nhỏ trong lúc mọi người vui chơi cũng là mảnh ghép lóng lánh của cuộc đời sinh viên. Để rồi khi nhìn lại... Có một thời đã sống như thế và có nhiều điều thật đáng nhớ... ■

Trăng sáng vườn chùa

TRƯỜNG KHÁNH

Trung thu trăng sáng vườn chùa,
Mùi hương khói quện giữa mùa lá rơi,
Giọt kinh trầm bóng đầy vơi.
Nhật khoan tiếng mõ ngân lời nam-mô.
Mái nghiêng chuông gió lặng tờ,
Trung thu trầm quện xanh mờ đáng ai!
Vườn chùa đợi giọt sương mai,
Hàng cây cô tịch dấu dài sắc không,
Đêm xuyên hư, thực đôi dòng,
Dắm lên sương ướt nặng lòng diệt sinh.
Trăng cô cút ở một mình,
Vòng không kia vương lời kinh ngọt ngào,
Vườn chùa thức - với ngàn sao.
Trăng đêm rằm sáng - ngộ vào thiền thơ,
Mấy mươi thu, mấy mong chờ??,
Sương rơi đắm ướt đôi bờ tử - sinh.

Rừng trưa

MẠC PHƯƠNG TỬ

Ta về
Thả giấc ngủ trưa
Non xa
Rừng trắng mây lùa qua non
Đường rêu
Phong dấu sương mòn
Tiếng chim vách núi xanh hồn cỏ hoa.

Rừng chiều

Vẫn con đường cũ hôm nào
Vẫn đàn bướm liệng
Xôn xao gió ngàn.
Lung chiều
Chim hót mùa sang
Đèo nghiêng bóng nắng
Hoa vàng dâng hương.

Rừng khuya

Rừng khuya
Loáng ánh sương mờ
Nghe chim nhịp cánh giang hồ đầu dây.
Ta ngồi nghĩ cuộc tình say
Đời rung rúc mộng, vơi đầy hợp tan.

Hành trình vào đất

NHỤY NGUYỄN

Phùng Nguyên - Đồng Đậu - Gò Mun
rời đến Đông Sơn...
từ lâu chúng ta vẫn nghĩ đã lật đến
tầng văn hóa cuối cùng.
cũng như khi chúng ta đọc tới dòng cuối cùng
cuốn sách hay
gấp lại...
nhưng không
những trang sách được viết bởi lòng đất,
còn mãi

cho tới hàng chục tỉ năm sau,
mặt trời phình ra
tiêu hủy các hành tinh chung quanh nó - và trái đất
đó sẽ là sự thật!
hoạ chăng, đồng tro tàn
bị vùi chôn một cách tàn nhẫn đầy
mới là trang sách cuối cùng của vũ trụ
mang đầy đủ nhất
hình ảnh Con Người.



Đêm mơ thấy Bùi Giáng

NGUYỄN CẦN

Trong mơ anh đã li bì,
Cần khôn túy lúy ngồi lì taxi
Anh cười: “Mi cứ vui đi!”
Những thằng thi sĩ cuồng si trên đời
Thơ hay chẳng phải do lời
Thơ hay là bởi phi thời phi không
Xưa ta “gửi lại đôi dòng,”*
Mà nay “vẫn dội vào trong sương mù”*
Trần gian oán khổ hận thù
Điều linh từ đây bày chừ chữa nguôi
Trầm giờ rũ áo đời uoi,
Chúng dân ở lại làm người buồn thiu,
Trầm nay nào nhớ chi nhiều
Sáng say chiều xin liêu xiêu tìm nhà
Về nằm dưới cội sa-la
“Trút quần phong nhả cho tà huy bay”*
Cần nguyên một ánh trăng đầy
Vào thơ Nguyễn Cần nhớ ngày trùng lai
Có còn hạnh ngộ kiếp mai
Chào nhau ngõ vắng xuân dài phố sâu
“Người về thắng hoặc mai sau
Diệu hoa lâu các đêm nào hóa sinh”*
Người đi vô ảnh vô hình
Bước chân tới trước thành linh trở lui
Giấc mơ còn giữa đêm vui
Chợt khi tỉnh nhớ mãi Bùi Tiên sinh!
Hẹn ngày sau sẽ lai sinh.

...

(*) Thơ Bùi Giáng

Quỳnh hoa

VŨ THẾ NGỌC

Một đóa quỳnh hoa đêm nguyệt tận,
Hắt hiu hương sắc lạnh đêm trường.
Giang hồ nửa giấc chôn gói lạnh,
Hồ điệp Trang sinh mộng đoạn trường.

Nhan sắc

Ngày qua... nhan sắc, chòm râu bạc,
Tóc trắng hững hờ với tình say.
Lãng đãng người xưa, trang sách cũ,
Hư vô trong tiếng gió rung cây.

Tự trường

PHAN THÀNH MINH

Thu sang rạo rực đất trời
Nắng khoe ngọc thể trên đồi cao
Ríu ran chim chóc hót chào
Giọt sương lóng lánh xôn xao mầm chồi

Trống dồn rẽ lệch đường ngôi
Tóc buộc chúm chím nụ cười nơ xanh
Tiếng ve cất lại để dành
Sang năm nhé phượng ta thành tình nhân

Cỏ non lú đú bước chân
Hương cam hương bưởi đón gần đón xa
Trường lớp lộng lẫy áo hoa
Cài khuy nổi nhớ bước qua sân Trình.

Trú tâm

TÂM TRUNG

Chuỗi lần từng hột tay người...
Bồ đề thể tánh rạng ngời Liên hoa...
Gió vờn thoáng mỏng như là
Giờ tờ kinh tụng Di-đà sớm hôm!
Nhật thường hành giả thông dong
Ra sân nhỏ cỏ dưới tầng cây si!
Chuẩn đề từng niệm uy nghi
Quét từng lát chồi hạnh trì Hoa Nghiêm...
Kiết già tịnh tọa trú thiền
Nhiếp tâm vào một cội riêng an lành!





Bất trảm mã

LÊ QUANG KẾT

Sơn lộ vượt đèo Chuối từ Phú Tân lên làng Công Hình nghèo ngoẻo, đường dốc hiểm trở. Hai vợ chồng kẻ gánh người gồng; họ chẳng nói chẳng rằng chỉ lầm lũi bước. Ngoài Trung hồi ấy có tin lụt bão mất mùa nhiều người phải bỏ làng bỏ xứ tha phương. Thoạt nhìn dễ lầm rằng họ đã luống tuổi nhưng nhìn kỹ lúc nghỉ bên vệ đường mới đoán chừng họ chỉ trạc ba mươi. Đi đâu mà đôi quang gánh cực nhọc khổ thế không biết?

Vùng đất này ngày trước là địa bàn cư trú của người thiểu số bản địa. Già làng kể chuyện: Bộ tộc xa xưa đất mình đã có trận chiến đấu anh dũng long trời lở đất với tộc người lớn mạnh phía Nam. Bất phân thắng bại, họ quyết định trồng tre thành rừng làm ranh giới đặt tên La Ngà. Cái tên thì giờ vẫn lưu giữ nhưng tre pheo chẳng còn. Nơi đây là đất lành. Thế núi thế đất thế suối thế cây hài hòa cân đối âm dương. Thuật phong thủy dự báo đầy xác tín: Chỉ vài thập kỷ thôi, chỗ này sẽ mọc lên phố núi tuyệt vời với nghề trà nổi danh khắp chốn. Ngay giờ mới sơ khai đã có các đồn điền trồng chè với mấy ông chủ Tây oai phong lẫm liệt. Trong số ấy có một ông Tây trí thức thông thạo đông tây kim cổ và nghe đồn ông ta đang nghiên cứu văn minh Trung Hoa thời khai thiên lập địa. Người bản địa thích ông ta, tiếng lành đồn xa.

Tạm an cư với chòi tranh tre nứa lá nơi đất lạ, hai vợ chồng người miền Trung cần cù nghèo khó hôm ấy đến xin ông Tây “tối cổ” vào phu đồn điền trà. Người

thông ngôn chỉ mới nói vài câu tiếng Pháp, ông ta vui vẻ nhận lời ngay. Tạm thời lương chồng mỗi tháng tám đồng làm gác dan, vợ năm đồng chuyên hái chè. Sung sướng hơn bắt được vàng, hai vợ chồng mừng thầm trong bụng; có việc thu nạp, có chỗ dung thân. Từ đây biết đâu thoát cảnh đói nghèo, thoát đời lam lũ? Tối hôm ấy vui như mở cờ, họ không tài nào chợp mắt. Đố ai mà ngủ được?

Mấy tháng sau quen hơi quen việc, họ bàn tính chuyện sum vầy:

- Hay mình về quê thu xếp đưa thằng Khó vào kéo tội nghiệp mẹ ngoại, ai đời bỏ con cho người già sắp sửa gần đất xa trời cuc mang.

Người vợ ưng bụng lắm nhưng ậm ừ như thế chẳng đặt được.

- Ừ thì tui đi, mình cố sửa mấy tấm phen nứa cho kín tối lạnh gió khỏi lòn.

Cũng mấy đêm trăng sáng đến tối trăng lu chị mới đưa thằng Khó tới đồn điền. Giờ cả nhà vui vậy, mạ với con như cơm với cá. Thằng bé tung tăng bay nhảy theo mạ hái chè mỗi buổi. Tối tối bên ngọn đèn dầu cha con lại tập tễnh đánh vần è a làm vạt đôi vốn yên ắng giờ sôi động hẳn lên. Chao ôi! Ấm êm quá còn có gì bằng?

Ông chủ Tây ở mãi tận Sài Gòn, mỗi tháng chỉ lên thị sát đôi lần kiểm tra thu chi sổ sách. Công việc thu hái, chế biến, bán buôn đã có các thầy ký thầy cai. Chẳng hiểu sao lần này ông Tây lại ở lâu đến thế? Bên ông ta còn có một cụ già đáng Nho gia khăn đóng áo dài



đi lại miệng luôn lẩm nhẩm: “*Thần nông thường bách thảo, nhật ngẫu thất thập nhị độc, đắc trà nhi giải chi*”- “*Trà vị khổ, ẩm chi sử nhân ích tu, thiếu ngộ, khinh thân, minh mục.*” – “*Sài, mẽ, do, diêm, tương, sú, trà*”- “*Trảm mã trà*”⁽¹⁾... Ông Tây nghe câu nào cũng hỏi hỏi ghi ghi rồi gật gù thích thú, ra về đắc chí lắm. Vợ chồng người phu chẳng hiểu chi mô tê rằng rứa nhưng bụng nghĩ lung.

Việc gì đến phải đến. Tối hôm ấy chồng được mời lên. Vợ ở nhà lo. Cực khổ chi ngoài quê còn có bà con chòm xóm, vô xứ này biết tính rằng đây? Chồng về tới chòi tận khuya, im thin thít, gác tay lên trán trăn trở thở dài... Sáng mai trước khi lên đồi trà, vợ gặng hỏi nhiều lần nhưng chồng vẫn ậm ừ lẩm li nín thinh.

Có việc quan trọng người chồng phu đồn điền phải đi xa mấy ngày. Lúc về dẫn theo một chú ngựa tơ da nâu bờm đen trông xinh xắn. Tối hôm ấy vợ chồng nhỏ to thăm thì một lúc lâu, nhìn mặt họ lạ lắm. Trông mặt có vẻ buồn lo nhưng bụng ra chiều ưng ý măn nguyện.

Chú ngựa tơ bị nhốt nhịn ăn chỉ được uống nhiều nước cho sạch bụng. Trong khi một đôi chè nổi tiếng thơm ngon lâu nay chỉ để tiến cung giờ được cất cử chăm sóc đặc biệt. Hơn một tuần trôi qua, cái ngày định mệnh đã đến nhưng đồn điền trà bỗng nhiên khát lên chuyện vợ chồng người phu và đứa con nhỏ đã bỏ đất lành yên ấm ra đi biệt biệt... Họ đi đâu? Về đâu?

Lục Vũ được vua giao soạn “*Trà kinh*” có chuyện giết ngựa đoạt trà. Vệ Linh công mê tửu sắc, say vũ nhạc, bỏ bê việc nước. Vệ công có người thứ phi là Viên Nhi lằng

loàn trắc nết đồng thanh đồng khí đã nghĩ ra chuyện cho ngựa gặm trà xanh non vào lúc chiều tối. Tinh mơ trăm mã mổ bụng lấy trà pha chế, thứ trà ấy uống vào thập toàn đại bổ, trẻ mãi không già... Còn người xứ trà truyền tụng chuyện vợ chồng người phu chất phác tâm từ bi nhà Phật: Người phu được ông Tây giao chuyện “*trảm mã*”, tiền công thường lên tới mấy trăm đồng bạc Đông Dương, một số tiền quá lớn với người đang cùng khổ tha hương. Anh nhận lời đi mua ngựa. Vợ chồng thuận lòng dắt ngựa lên đồi trà ngon để chú ngựa non tơ gặm trà một tôm hai lá đang còn ngậm tuyết. Chỉ có điều đoạn cuối vợ kịch khác xa chuyện xưa Linh công nước Vệ. Hai vợ chồng người phu nghèo khó ít chữ kia đã quyết định “*bất trảm mã*”. Khuya hôm ấy, khi núi rừng im lìm giấc ngủ, họ đã thả chú ngựa non tơ vô tội tử tù kia về với đại ngàn thênh thang. Người phu nghĩ ra cái điều vô cùng bình thường, giản dị: giết chú ngựa kia là vô đạo, là bất lương, phi nhân phi nghĩa; thả chú ngựa về rừng là hợp với Tam quy Ngũ giới của nhà Phật, theo lẽ tự nhiên; thế thôi... Nam-mô Đại từ Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát... Nam-mô Đại từ Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát... Nam-mô Đại từ Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát... ■

⁽¹⁾*Thần Nông nếm hàng trăm thứ cỏ, gập phải 72 loại cỏ độc, uống chè là giải độc được ngay. Chè vị đắng, uống vào tư duy tốt, nằm ít đi, thân nhẹ nhàng, mắt tinh sáng. Củ, gạo, đậu, muối, tương, giấm, chè (7 thứ thực phẩm quan trọng của người Trung Hoa). Trà giết ngựa.*

Cảm quốc sang thu

NGUYỄN THÁNH NGÃ

C hợt hôm nay trời dịu. Những cơn bão ngoài khơi cũng lắng dần. Dự báo thời tiết nói rằng nhiệt độ đã hạ. Gió mùa phảng phất nét tinh tế của sự chuyển đổi. Cái “chơm chớm” từ ngàn xưa trên đất Việt vẫn còn rõ rệt. Ấy là màu thu. Màu thu của thiên nhiên biểu hiện bằng sự dịu nhẹ, trong lành, thay vì sự chói chang rực rỡ của mùa hạ. Lòng người, lòng thiên nhiên chuyển từ *nóng* sang *mát*. Có một chút thoáng nhớ, vương buồn trong lòng người, gợn gợn những cảm xúc lên mặt hồ, cây cỏ...

Mùa thu lâu nay vẫn mang vẻ đẹp của “*nỗi buồn*” trong sáng. Nhưng trời đất xoay vần, cảm xúc mùa thu cũng biến đổi theo thời đại. Nếu Nguyễn Du nhìn thu với “*khóai biếc xây thành...*”, Lưu Trọng Lư nghe “*lá thu kêu xào xạc...*” thì Hữu Thỉnh lại “*ngửi*” mùa thu:

“*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se...*”

Ba thời cảm xúc, ba tâm thế khác nhau của thi nhân cho chúng ta thấy rõ cung bậc mùa thu là muôn điệu. Nguyễn Du có cái nhìn xuyên suốt bằng thị giác, Lưu Trọng Lư vận dụng thính giác. Và rất độc đáo, Hữu Thỉnh chạm mùa thu bằng khứu giác. Nói thế để thấy rằng mùa thu “*đăng nhập*” vào ta bằng ngũ quan, cũng chính là toàn thể con người và trời đất!

Đúng vậy, khi:

“*Chưa kịp xòe tay bắt một tiếng ve
Mùa hè đã đi qua ngoài cửa.*”

(Quế Mai)

Và mùa thu xao xuyến ủa vào. Thu hiện diện trên đường phố, thu e ấp ngập ngừng khung cửa sổ, thu đầy ắp hồn người, hồn thiên nhiên. Người già thường xúc động mỗi khi thu về. Người trung niên cảm thấy chơi vơi...Người trẻ lãng mạn và lo âu. Trẻ con cũng cảm nhận được sự thay đổi trong nếp vui mừng trước cỗ bánh Trung thu...Và thật là thiếu sót nếu không nói đến hoa mùa thu. Vậy hoa mùa thu gồm những hoa gì nhỉ? Tôi thật không biết trả lời sao, bởi qua mọi biến động của con người và thời tiết, hoa

không còn là sở hữu của mùa nào. Kể cả những loại hoa đặc biệt tượng trưng cho xuân hạ thu đông; giờ con người đã có thể cấy ghép mọi thứ, nở vào mọi thời tiết do công nghệ sinh học phát triển. Vậy thì chỉ tượng trưng thôi cũng đủ gây nên cảm giác “*thu vàng*” mà bao lâu nay ký ức ta ghi nhớ. Mùa thu hoa cúc, dẫu hoa cúc cũng có thể nở vào mùa xuân, nhưng hoa cúc từ lâu trong thơ Nguyễn Sa đẹp đến nỗi “*áo nàng vàng tôi về yêu hoa cúc...*” Vàng, cái màu vàng bất tuyệt ấy đã sưởi ấm bao cô cậu học trò, trong đó có bạn, có tôi một thời biết yêu. Ngồi lật lại trang đời, lần đầu tiên tặng hoa cúc cho một người con gái, tôi gọi ấy là mùa thu thứ nhất. Một mùa thật dễ thương, nhưng cũng đầy đắng cay. Người con gái ấy nhận đóa cúc vàng của tôi ấp lên môi, rồi những mùa thu sau theo chồng sang xứ khác. Để hoa cúc héo rũ lòng tôi. Hoa cúc bố tặng mẹ sao đẹp và dịu dàng đến thế? Và hoa cúc bà cắm lên bàn thờ ông nội vàng rực một màu linh thiêng. Hương khói và trái cây và hoa cúc trang trọng trong tâm thức người xưa. Đến nay hoa cúc không chỉ đẹp mà còn sang nữa. Riêng tôi, hoa cúc và mùa thu là thứ lặng lẽ, thương tiếc không nguôi...

Đến giờ tôi mới hiểu, mùa thu đẹp và băng khuâng, và gợn buồn là thế đấy. Tín hiệu này nói lên con người và thiên nhiên hòa quyện không thể chia rời. Con người nhạy cảm thì thiên nhiên cũng nhạy cảm vạn lần. Vì thế, tôi ước đi ngược thời gian, cũng là đi ngược cảm giác chai lì của thời máy móc, đi ngược những cảm xúc “*mì ăn liền*” để đón nhận một “*chớm thu*” vẹn nguyên trong tâm hồn vạn vật. Và mùa thu quê hương với vẻ đẹp thuần khiết đã lưu trữ trong giọt Đường thi của Nguyễn Khuyến:

“*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo...*”

Những *trong veo*, *bé tẻo teo*, *gợn tí*, *sẽ đưa vèo*... đã làm nên hình ảnh một thu Việt tuyệt đẹp. Đó phải chăng là thứ cảm giác đã mất dần theo năm tháng không dễ gì tìm lại được... ■



"Xuyến Chi"

PHONG LAN

Có những điều gọi mãi sẽ thành tên. Đôi khi người ta cũng không hiểu vì sao? Có những ngày con người chông chênh trong nỗi nhớ của chính mình. Có những ngày người ta cố gắng quấy đạp khỏi những nỗi nhớ chưa thể định hình. Chính ta. Ta đã quên ta. Chiều nay, trời bỗng nắng lạ lùng, gió cũng cựa mình len lỏi qua những đôi bàn tay trở lạnh. Đồng hoang. Nơi những bông hoa trắng tinh khôi, nhỏ xíu cố gắng vươn mình trên sỏi cát, nơi những bông hoa đánh bật dậy những yêu thương. Có loài hoa nào đẹp như thế? Loài hoa bé nhỏ đến lạ. Những cánh hoa cũng nhỏ nhỏ rung rinh dưới một làn gió nhẹ, mơn trớn nhụy hoa vàng, nơi những mầm non trú ngụ và bung nở ở một vùng đất nào đó khá xa xôi. Loài hoa ấy có một sức sống mãnh liệt. Sự bé nhỏ đã mang đến sự mạnh mẽ đến kỳ lạ. Bất kỳ nơi đâu người ta cũng dễ dàng bắt gặp một bông hoa nhỏ đang thách thức với sỏi đá khô cằn. Người ta gọi tên nó là Xuyến Chi.

Xuyến Chi, cái tên của một loài hoa dại, không phải ai cũng biết. Loài hoa ấy lúc bé đã gắn với những cặp "vợ chồng" lên ba lên bảy trong trò chơi "cô dâu chú rể", tuổi thơ kết những bông hoa lại thành vòng hoa tròn như vương miện dành cho cô dâu hay người chiến thắng trong một trò chơi. Xuyến Chi được ghi nhớ trong tuổi thơ lúc ở bên ngôi mộ của ngoại mọc đầy những bông hoa bé nhỏ, như một khu vườn của giấc mơ; nơi đó có ngoại đang vẫy tay cười. Xuyến Chi, loài hoa dại nơi núi rừng, nơi của những bài tình ca cất lên không bao giờ thôi da diết, nơi góc sân lúc bàn tay của bà diu dặt tuổi thơ qua những ngày non dại, nơi khóm mướp, nơi những ngôi nhà bỏ hoang vì những tình yêu tan vỡ,

nơi những con đường ai đó đi quên ngày trở về, và nơi những cánh đồng hoang vu của những mùa thu chưa kịp tới... thế nhưng lại xao xuyến lạ lùng. Tại sao cái tên ấy làm cho con người ta nhớ nhung đến thế?

Có ai đó đã từng ngắt một bông hoa cài lên mái tóc để rồi kịp nhìn tình yêu trần trở? Có ai đã có lần dừng chân bên một bông hoa dại để rồi hồi tưởng về những kỷ niệm đã xa xưa? Những bông hoa Xuyến Chi có sức sống mãnh liệt. Chỉ cần những cơn gió mang nhụy hoa đi, hay nhụy hoa bám vào áo quần... và đến một vùng đất mới, nó nằm lại và nuôi lớn "tình yêu", vì thế đâu đâu người ta cũng có thể bắt gặp những bông hoa ấy. Người ta không biết Xuyến Chi xuất phát từ đâu? Cũng giống như tình yêu vậy, bắt đầu và kết thúc, có ai mà biết được? Vì thế nên Xuyến Chi cũng chính là loài hoa đại diện cho tình yêu, thuần khiết, trong sáng, giản đơn nhưng vô cùng mãnh liệt. Xuyến Chi cũng là nơi nuôi lớn tuổi thơ, nơi những con sông không bao giờ thôi chảy, nơi hình ảnh của mẹ tảo tần khuya sớm, nơi ngoại đã già vẫn lom khom hái những bông hoa trong vườn về đan thành vòng tròn giống vương miện của nàng công chúa cho cháu đội trên đầu...

Một ngày Xuyến Chi lại đong đưa trong gió, du dương hát về những khúc tình ca đã lỡ. Liệu rằng có những tình yêu có thể đứng vững vàng trong mưa gió như Xuyến Chi? Liệu rằng ai đó bỗng nhớ về một điều đã lỡ khi nhìn những vạt hoa trắng nơi xa. Phải chăng ta đã đi qua những mộng mơ không hề có và liệu rằng ánh mắt ấy có mãi dành cho nhau. Xuyến Chi luôn hướng về nơi có ánh sáng!

Chiều nay hoa múa trên đồi. Dưới cơn mưa nắng thay màu vàng của lá. ■



Trung thu của tuổi thơ tôi

PHẠM TUẤN VŨ

Tháng Tám trăng rằm lại về rồi đó. Trung thu về, mang theo nhiều tất bật, rộn ràng. Cuộc sống bây giờ đã khăm khá hơn; ngày Tết Trung thu cũng dần đủ đầy, sung túc. Các em sẽ được những chiếc bánh ngọt xinh, những thứ quả chín mọng thơm lừng, được thỏa thích rước đèn ông sao, được múa lân, vui đùa ca hát. Còn niềm vui nào bằng vui Tết Trung thu.

Tôi đã đi qua tuổi thơ, bằng những tháng ngày nghèo khổ. Quê hương tôi tí tắp nơi những ngọn đồi trùng điệp, cách xa đồng bằng mấy chục cây số đường rừng. Ở nơi ấy tôi đã lớn lên, bình yên như rừng núi muôn đời xanh thắm hiền hòa. Nơi ấy, tôi đã có những mùa Trung thu của tuổi thơ, đơn sơ như ánh trăng núi rừng mà nhiều năm đi mãi, chen chúc giữa bao phố thị mỹ lệ phồn hoa, những mùa trăng rằm ấy vẫn chưa một lần mờ nhạt.

* * *

Trung thu của tuổi thơ tôi không có những chiếc bánh ngọt vàng ươm thơm nức trong những chiếc hộp sang trọng, đắt tiền. Với tôi ngày ấy, hạnh phúc thỏa ước mơ trẻ dại là những chiếc bánh ngọt mẹ làm từ bột sắn hay bột nếp để dành. Có những năm mất mùa, khoai sắn thay cơm, niềm mơ ước trẻ thơ ấy đôi khi không thành hiện thực. Trung thu tuổi thơ tôi cũng không có nhiều hoa quả. Cuối vườn có một buồng chuối chín, hay đầu cành một quả bưởi còn sót lại cuối

mùa là tất cả niềm vui mà lũ bạn chăn trâu chúng tôi đem cho nhau trong những đêm rằm. Vậy thôi, nhưng chắc rằng, chẳng chiếc bánh nào thơm ngon như bánh từ tay mẹ nấu. Chẳng thứ quả nào ngọt mát như quả trong vườn. Chiếc bánh Trung thu ngoài tiệm sang trọng thơm tho, nhưng tôi chắc, một khi ăn rồi, người ta quên mất. Nhưng đâu dễ gì quên những thức quà quê mộc mạc, đơn sơ mà vương vấn một đời, dẫu có đi xa, đi mãi...

* * *

Trung thu tuổi thơ tôi thường ít có lân. Bởi quê tôi xa thành phố quá, biết mua lân nơi nào. Mà dẫu có lân bán gần đấy, chắc gì chúng tôi ngày ấy dám mua. Ba mẹ nhiều khi đêm rằm tranh thủ trăng sáng tỏ làm thêm ruộng cỏ ngoài đồng. Mà chúng tôi ngày nhỏ cũng chẳng ai quan tâm lắm đến những con sư tử rực rỡ, lộng lẫy, đẹp xinh, dẫu rằng có đôi lần trong lòng ao ước. Bạn bè bắt cá thả diều của tôi ngày xưa cứ mỗi độ trăng rằm là tụ nhau lại, mang thùng, can nhựa ra gõ, rồi vô tư ca hát, hát những bài ca tuổi thơ chưa bao giờ thuộc hết ca từ và có đôi khi quên cả giai điệu. Vậy mà như những chú ve con, lũ chúng tôi cứ say sưa ca hát, và những tiếng cười không dứt trên môi. Trung thu tuổi thơ đọng lại không phải âm thanh rộn ràng của trống lân, mà là những tiếng gõ can nhựa lộp bộp và những bài ca ngêu ngao quên cả tháng ngày.



* * *

Trung thu tuổi thơ tôi có những đêm trăng sáng tỏ. Trăng núi rừng trong trẻo và thanh thoát vô cùng. Ở thành phố, ít khi nào ta để ý đến trăng, bầu trời ô vuông bởi nhà cao tầng chia cắt che khuất mất bóng trăng lặng thầm. Và ánh sáng văn minh hoa lệ đôi khi lấn mất ánh trăng vốn rất hiền lành, e thẹn. Nhưng ở núi rừng, trăng đến vô tư, dịu dàng như cô gái mới lớn nhà ai đi ngang qua đây, mãi ham chơi chưa muốn về nhà. Ở thành phố, đôi lần ta phải giật mình vì trăng vô tình xuất hiện sau lưng khi phố xá tắt dần đèn điện, trăng đến khê khàng nơi đầu cửa sổ căn phòng trên lầu cao. Nhưng ở núi rừng, lũ chúng tôi có trăng làm bạn, gần gũi và hiền hòa. Trung thu ở thành phố người ta ít khi nào nghĩ đến trăng. Còn ở quê tôi, Trung thu dường như chỉ gắn liền duy nhất với vầng trăng tròn trĩnh, tỏa sáng lung linh. Ngày ấy, trong những đêm rằm, bọn tôi hay bắn khoăn, tại sao trăng cứ đi theo mình mãi vậy. Câu hỏi ngu ngơ của cái thời khờ dại, đến bây giờ tôi mới hiểu hết. Có những điều tưởng đơn sơ mà cao đẹp, tưởng gần gũi mà thiêng liêng, tưởng xa vời mà gần bó. Trăng cứ thế theo tôi trọn đời.

* * *

Trung thu tuổi thơ tôi không có đêm rằm rước đèn ông sao, nối đuôi theo lân đi khắp phố phường. Bạn bè chăn trâu ngày ấy chỉ có những đêm trăng mát dịu, bầu

trời trong veo và đồng càn. Trăng lên cao, treo lơ lửng trên ngọn tre làng, lũ chúng tôi tụ nhau chơi trò đuổi bắt, hát những bài đồng dao, tha hồ reo hò cho đến khi mệt lả, trăng về phía bên kia núi, sương đêm giăng xuống đồng ướt đầm, chúng tôi mới chia tay nhau ra về, hẹn sáng mai lại đón trâu lên núi. Trung thu ngày ấy, tôi còn có những đêm ngồi nghe suối chảy bên tán cây có trăng làm lồng đèn mà mơ mộng những điều vu vơ, có những đêm thôi chạy nhảy cùng bạn bè ra đồng tát nước với mẹ, cả những đêm chờ mãi cho đến khi mờ sáng con lân xinh đẹp làng bên ghé qua... Ấy là những đêm Trung thu đẹp mãi ký ức tuổi thơ tôi.

* * *

Tuổi thơ ai cũng dần qua đi, như sông đời chảy mãi, hết khúc này phải đến khúc khác thôi. Sông đứng lại sẽ thành biển chết. Mỗi mùa Trung thu rồi cũng dần đổi thay, sẽ thôi không còn thiếu thốn, khát khao như một thuở khó nghèo. Tôi đã đón nhiều Tết Trung thu nơi thành phố. Ấy là những đêm rằm háo hức, rộn ràng đông vui mà ngày xưa có lẽ bọn tôi chưa bao giờ mừng tượng được. Vậy mà đi qua nhiều năm tháng, bụi thời gian làm rối mái đầu, ánh trăng đơn sơ nơi núi rừng và những niềm vui nhỏ bé, thơ dại của một thời đầu trần chân đất nơi quê nghèo rừng núi mỗi khi Trung thu về vẫn còn hoài trong tôi, gần bó chân thành và đi theo mãi cho trọn cuộc đời, như vầng trăng theo chân ngày xưa bé dại bắn khoăn... ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Sáng nay tôi vào bệnh viện thăm người thân. Trong lúc ngồi chờ đến giờ vào thăm thì tôi chứng kiến một ca cấp cứu một người đàn ông chừng 60 tuổi. Hồi thăm, được biết lúc ông ấy đang ngồi vá lưới thì tự nhiên gục xuống, không đứng lên được; người nhà thấy vậy vội vàng đưa ông vào bệnh viện. Tại bệnh viện, ông cũng được phòng cấp cứu tiếp nhận ngay, sau đó bác sĩ chẩn đoán và làm đủ mọi cách nhưng cuối cùng đành tuyên bố với người nhà: Đã trễ rồi, hãy đem người thân về nhà đi, không còn cứu được nữa...

Vô thường là thế! Người đàn ông kia đang ngồi vá lưới, đâu thể nào biết được rằng hôm nay mình sẽ ra đi! Chứng kiến cảnh ấy rồi, tôi chợt giật mình khi nhìn lại tôi. Biết rõ ràng là mình còn sức khỏe, còn làm việc được, tôi mới chợt nhận ra rằng “hạnh phúc ở quanh ta”. Hôm nay tôi còn có được một đầu óc tỉnh táo, có sự sáng suốt để hiểu biết mọi việc; tôi cũng còn đủ đôi mắt sáng cho phép tôi trông thấy rõ mọi sự vật; đôi tai tôi còn thính để nghe rõ ràng mọi tiếng động chung quanh; đôi tay tôi lành lặn không té nhũc đủ để làm việc; đôi chân tôi cứng cáp cho phép tôi tự do đi đây đi đó... Ôi! Hạnh phúc như thế mà đôi khi tôi quên mất, cứ đòi hỏi cuộc sống phải như thế này, như thế kia; khi không được như ý thì buồn bực, đau khổ... Xin chân thành cảm ơn cuộc sống đã cho tôi những dịp để nhận ra là hạnh phúc vẫn ở quanh ta. Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy, Ta có thêm ngày nữa để yêu thương...

Hạnh Bình, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Sáng thứ Bảy giữa tháng Tám vừa rồi, vợ chồng em mang đứa con gái được năm tuổi về Củ Chi ăn giỗ bên ngoại. Khi lên xe ở Công trường Quách Thị Trang thì xe vẫn còn vắng, hai vợ chồng em và đứa nhỏ ngồi ở hàng ghế thứ ba bên phải xe. Lúc tới trạm trên đường Lê Lai, có một người phụ nữ khoảng ngoài bốn mươi dẫn theo một bé trai cũng cỡ tuổi con gái em; hai người lên xe ngồi trước em một hàng ghế nhưng ở phía bên trái, và nghe hai người nói chuyện thì em biết là đó hai mẹ con. Bé trai rất tươi tỉnh tự nhiên, nói chuyện với mẹ rất hoạt bát, và cháu hỏi chuyện mẹ liền miệng. Em để ý thấy bà mẹ luôn sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi của đứa bé bằng một giọng nhỏ nhẹ ân cần. Trong xe hầu như luôn vang lên tiếng nói của bé trai, thỉnh thoảng lại điểm một tràng cười khanh khách. Những lúc ấy, em để ý thấy bà mẹ khe khẽ nhắc con đừng làm phiền mọi người trên xe. Nhìn lại đứa con gái của em. Nó ngồi buồn thiu. Mẹ nó lên xe đã gà gắt ngủ, khi nghe tiếng cậu bé dậy ghế bên kia cười khanh khách mới giật mình ngồi thẳng người lại. Được một lát, bà xã em cũng chú ý tới câu chuyện của hai mẹ con đây ghế bên kia. Cô ấy bảo nhỏ với em, “Thằng nhỏ phía bên cũng chỉ bằng con gái mình. Mà nó nói chuyện dzui dzừ há! Sao con mình nó cứ lằm lằm lì lì”. Em cười buồn không trả lời ngay. Một lát sau, em mới nói, “Mình có để ý thằng bé hỏi gì mẹ nó cũng trả lời hay không? Bà ấy đâu có nạt con!”.

Quả thực, vợ chồng em mới chỉ có một đứa con mà bà xã em lúc nào cũng kêu rêu rằng cô ấy đầu tắt mặt tối; do đó, mỗi khi con bé hỏi gì là cô ấy chỉ trả lời nhấm nhắng cho qua, và nếu nó hỏi nhiều hơn là bị cô ấy nạt. Lâu ngày con bé nhút nhát không dám nói chuyện. Em vẫn khuyên bà xã em không nên tham công tiếc việc, mà ở giai đoạn con trẻ còn thơ ấu, nên dành cho nó sự ân cần, chứ không chỉ lo vật chất cho nó là đủ. Sau chuyến đi, em nhận ra bà xã em có phần thay đổi.

Cô ấy quan tâm tới con bé nhiều hơn, khuyến khích nó nói chuyện. Gần một tháng nay, hai mẹ con quấn luyến nhau hơn và đứa bé dần lấy lại được sự tự tin. Em rất cảm ơn cái duyên may của cuộc đời, đã tạo điều kiện cho bà xã em nhìn thấy cụ thể kết quả của việc ân cần với con trẻ.

Nguyễn Hoàng Thanh, quận Nhất, TP.HCM



TẬP ĐOÀN HOA SEN ĐẠT TOP 10 GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT VÀ TOP 10 GIẢI THƯỞNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2013

Sáng ngày 27/8/2013, tại Hà Nội, Trung ương Hội Doanh nhân Trẻ đã tổ chức họp báo công bố kết quả bình chọn giải thưởng Sao Vàng Đất Việt và các hoạt động kỷ niệm mười năm Giải thưởng. Theo đó Hội đồng Bình chọn Giải thưởng đã chọn ra Top 10 Sao Vàng Đất Việt 2013 gồm: FPT, Thaca, Vietinbank, Vissan, Đạm Phú Mỹ, VRG, Traphaco, PVEP, Thiên Long, Hoa Sen Group. Lễ trao giải đã diễn ra tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Mỹ Đình vào Lễ Quốc khánh 2/9 và được truyền hình trực tiếp lúc 9h30 đến 11h00 ngày 2/9/2013 trên Đài Truyền hình Việt Nam - kênh VTV1. Ông Trần Ngọc Chu, Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng GD Tập đoàn Hoa Sen đã đại diện Tập đoàn đón nhận giải thưởng này.

Đây là lần thứ hai Tập đoàn Hoa Sen đạt Top 10 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt (lần đầu vào năm 2009), và cũng là lần thứ hai đạt giải thưởng Trách nhiệm Xã hội (lần đầu vào năm 2011).

CHƯƠNG TRÌNH ĐÊM HỘI TRUNG THU 2013 - MÁI ẤM GIA ĐÌNH VIỆT

Nằm trong chuỗi hoạt động của chương trình thường niên "**Mái Ấm Nhà Việt**", đây là lần đầu tiên **Đêm Hội Trung thu** được tổ chức nhằm tạo sân chơi lành mạnh, không những giúp cho các em có hoàn cảnh đặc biệt từ các mái ấm, nhà mồ, Hội người mù, trường giáo dưỡng tại TP.HCM và các tỉnh lân cận đón một mùa Trung thu đầy ý nghĩa, lưu lại kỷ

niệm đẹp của tuổi thơ, mà còn giúp các em có cơ hội vui chơi, ăn uống nhận quà trung thu - một điều bình dị đối với bao trẻ nhưng riêng với các em đây dường như chỉ là niềm mơ ước.

Chương trình do Báo Công An TP.HCM, Kênh Truyền hình Let's Viet và Tập đoàn Hoa Sen đồng tổ chức. Ngoài ra, chương trình còn nhận được sự tài trợ nước uống từ Công ty Tân Hiệp Phát, và sữa chua, lồng đèn từ Công ty Yến sào Khánh Hòa. Chung tay đồng hành với chương trình, Ban Tổ chức còn nhận được gần 34,5 triệu từ phong trào tự nguyện nuôi heo đất của các em học sinh Trung tâm Đào tạo Tư vấn và Phát triển ABA tại Hà Nội đã quyên góp cho chương trình.

- Địa điểm và thời gian tổ chức: tại Nhà thi đấu Quân khu 7 vào lúc 15h30 đến 20h30 ngày 19/9/2013.

- Đối tượng tham gia: trẻ mồ côi, trẻ có hoàn cảnh khó khăn (2.500 em) và 300 tình nguyện viên.

- Nội dung chương trình: các trò chơi dân gian, hội thi làm đèn lồng, trang trí lân, chương trình ẩm thực do chính Ban Tổ chức phân phát và rước đèn lồng do các em tự thực hiện từ cuộc thi. Văn nghệ kết thúc chương trình.

Tham gia từ năm 2005 và liên tục đoạt giải cho đến nay, năm 2013.



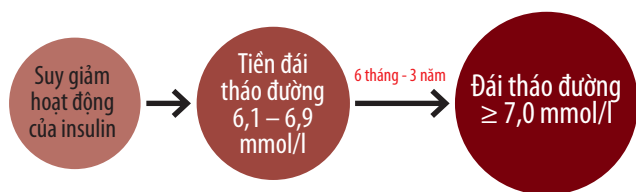
Tiền đái tháo đường: “Cửa ngõ” bệnh đái tháo đường

Tại Việt Nam, tỷ lệ người mắc TĐTĐ hiện đã lên đến 12,8% trong tổng số người trưởng thành, tăng đáng kể so với con số 7,7% của 10 năm trước.

Trong đợt khám sàng lọc bệnh đái tháo đường (ĐTĐ) và tiền đái tháo đường (TĐTĐ) của Trung tâm Dinh dưỡng TP.HCM cuối tháng 7 vừa qua, chị Vũ Thị C (43 tuổi) vô cùng bất ngờ khi biết mình bị mắc TĐTĐ. Hỏi ra mới biết, gia đình chị có người mắc đái tháo đường nhưng chị không hề nghĩ rằng mình nằm trong đối tượng nguy cơ cao nên xem nhẹ việc kiểm tra sức khỏe định kỳ.

60% NGƯỜI TĐTĐ SẼ TIẾN TRIỂN THÀNH ĐTĐ

TĐTĐ là giai đoạn “cửa ngõ” của bệnh ĐTĐ. Mức đường huyết của bệnh nhân TĐTĐ tuy chưa đến mức chẩn đoán ĐTĐ (7,0mmol/l) nhưng đã cao hơn người bình thường. Nguyên nhân gây ra TĐTĐ cũng giống như ĐTĐ, là do sự suy giảm hoạt động của insulin nội tiết.



TĐTĐ là “cửa ngõ” của bệnh ĐTĐ

Theo PGS.TS.Tạ Văn Bình, Viện trưởng Viện Đái tháo đường và Rối loạn chuyển hóa: “Người mắc TĐTĐ thường không biết mình bị bệnh do bệnh không có dấu hiệu nhận biết lâm sàng rõ ràng. Do đó, nếu bệnh không được can thiệp kịp thời và hiệu quả thì trung bình 6 tháng đến 3 năm, trên 60% bệnh nhân TĐTĐ sẽ chuyển sang ĐTĐ, một trong 4 đại dịch của nhân loại cùng nhiều hệ lụy nguy hiểm của nó.”

Vì thế, khi đã mắc TĐTĐ, không chỉ riêng chị C, mà những bệnh nhân khác sẽ phải tập sống chung với một chế độ dinh dưỡng, vận động chặt chẽ để giữ đường huyết ở mức ổn định. Chưa kể, nếu không kiểm soát tốt, họ có thể mắc ĐTĐ và đối mặt với rất nhiều biến chứng nguy hiểm về mắt, thận, tim mạch, thần kinh, nguy cơ cắt cụt chi...

HẠN CHẾ NGUY CƠ MẮC ĐTĐ NHƯ THẾ NÀO?

Khi phát hiện bị mắc TĐTĐ, bệnh nhân nên có biện pháp can thiệp sớm

và đúng cách để mang lại hiệu quả cho việc ngăn ngừa ĐTĐ. Giải pháp can thiệp ưu tiên hàng đầu là thay đổi lối sống. Thay đổi lối sống có thể giúp nhiều người TĐTĐ trì hoãn hoặc thậm chí ngăn ngừa sự bắt đầu của bệnh ĐTĐ. Thay đổi lối sống bao gồm giảm cân để giảm được lượng mỡ dư thừa, tập thể dục hàng ngày và ăn các bữa ăn cân bằng dinh dưỡng, tránh các chất có tác động xấu đến bệnh TĐTĐ như muối, chất béo...

Để hỗ trợ cho việc kiểm soát TĐTĐ, người bệnh có thể sử dụng thêm các chế phẩm từ thiên nhiên điển hình như *Dây thìa canh*. Nhiều nghiên cứu khoa học đã chứng minh tác dụng của *Dây thìa canh* giúp hạ đường huyết, kiểm soát đường huyết trong ngưỡng an toàn, góp phần tăng hiệu quả điều trị và ngăn ngừa TĐTĐ tiến triển thành ĐTĐ và các biến chứng.



Với TĐTĐ: Ngăn ngừa TĐTĐ tiến triển thành ĐTĐ
Với ĐTĐ: Ổn định đường huyết, ngăn ngừa các biến chứng

Cơ chế tác dụng toàn diện của *Dây thìa canh* (có trong TPCN Diabetna) với bệnh TĐTĐ, ĐTĐ hoàn toàn có thể kiểm soát được.



Bạn rất có thể đã hoặc đang ở trong “vùng nguy hiểm” mắc TĐTĐ. Nhưng nếu được tầm kiểm soát và can thiệp kịp thời, TĐTĐ hoàn toàn có thể kiểm soát được.

Để được tư vấn về TĐTĐ, ĐTĐ và các giải pháp ngăn ngừa, vui lòng liên hệ: 04.37920088 hoặc website: www.ichnhan.vn

THI NGUYỄN
(Nguồn Báo Phụ Nữ số 98 ngày 28-8-2013)

Sắp phát hành

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 1 năm 2013**
từ số 168 đến số 179
giá: **210.000đ/cuốn**



Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ	2010 (2 tập): 380.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ	2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2012 (2 tập): 420.000VNĐ	



- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
- Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
- Ngọc Bích Phật Ngọc (Nephrite Jade)
- Gỗ hóa thạch ngọc (Fossil Wood)
- Chuyên: chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật điêu khắc từ đá bán quý - trang sức đá quý.

100% hàng THIÊN NHIÊN (có giám định Viện Địa Chất Đá Quý)

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

* Showroom COASTAL GEMS:

86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: 08. 62784225 - 22465169

* Gian hàng COASTAL GEMS:

Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng 6
364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: 08. 22174726

Hand-phone: 0938 849 886 - 01228 986 668 (Mr. Duy Pham)

* Website bán hàng online:

www.daphongthuy.com.vn
www.coastalgems.com.vn
www.ngocbichvn.com



CÔNG TY TNHH TM XD XNK NGÔI NHÀ ĐẸP

SHOWROOM: NGÔI NHÀ ĐẸP TOTO

253 Nguyễn Thị Thập, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM
Hoặc: 68/100 Đồng Nai, P.15, Q.10, TP.HCM

- **Chuyên cung cấp:** Thiết bị vệ sinh và trang trí nội thất với mẫu mã đa dạng đẹp, sang trọng, tốt...
- **Đặc biệt hỗ trợ tối đa đối với:** Chùa, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất và các anh, chị Phật tử.

□ **Xin vui lòng liên hệ:**

Ms. Thúy (Pd. Nguyễn Trúc) - 0903 962 646
Ms. Hồng - 0163 4898 903 - 3771 9772 - 3771 8772



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



CÁC KHÓA THIỀN VIPASSANA 10 NGÀY

Do Thiền sư S.N. Goenka và các Thiền sư phụ tá giảng dạy theo truyền thống của ngài Sayagyi U Ba Khin

Tại TỈNH XÁ NGỌC THÀNH – TP.HỒ CHÍ MINH

37/12 đường 41, khu phố 6, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh
(Được chấp thuận tổ chức theo CV số 133/TGCP-HTQT ngày 27/02/2013 của Ban Tôn giáo Chính phủ)

- ❑ Khóa IV: Từ 16/10/2013 đến 27/10/2013
(ÂL: 12/9 - 23/9 Quý Ty)
- ❑ Khóa V: Từ 20/11/2013 đến 1/12/2013
(ÂL: 18/10 - 29/10 Quý Ty)
- ❑ Khóa Satipatthana: Từ 4/12/2013 đến 13/12/2013
(ÂL: 2/11 - 11/11 Quý Ty)
- Nhận đơn ghi danh từ 16/9/2013 đến khi đủ chỗ

- Nhận đơn ghi danh qua e-mail:
dharmavinnu.ghidanh@gmail.com
- Nhận đơn trực tiếp hoặc bưu điện:
Tỉnh Xá Ngọc Thành (Cò Liên, theo địa chỉ đã ghi trên)
- Điện thoại liên hệ:
0906 509 483 (Ban ghi danh)
0904 593 477 (Cò Hiền)
0918 002 475 (Anh Chí)

- ★ Để xem thông báo, tải đơn ghi danh & đọc các tài liệu quan trọng, xin vào trang web:
<http://vipassana.vn/khoa-thien/txnt-tp-hcm/> (tiếng Việt)
<http://vipassana.vn/en/khoa-thien/txnt-tp-hcm/> (tiếng Anh)
- ★ Ngoài ra, xin vào trang web sau để xem thông tin các khóa thiền Hà Nội:
<http://vipassana.vn/khoa-thien/ucenlist-vma-ha-noi/> (tiếng Việt)
<http://vipassana.vn/en/khoa-thien/txnt-tp-hcm/> (tiếng Anh)



DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com – email: lienhe@phapuyen.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B. Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,
quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- ❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- ❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM
Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lư:

- Móc khóa, quả lưu niệm
- Quả tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P. 8 – Q. 3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028

Lời giới thiệu của HÒA THƯỢNG THÍCH NHẬT QUANG
Trưởng Ban Quản Trị Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử

THIỀN TÔNG VIỆT NAM

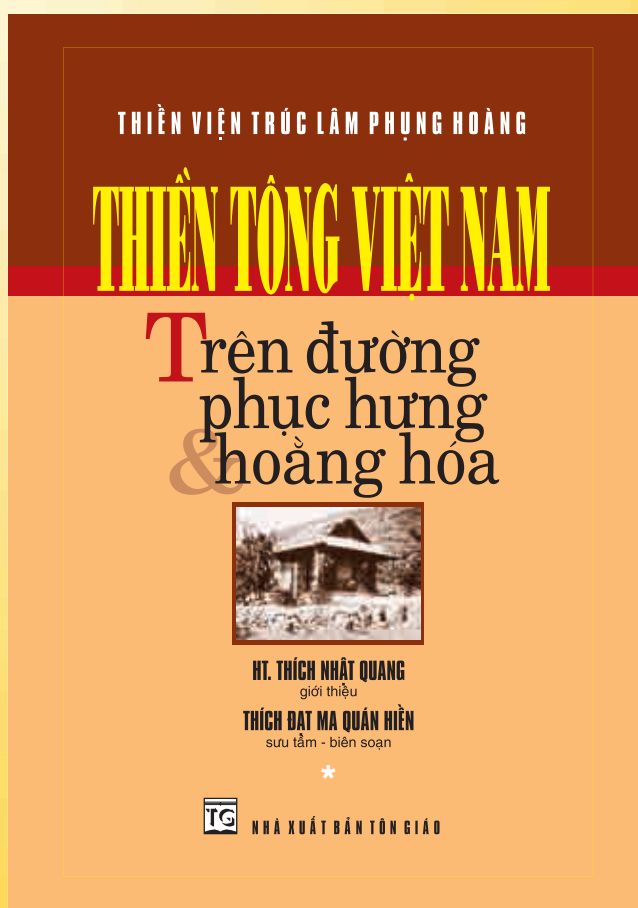
Trên đường phục hưng & hoằng hóa

Viết về Người, Hòa thượng thượng Thanh hạ Từ, bậc ân sư khả kính của tất cả môn hạ đệ tử trong Tông môn thuộc thiền phái Trúc Lâm Việt Nam. Viết về thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX được khôi phục và hoằng hóa bởi một thiền sư xuất thân từ miền sông nước Hậu Giang. Đó là nội dung tập sách do Đại Đức Thích Đạt-ma Quán Hiền đã khổ công biên tập mà quý độc giả đang có trên tay.

Bằng bút pháp nhẹ nhàng thi vị nhưng không kém phần cuốn hút, biên giả khiến người đọc thích thú tiếp tục giở sang trang kế, mặc dù đây là tác phẩm thuộc loại biên khảo rất dễ gây cảm giác nhàm chán. Đi vào tập sách, bên cạnh những kiến trúc vật thể khô khan như thiền đường, nhà khách, tăng đường, còn có khoảng không gian trời nước xanh mát bao la, khiến ta ngỡ như đi giữa rừng thiền:

Tất cả toàn thông, muôn lối hài hòa nhi nhiên. Không tiếng động, không mô hình, không vướng mắc. Uyên nguyên như thế, tỏa sáng trầm hùng như thế. Từ đây sức sống tuôn trào vô tận, hạnh phúc an lạc vô biên. Kẻ đứng ngoài kia với nắng gió âm thanh, chưa một lần ngoảnh mặt làm sao biết được? Ai đã nghe tiếng thác vọng rừng thiêng, ai đã đi giữa nước mắt nụ cười, thử một lần dừng lại, nhìn xem là gì?

Ở đây, thanh thanh rừng già, thanh thanh nhựt sống chưa thành vóc, chẳng nên hình. Dịu mà thoảng, nhẹ mà tỏa, ngan ngát hương định, hương tuệ, hương giải thoát. Rừng thiền rắc lá vi vu sao không thành tiếng động, gió mát thanh lương sao chẳng gọi bóng trúc la đà? Có phải tâm vật nhất như, động tĩnh bất dấy? Chà chà! Chớ để môi mép khua động hồn rừng, làm lụy đến muôn đời.



Thôi thì,

Hãy thử một lần bước vào. Đây khung trời không cấm địa, đây ánh trăng sao tỏa sáng, chẳng ngăn ngại những bước chân lữ thứ quay về.

NHÀ SÁCH VĂN THÀNH THIẾT KẾ - IN ẤN & PHÁT HÀNH SÁCH “THIỀN TÔNG VIỆT NAM”

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số 186

Phát hành ngày 1 - 10 - 2013

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Văn
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH
Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tỷ
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(Chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 – 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 – 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Tứ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa-Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phát Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 – 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 – 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 – 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG